

9	Đường nhánh các thôn 8, thôn Thống Nhất, thôn Tân Thành, thôn Đăk Hà Đông, thôn Đăk Hà Tây, buôn Hđing.			140			
10	Đường chính các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, buôn Brăh, buôn Por, thôn Thạch Hà			140			
11	Đường chính buôn Yao, buôn Đrao, buôn Đrao B, Buôn phong Cư Dliê M' nông			120			
12	Khu dân cư còn lại thôn 1 Ea Tar, thôn 2 Ea Tar, thôn 3 Ea Tar, thôn 4 Ea Tar			128			
13	Khu dân cư còn lại Buôn Ea Tar, Buôn Đrai Sỉ, buôn Mlăng, buôn Ea Kiêng, buôn Tong Liă, Buôn Kdoh			112			
14	Đường nhánh các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, buôn Brăh, buôn Phong, Buôn Hra B, Buôn Sah B, buôn Sah A, Buôn Trĩa (kể cả đường nhánh giáp với đường đi phường Cư Bao),buôn Đrao, buôn Đrao B, Buôn phong Cư Dliê M' nông, buôn Tu, buôn Knia, Por, buôn Yao (kể cả đường nhánh giáp với đường đi phường Cư Bao), Buôn Hra A, thôn Thạch Hà			112			
15	Khu vực còn lại			100			
A69	PHƯỜNG TUY HÒA						
1	Đại lộ Hùng Vương						
-		Bạch Đằng	Đường Nguyễn Công Trứ	10.500	7.500	5.000	3.000
-		Nguyễn Công Trứ	Trần Hưng Đạo	19.500			
-		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ	28.500	19.500	12.500	7.000
-		Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	26.500	18.500	10.250	5.750
-		Trần Phú	Nguyễn Hữu Thọ	23.000	16.000	9.250	4.500
2	Đại lộ Nguyễn Tất Thành						
-		Bắc cầu Sông Đà Răng đến Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	8.500	6.000	3.500	2.000
-		Trần Hưng Đạo	Ranh giới phường Tuy Hòa và phường Bình Kiến	13.000	9.000	6.500	4.000
-		Đường song hành phía Tây Đại lộ Nguyễn Tất Thành (Đoạn đường phía Tây từ đường Trần Phú)	Hết Cửa hàng bia đối chứng 2 của Nhà máy bia Sài Gòn	7.500			
3	Bà Huyện Thanh Quan			4.000	2.750	2.000	1.500
4	Bà Triệu						
-		Lý Thường Kiệt	Nguyễn Huệ	7.500	5.250	3.750	2.250
-		Nguyễn Huệ	Trần Phú	8.500	6.050	4.300	2.500
5	Bạch Đằng						
-		Cảng cá phường 4 cũ	Lê Duẩn	6.500	4.500	3.000	2.250
-		Lê Duẩn	Phan Đình Phùng	7.500	5.250	3.750	2.250
-		Phan Đình Phùng	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	6.500	4.500	3.000	2.250
6	Cần Vương (Trừ khu đất phía Nam Bảo tàng Phú Yên)	Lê Thành Phương	Nguyễn Thái Học	7.500			
7	Cao Thắng			7.880	5.250	3.940	2.630
8	Chu Mạnh Trinh			5.500	4.250	2.750	1.500
9	Chu Văn An						
-		Trần Hưng Đạo	Đường nội bộ 6m	8.500	6.000	4.250	2.500
-		Đường nội bộ 6m	Giáp sân vận động	4.700	3.300	2.350	1.400
10	Côn Sơn	Trần Quang Khải	Ranh giới xã Hòa An cũ	5.250	3.000	2.630	1.880

11	Đào Duy Tùng			6.500			
12	Đào Tấn (Đường quy hoạch số 1 thuộc Khu dân cư phía đông)	Mai Xuân Thường	Trần Phú	5.500			
13	Điện Biên Phủ						
-		Độc Lập	Đại lộ Hùng Vương	11.550	7.700	5.500	3.850
-		Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Trãi	13.800	10.620	7.620	4.560
14	Độc Lập			7.500	4.500	2.250	1.100
-		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Hữu Thọ	10.000	7.500	5.650	4.250
-		Đoạn còn lại		7.500	4.500	2.250	1.100
15	Đồng Khởi			8.500	6.450	4.300	2.850
16	Duy Tân						
-		Bạch Đằng	Trần Hưng Đạo	11.500	7.800	5.650	3.550
-		Trần Hưng Đạo	Điện Biên Phủ	12.650	9.080	6.270	4.180
17	Hai Bà Trưng						
-		Trần Hưng Đạo	Đường nội bộ Khu dân cư Rạch Bàu Hạ	7.500	5.250	3.750	2.250
-		Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	8.500			
18	Hải Dương	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Hòa An cũ	7.150	4.550	3.190	2.280
19	Hàm Nghi	Đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ	Lê Trung Kiên	4.730	3.260	2.260	1.630
20	Hồ Xuân Hương			4.730	3.260	2.260	1.630
21	Hoàng Diệu			7.500	5.250	3.750	2.250
22	Hoàng Văn Thụ						
-		Hùng Vương	Ngô Văn Sở	8.400	6.090	4.250	2.420
-		Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi nối dài	Giáp ranh giới phía Đông thửa đất của Công ty Cổ phần Pymepharco	7.880			
23	Huyền Trân Công Chúa			5.180	3.570	2.130	1.440
24	Huỳnh Thúc Kháng			7.500	5.250	3.750	2.250
25	Lê Duẩn						
-		Bạch Đằng	Trần Phú	12.080	8.930	5.930	3.730
-		Trần Phú	Nguyễn Hữu Thọ	10.500	8.190	5.720	3.260
26	Lê Hồng Phong						
-		Đường quy hoạch rộng 10m	Trường Chinh	8.500	6.400	4.800	3.600
-		Trường Chinh	Đại lộ Hùng Vương	5.500	4.200	2.800	1.750
27	Lê Lai			6.000			
28	Lê Lợi						
-		Đại lộ Hùng Vương	Duy Tân	13.200	7.920	5.280	3.300
-		Duy Tân	Phan Đình Phùng	16.500	9.300	6.440	3.580
-		Phan Đình Phùng	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	8.800	5.120	3.850	2.530
29	Lê Quý Đôn			7.150	5.340	3.690	2.480
30	Lê Thành Phương						
-		Nguyễn Huệ	Trần Phú	12.650	7.810	6.220	3.910
-		Trần Phú	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	11.000	7.150	5.500	3.300

31	Lê Thánh Tôn			13.500	9.000	6.300	3.600
32	Lê Trung Kiên						
-		Đại lộ Nguyễn Tất Thành	Tân Đà	7.500	5.250	3.000	1.500
-		Tân Đà	Trần Phú	12.100	8.750	5.560	3.190
33	Lương Tấn Thịnh			10.200	7.680	5.760	4.320
34	Lương Thế Vinh			4.200	3.180	2.400	1.800
35	Lương Văn Chánh						
-		Phía Nam Trung tâm vòng tay âm Thành phố +12m	Trần Hưng Đạo	8.500	5.750	4.300	2.850
-		Trần Hưng Đạo	Điện Biên Phủ	11.000	7.950	5.750	3.600
36	Lý Thái Tổ			9.750	6.830	4.880	2.930
37	Lý Thường Kiệt						
-		Lê Duẩn	Giáp đoạn đã đầu tư hạ tầng	4.200	2.940	2.210	1.470
-		Đoạn đã đầu tư hạ tầng	Giáp rạch Bầu Hạ	7.880	5.250	4.200	2.630
-		Duy Tân	Hết đoạn đã đầu tư hạ tầng	7.880	5.250	4.200	2.630
38	Lý Tự Trọng			11.000	8.250	6.220	4.680
39	Mạc Thị Bưởi	Trần Quang Khải	Ranh giới xã Hòa An cũ	4.500	2.850	2.330	1.880
40	Mai Xuân Thương (Tric đoạn thuộc Khu dân cư số 2 dọc Trần Phú)			9.750	7.130	4.500	2.700
41	Mậu Thân						
-		Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	11.900	9.030	6.020	3.990
-		Điện Biên Phủ	Ngã năm Mậu Thân	4.000	2.450	1.850	1.250
-		Ngã năm Mậu Thân	Nguyễn Hữu Thọ	4.950	2.700	2.040	1.380
42	Đường N2	Độc Lập	Lê Duẩn	4.500			
43	Đường N3	Độc Lập	Đại lộ Hùng Vương	7.500			
44	Ngô Quyền						
-		Phía Nam nhà số 01 Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	9.350	6.330	4.730	3.140
-		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	12.650	9.350	6.220	3.910
-		Lê Lợi	Nguyễn Huệ	8.800	7.040	5.120	3.850
45	Ngô Văn Sở			8.800	6.380	4.460	2.530
46	Nguyễn Bình Khiêm			8.250	5.780	4.130	2.480
47	Nguyễn Chí Thanh			9.350	6.330	3.960	2.370
48	Nguyễn Công Trứ						
-		Trần Hưng Đạo	Đại lộ Hùng Vương	5.780	4.410	2.940	2.210
-		Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Trãi	7.500	4.500	3.000	2.250
-		Nguyễn Trãi	Ngã 5 Trần Hưng Đạo	7.800	4.320	2.880	2.160
49	Nguyễn Đình Chiểu			9.350	6.330	3.960	2.370
50	Nguyễn Du			7.150	4.570	3.300	1.980
51	Nguyễn Đức Cảnh	Hùng Vương	Đường quy hoạch 16m phía Tây Khu dân cư Bộ đội biên phòng	4.950	3.410	2.700	2.040
52	Nguyễn Huệ						

-		Độc Lập	Trương Chính	13.200	7.920	5.280	3.300
-		Trương Chính	Lê Trung Kiên	16.500	9.300	6.440	3.580
53	Nguyễn Hữu Thọ						
-		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ	13.000	5.800	4.050	2.900
-		Trần Suyên phía Tây bệnh viện tỉnh	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	5.500	4.200	2.800	2.100
54	Nguyễn Thái Học			12.650	9.080	6.270	4.180
55	Nguyễn Thế Bảo	Phan Đăng Lưu	Tổ Hữu	4.500	3.000		
56	Nguyễn Thị Minh Khai						
-		Đường quy hoạch 10m	Trương Chính	9.350	7.100	4.730	3.140
-		Trương Chính	Đại lộ Hùng Vương	6.050	3.850	3.080	1.930
57	Nguyễn Trãi (Trừ Khu đất phía Nam Báo tàng Phú Yên)						
-		Bạch Đằng	Nguyễn Công Trứ	11.000	8.500	6.000	4.250
-		Nguyễn Công Trứ	Trần Hưng Đạo	12.750	9.250	6.750	4.250
-		Trần Hưng Đạo	Điện Biên Phủ	15.250	12.000	7.750	5.000
-		Điện Biên Phủ	Nguyễn Hữu Thọ	12.000	8.500	6.000	4.250
58	Nguyễn Trung Trực						
-		Trần Phú	Nguyễn Bình Khiêm	6.600	4.620	3.360	2.100
-		Đoạn còn lại		5.400	3.720	2.580	1.860
59	Nguyễn Trường Tộ			6.050	4.620	3.080	1.540
60	Nguyễn Văn Cừ			9.350	7.100	4.730	3.140
61	Nguyễn Văn Huyền (Trừ Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông) và Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương)						
-		Trần Phú	Nguyễn Hữu Thọ	12.500			
62	Phạm Hồng Thái			8.250	5.780	4.130	2.480
63	Phạm Ngọc Thạch						
-		Nguyễn Hữu Thọ	Hết đường Phan Đăng Lưu	7.150	4.900	3.300	2.480
-		Đoạn chưa đầu tư hạ tầng (Đoạn còn lại)		4.500	2.950	1.750	1.200
64	Phan Bội Châu			7.500	5.250	3.750	2.250
65	Phan Đăng Lưu			8.250	5.780	4.130	2.480
66	Phan Đình Phùng						
-		Bạch Đằng	Tân Đà	8.500	6.000	4.250	2.500
-		Tân Đà	Nguyễn Huệ	13.500	6.750	4.250	2.500
67	Phan Lưu Thanh			9.350	7.100	4.730	3.140
68	Phù Đổng			7.500			
69	Lê Văn Xuyên	Mạc Thị Bưởi	Khu đất Mộc Tháo	4.550			
70	Tân Đà			7.500	4.500	3.000	2.250
71	Tây Sơn			4.400			
72	Thành Thái	Duy Tân	Lương Văn Chánh	7.500	4.500	3.000	2.250
73	Tổ Hữu	Hùng Vương	Trần Suyên	9.000	7.200	5.400	3.600
74	Trần Bình Trọng	Lê Lợi	Nguyễn Công Trứ	8.250	5.780	4.130	2.480
75	Trần Cao Vân	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	8.500	6.100	4.300	2.500
76	Trần Hưng Đạo						
-		Độc Lập	Lê Duẩn	9.600	6.240	4.200	2.760
-		Lê Duẩn	Đại lộ Hùng Vương	13.800	7.620	5.340	3.780
-		Đại lộ Hùng Vương	Duy Tân	16.200	9.360	6.240	4.680
-		Duy Tân	Phan Đình Phùng	19.800	11.040	7.860	5.520
-		Phan Đình Phùng	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	14.400	8.640	5.760	4.320
77	Trần Mai Ninh	Nguyễn Huệ	Nhà số 109/2 Chu Văn An	4.000	2.250	1.600	950

78	Trần Nhật Duật	Lý Thái Tô	Nguyễn Công Trứ	7.480	5.580	3.850	2.590
79	Trần Phú (Trừ Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (giai đoạn 1 - đợt 1))						
-		Độc Lập	Lê Thành Phương	18.000	14.000	10.000	6.000
-		Lê Thành Phương	Đường vành đai	12.000	9.000	6.000	4.000
80	Trần Quang Khải	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Hòa An cũ	6.500	4.250	2.250	1.500
81	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Huệ	Hẻm số 17 Lê Lợi	7.500	5.250	3.750	2.250
82	Đường Trần Quý Cáp						
-		Bạch Đằng	Nguyễn Công Trứ	5.500	4.200	2.800	1.400
-		Nguyễn Công Trứ	Lê Lợi	7.500	5.250	3.750	2.250
83	Trần Suyền (Trừ Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (giai đoạn 1))			5.000			
84	Trần Suyền phía Tây Bệnh viện Tỉnh			5.000	3.260	2.260	1.310
85	Trường Chinh						
-		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ	10.000	7.000	4.000	2.000
-		Nguyễn Huệ	Trần Phú	12.650	9.520	7.150	5.390
-		Trần Phú	Nguyễn Hữu Thọ	8.250			
86	Trương Định			4.400	3.300	2.480	1.870
87	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Trường Chinh	6.500			
88	Văn Cao	Nguyễn Văn Huyền	Phạm Ngọc Thạch	7.500	5.250	3.750	2.250
89	Yersin						
-		Lê Lợi	Nguyễn Huệ	7.150	4.900	3.300	2.480
-		Trần Phú	Cuối quán cà phê Thạch Tuyền	7.500			
90	Đường giao thông khu phố Ngọc Phước 2	Nguyễn Tất Thành	Ranh giới xã Hòa An cũ	3.500	2.000	1.750	1.250
91	Đường giao thông khu phố Ngọc Lãng	Đường phía Đông giáp đường sắt	Đường bê tông	3.500	2.000	1.750	1.250
92	Đường rộng 16m thuộc các lô B6, L (thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết tuyến đường Độc Lập)			5.000			
93	Đường Quy hoạch 16m	Điện Biên Phủ	Nguyễn Văn Cừ	5.000			
94	Đường Quy hoạch 10m	Lý Tự Trọng	Trần Phú	4.000			
95	Đường Quy hoạch 10m	Lý Tự Trọng	Phan Lưu Thanh	4.000			
96	Đường phía Bắc Công ty cổ phần An Hưng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trung Trực	4.400			
97	Đường vành đai	Trương Định	Lương Thế Vinh	3.000	2.500	2.000	1.500
98	Đường đi cảng cá			5.500	4.200	2.800	1.750
99	Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (giai đoạn 1 - đợt 1)						
-		Đường Trần Phú		22.100			
-		Đường Trần Suyền		15.800			
-		Đường D5, N1 quy hoạch 20m		14.000			
-		Đường D4		14.000			
-		Đường D3 quy hoạch 20m		14.000			
100	Khu dân cư Hưng Phú						
-		Nguyễn Côn		7.000			
-		Trần Quang Diệu	Trần Phú	6.500			
-		Tô Hiến Thành		6.500			
-		Nguyễn Thiếp		6.500			
-		Đường số 2 rộng 10m	Ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 2	6.500			
			Ngã tư đường Trần Quang Diệu - đường số 1B				

-	Đường số 1B rộng 10m	Ngã ba đường Trần Quang Diệu - đường số 1B	Nhà số B81	6.500			
-	Đường số 1C rộng 10m	Ngã ba đường số 1B-1C	Ngã ba đường 1C-đường Nguyễn Thiếp	6.500			
-	Đường số 1A rộng 10m	Ngã ba đường Tô Hiến Thành-nhà số A30	Ngã ba đường Trần Quang Diệu-đường số 1A	6.500			
101	Khu dân cư Nghị Trần						
-	Đường Đào Trí			5.000			
-	Trục đường rộng 10m			4.500			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m			4.000			
102	Khu dân cư Nguyễn Thái Học						
-	Trục đường rộng 10m			6.500			
-	Trục đường rộng 6m			4.250			
103	Khu dân cư Ninh Tĩnh 1, 2, Bộ đội biên phòng (Đường rộng từ 6m-dưới 10m)			4.000			
104	Khu dân cư Rạch Bàu Hạ						
-	Trục đường rộng 10m - dưới 16m			7.500			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m			4.500			
105	Khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú						
-	Đường Mai Xuân Thưởng (Đoạn thuộc Khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú)			19.500			
-	Đường Tô Nào			10.000			
-	Đường Tô Ngọc Trác			6.000			
-	Các trục đường rộng 8m và rộng 9m			4.500			
-	Trục đường rộng 6m			4.000			
106	Khu đất 1,3ha phía Bắc Trung tâm thương mại Vincom			10.000			
107	Khu dân cư liền kề đường Điện Biên Phủ						
-	Đường D1			7.500			
-	Đường số 8A	Nguyễn Trãi	Điện Biên Phủ	7.500			
-	Đường NB 2 rộng 6m	Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	5.000			
-	Đường NB 4 rộng 6m	Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	5.000			
-	Đường NB 5 rộng 6m	Lương Văn Chánh	Duy Tân	5.000			
-	Các đường nội bộ rộng 5m			4.500			
108	Khu Trung tâm Thương mại Vincom: Các đường nội bộ rộng từ 10m đến 13,5m			10.000			
109	Khu dân cư tại 47 Nguyễn Trung Trực: Trục đường quy hoạch rộng 6m			4.000			
110	Đất có mặt tiền tiếp giáp bên xe nội thành			6.500			
111	Khu tái định cư trong Dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh						
-	Các trục đường rộng 20m			10.000			
-	Các trục đường rộng 16m			8.000			
112	Khu dân cư của dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh						

-	Đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m)			12.500			
-	Đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m)			10.000			
-	Đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)			10.000			
-	Đường Quy hoạch rộng 20m: Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Mậu Thân			11.000			
-	Đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m)			10.000			
-	Đường Quy hoạch số 05 (rộng 16m)			10.000			
-	Đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m)			11.000			
113	Khu đất phía Nam Bảo tàng Phú Yên						
-	Nguyễn Trãi	Giáp đường Cần Vương	Ngã ba đường Điện Biên Phủ - Nguyễn Trãi	17.700			
-	Cần Vương	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Trãi	11.200			
-	Các đường rộng 6m			7.500			
114	Khu nhà ở hỗn hợp cao cấp tại Khu đất phía Nam đường Quy hoạch N3, đường Hùng Vương						
-	Đại lộ Hùng Vương			42.730			
-	Đường nội bộ rộng 12,5m			26.220			
-	Đường N3			24.860			
115	Khu dân cư Cây Muồng						
-	Đường Trần Huy Liệu (Trục đường rộng 12m cũ)			4.730			
-	Trục đường rộng từ 6m - dưới 10m			4.200			
116	Khu dân cư đường Mạc Thị Bưởi (Khu phía Nam đường Trần Quang Khải và phía Tây đường Côn Sơn)						
	Đường Trần Quang Khải (đoạn qua khu dân cư)			7.800			
	Đường Côn Sơn (đoạn qua khu dân cư)			7.250			
	Đường QH D1; D2; D3; D4; D6; (12m)			5.100			
	Đường QH D5 (20m)			7.410			
117	Quốc lộ 1						
-	Đoạn đi qua địa bàn xã Hòa An cũ			4.250			
-	Đoạn qua địa bàn xã Hòa Trị cũ			4.000			
118	Quốc lộ 25						
-		Ranh giới thành phố Tuy Hòa cũ	Giáp đường tránh Quốc lộ 1	7.000	4.550	2.100	1.750
-		Quốc lộ 1	Đường cao tốc Bắc Nam	5.000	3.500	1.500	1.250
119	Đường ĐH 21 (Trù dự án: Khép kín khu dân cư xã Hòa An (đổi diện cây xăng An Niên))	Đoạn qua địa bàn phường Tuy Hòa		4.000	2.950	1.500	1.000
120	Đường ĐH 22						

-		Đoạn qua địa bàn xã Hòa An cũ		6.000	3.900	1.500	1.000
-		Ranh giới xã Hòa An cũ	Cầu chui khu phố Phước Khánh	2.800	1.600	1.050	730
-		Cầu chui khu phố Phước Khánh	Cao tốc Bắc Nam	2.700	1.600	900	630
121	Đường ĐH 23	Đoạn qua địa bàn phường Tuy Hòa		5.250	4.000	1.500	1.000
122	Đường ĐH 27						
-		Quốc lộ 25	Quốc lộ 1	2.810	2.000	1.380	940
-		Quốc lộ 1	Cao tốc Bắc Nam	2.190	1.560	1.130	810
123	Đường liên khu phố Phú Ân - Vĩnh Phú						
-		Quốc lộ 25	Cầu ông Nhân	1.500	1.050	750	550
-		Cầu ông Nhân	Đường ĐH 27	1.000	700	500	350
124	Đường từ Quốc lộ 25 (cầu số 4) đến ranh giới xã Hòa Trị cũ			1.100	770	550	390
125	Đường D2 (Quy hoạch rộng 20m)	Đường ĐH 27	Giáp nhà ông Lý Thành Sơn	2.550	1.550	950	550
126	Khu dân cư phía Nam trường THCS Hòa An (Các đường nội bộ trong Khu dân cư)			2.550			
127	Dự án: Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ (Khu A)						
-	Đường DT2 quy hoạch rộng 42m			6.300			
-	Đường DT1 quy hoạch rộng 36m			5.850			
-	Đường DT4, DT6 quy hoạch rộng 30m			4.500			
-	Đường BN6, BN12 quy hoạch rộng 25m			3.600			
-	Đường BN2, BN3, BN5, BN7, BN8 quy hoạch rộng 20m			3.150			
-	Đường BN4, BN14, DT3, DT5, DT7 quy hoạch rộng 16m			2.700			
128	Khu tái định cư xã Hòa An cũ phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 25						
-	Đoạn đường quy hoạch rộng 20m			4.250			
-	Đoạn đường quy hoạch rộng 16 m			3.850			
-	Đoạn đường N1, N2, D1 quy hoạch rộng 12m			3.400			
129	Dự án: Khép kín khu dân cư xã Hòa An cũ (đối diện cây xăng Ân Niên)						
-	Đường ĐH 21 (Xã lộ 21 cũ): <i>Đoạn qua khu dân cư</i>			5.800			
-	Đường D1; D2; N1; N2; N3; N4; N5 rộng 11,5m			4.050			

130	Đường nội bộ N1 trong Khu tái định cư xã Hòa An thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đoạn thuộc địa phận huyện Phú Hòa thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025			1.500			
131	Dự án: Khép kín khu dân cư phía Đông trường Tiểu học Hòa Trị 2						
-	Đường ĐH 22: Đoạn qua khu dân cư			5.780			
-	Đường D1; D2; D5, N2, N4 rộng 11,5m			4.230			
-	Đường N1 rộng khoảng 9,0 m			3.720			
-	Đường N3 rộng 6,0m			3.720			
-	Đường D3 và D4 rộng 4,0m			3.300			
132	Khu tái định cư xã Hòa Trị cũ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đoạn thuộc địa phận huyện Phú Hòa cũ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025						
-	Đường nội bộ rộng 16m			1.000			
-	Đường nội bộ rộng 11m			800			
A70	PHƯỜNG PHÚ YÊN						
1	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Đông Hòa	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (nút giao thông QL 1)	3.000			
2	Đại lộ Hùng Vương: Đoạn qua địa bàn phường Phú Đông, địa bàn phường Phú Thạnh cũ (<i>Trừ đoạn Khu nhà ở K2-K6 đường Hùng Vương</i>)			9.000	6.000	4.500	3.000
3	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	Nút giao thông quốc lộ 1	Nam cầu Đà Rằng (Trừ đoạn thuộc dự án KDC phía Bắc trụ sở UBND phường Phú Thạnh cũ)	6.250	3.750	2.500	1.250
4	Đường 27 tháng 7			2.300	1.450	1.200	750
5	Đường 3 tháng 2						
-		Ngô Gia Tự	Thăng Long	3.000	2.150	1.550	900
-		Thăng Long	Hẻm phía Nam Trường mầm non Phường Phú Thạnh cũ	2.250	1.350	1.100	650
-		Hẻm phía Nam Trường mầm non Phường Phú Thạnh cũ	Đường sắt	1.500	1.200	850	500
6	Bùi Thị Xuân	Ngô Gia Tự	Võ Thị Sáu	2.000	1.500	1.000	700
7	Caô Bá Quát						
-		Nguyễn Văn Linh	Cầu ông Đám	1.300	1.000	700	450
-		Cầu ông Đám	Giáp đường Trần Rén	1.000	600	400	250
8	Chiến Thắng						
-		Giáp xã Hòa Thành cũ	Nguyễn Văn Linh	2.600	1.850	1.350	750
-		Nguyễn Văn Linh	Hết Khu dân cư chợ Phú Lâm	2.250	1.600	1.100	650
9	Đình Tiên Hoàng						
-		Ngô Gia Tự	Ngã 3 đôn biên phòng cũ	6.000	4.500	3.000	2.500
-		Ngã 3 đôn biên phòng cũ	Công nhà máy đóng tàu	4.250	3.250	2.000	1.750
10	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Văn Linh	Chiến Thắng	3.000	2.100	1.500	900
11	Đổng Đa	Trần Rén	Giáp cầu sắt Hòa Thành	1.500	900	600	400
12	Hồng Bàng	Nguyễn Tất Thành	Giáp đường bê tông hiện trạng	2.500			

13	Kim Đồng	Ngô Gia Tự	Bờ tường phía Tây nghĩa trang liệt sĩ	2.500	1.700	1.200	700
14	Lạc Long Quân	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Văn Linh	3.000	2.100	1.500	900
15	Lê Đại Hành	Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thị Định	2.250	1.550	1.100	650
16	Ngô Gia Tự			5.000	3.500	2.500	2.000
17	Nguyễn Anh Hòa						
-		Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Văn Linh	2.250	1.550	1.100	650
-		Nguyễn Văn Linh	Giáp xã Hòa Thành cũ	1.500	1.200	750	450
18	Nguyễn Hồng Sơn						
-		Ngô Gia Tự	Võ Thị Sáu	3.500	2.400	1.700	1.050
-		Võ Thị Sáu	Hết Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương	1.500	1.000	650	450
19	Nguyễn Thị Định			3.000	2.100	1.500	900
20	Nguyễn Văn Linh			4.800	3.000	1.800	1.200
21	Phạm Đình Quy	Ngô Gia Tự	Võ Thị Sáu	3.500	2.400	1.700	1.050
22	Phạm Văn Đồng						
-		Lạc Long Quân	Nguyễn Thị Định	2.600	1.850	1.350	750
-		Nguyễn Thị Định	Hết tuyến đường bê tông	1.850	1.250	900	500
23	Đường Phan Chu Trinh (Trừ Khu dân cư phía Bắc đường quy hoạch rộng 42m (Khu nhà CBCS Công an tỉnh), tại khu phố 3, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng); Khu dân cư phía Đông khu nhà ở cho cán bộ chiến sỹ công an tỉnh, tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng); Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 01 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ; Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 4), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng))						
-		Ngô Gia Tự	Võ Thị Sáu	2.500	1.750	1.200	800
-		Võ Thị Sáu	Hết khu dự án Nhà ở Xã hội Nam Hùng Vương	2.250			
24	Thăng Long						
-		Đường 3 tháng 2	Trần Kiệt	3.500	2.350	1.700	1.000
-		Trần Kiệt	Điểm giao đường sắt và đường 3 tháng 2	3.000	2.150	1.550	900
-		Giáp đường Sắt và đường 3 tháng 2	Giáp xã Hòa Hiệp Bắc cũ	1.500	1.200	850	500
25	Đường Trần Kiệt (Trừ Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 4), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng); Khu nhà ở K2-K6 đường Hùng Vương, phường Phú Đông cũ)			3.500	2.350	1.700	1.000
26	Trần Rén			2.250	1.550	1.100	650
27	Trần Thị Có	Nguyễn Thị Định	Nhà ông Kiều Ngọc Hào	2.500	1.700	1.200	700
28	Võ Thị Sáu	Thăng Long	Đại lộ Hùng Vương	3.500	2.350	1.700	1.000
29	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Văn Linh	Chiến Thắng	1.500	1.200	850	500
30	Yết Kiêu						
-		Ngô Gia Tự	Đại lộ Hùng Vương	2.750	1.900	1.400	1.050
-		Đại lộ Hùng Vương	Đường Đinh Tiên Hoàng	2.500	1.650	1.150	800
31	Khép kín khu dân cư tại khu phố 4, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)						
-		Tuyến đường quy hoạch rộng 25m		11.280			
-		Tuyến đường quy hoạch rộng 12m		1.310			
32	Khu dân cư cơ sở nhà hát nhân dân huyện Tuy Hòa cũ và Khu tập thể huyện Đoàn Tuy Hòa						
-		Trục đường quy hoạch rộng 12m		2.250			
-		Trục đường quy hoạch rộng 7,5m		1.500			
33	Khu dân cư phía Bắc của Khu đô thị mới Nam Tuy Hòa						
-		Tuyến đường quy hoạch rộng 42m		7.500			

-	Tuyến đường quy hoạch rộng 31m			6.500			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			6.000			
-	Tuyến đường N1 quy hoạch rộng 15,5m			5.500			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 15,5m (trừ đường N1)			5.250			
-	Tuyến đường N9 quy hoạch rộng 18,5m			5.750			
-	Tuyến đường số 15 quy hoạch rộng 25m			6.000	4.500	3.000	2.500
34	Khu dân cư phía Bắc đường quy hoạch rộng 42m (Khu nhà CBCS Công an tỉnh), tại khu phố 3, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)						
-	Đường Phan Chu Trinh			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Đường N2 và các đường quy hoạch rộng 16m			3.500			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m			2.500			
35	Khu dân cư phía Đông khu nhà ở cho cán bộ chiến sỹ công an tỉnh, tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)						
-	Đường Phan Chu Trinh			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m			1.580			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m			1.310			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 11m			1.180			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 10m			1.050			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 7m			950			
36	Khu dân cư phía Tây đường quy hoạch rộng 25m (Khu nhà CBCS Công an tỉnh), tại khu phố 4, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)						
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m			1.310			
37	Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 01 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Đường Phan Chu Trinh			7.800			
-	Các đường quy hoạch rộng 25m			7.250			

-	Các đường quy hoạch rộng 20m			4.850			
-	Các đường quy hoạch rộng 16m			4.150			
38	Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 03 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Tuyến đường Hùng Vương nối dài rộng 42m			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 20m			4.850			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12,5m			3.880			
39	Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 2), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)						
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 42m			7.800			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m			1.580			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m			1.310			
40	Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 4), tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ (Sau khi đã đầu tư hạ tầng)						
-	Đường Phan Chu Trinh			7.800			
-	Đường Trần Kiệt			7.500			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 20m			2.100			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 16m			1.580			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m			1.310			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 10m			1.050			
41	Khu đất nhà ở cán bộ lực lượng vũ trang thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Tỉnh tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Các trục đường quy hoạch rộng 12m			2.500			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 10m			2.000			
42	Khu đất nhà ở cho chiến sỹ lực lượng vũ trang Công an Tỉnh tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Các trục đường quy hoạch rộng 25m			7.250			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m			3.500			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 7m			1.800			

43	Khu Khép kín KDC khu phố 4, Phường Phú Thạnh cũ			2.000			
44	Khu nhà ở cho cán bộ LLVT thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh						
-	Đường rộng 16m			3.500			
-	Đường rộng 12m			2.500			
-	Đường rộng 10m			2.000			
45	Khu Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương tại phường Phú Đông cũ (sau khi được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)						
-	Đường quy hoạch rộng 42m	Phan Chu Trinh	Nguyễn Hồng Sơn	7.800			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m			3.500			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 12m			2.500			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 11m			2.400			
46	Khu tái định cư phường Phú Đông cũ						
-	Đường rộng trên 25m			4.000			
-	Đường Trần Khánh Dư			3.500			
-	Đường Trần Toại			3.000			
-	Đường Tô Hiệu			2.500			
-	Đường Ngô Thị Nhậm			2.500			
-	Đường Đoàn Khuê			2.500			
-	Đường Đào Duy Từ			2.500			
-	Đường Lê Vụ			3.000			
-	Đường Phan Huy Chú			2.500			
-	Đường Phùng Chí Kiên			2.500			
-	Đường Ngô Sĩ Liên			2.500			
-	Đường Cẩm Giàng			2.500			
-	Đường Tô Ngọc Vân			2.500			
-	Đường Bình Giang			2.500			
47	Khu tái định cư để di dời các hộ dân ảnh hưởng bởi triều cường tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Đường quy hoạch rộng 42m			7.800			
-	Đường Trần Kiệt			7.500			
-	Đường N1 và các đường quy hoạch rộng 20m			2.000			
-	Đường N2 và các đường quy hoạch rộng 16m			1.500			
-	Đường N3, đường N4, đường N5, đường N6, đường N7, đường N9, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 12,5m			1.250			
-	Đường N8, đường N10 và các đường quy hoạch rộng 9m			900			
48	Khu dân cư phía Bắc trụ sở UBND phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1) cũ						
-	Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn thuộc KDC phía Bắc trụ sở UBND phường Phú Thạnh cũ)			7.800			
-	Các tuyến đường rộng 12m						
+	Tuyến đường số 1	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường số 6 rộng 9,5m	5.630			

+	Tuyến đường số 2	Lô đất số A-11	Đường số 5 rộng 12m	5.430			
+	Tuyến đường số 3	Đường số 1	Lô đất ký hiệu C-24 và Lô đất ký hiệu D-17	5.430			
+	Tuyến đường số 4	Giáp đường số 1	Giáp đường số 5	5.430			
-	Tuyến đường số 6 rộng 9,5m	Đường số 5	Lô đất ký hiệu E-21	5.240			
49	Khu nhà ở K2-K6 đường Hùng Vương, phường Phú Đông cũ						
-	Đường Đoàn Khuê (rộng 12,5m)			10.150			
-	Đường Hùng Vương (rộng 42m)			18.400			
-	Đường Trần Kiệt (30m)			13.550			
-	Đường Trần Toại (rộng 16m)			10.500			
-	Đường Trần Khánh Dư (rộng 20m)			11.550			
-	Đường Ngô Thị Nhậm (rộng 12,5m)			10.150			
50	Đường Hòa Hiệp (Đường liên huyện cũ)	Ranh giới phường Phú Thạnh cũ	UBND phường (nhà ông Ngô Ân)	2.100	1.250	750	550
51	Tuyến đường ven biển (Đại lộ Hùng Vương)	Giáp phường Phú Thạnh, Tp. Tuy Hòa cũ	Giáp phường Hòa Hiệp Trung cũ	2.350			
52	Đường liên phường	Cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1	Công văn hóa thôn Lộc Đông				
-		Cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1	Giáp Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng	1.000	550	380	230
-		Đoạn qua Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng (Đường TG3-TG4 hiện trạng rộng 9,5m, quy hoạch rộng 12,5m)		1.150	580	400	250
-		Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng	Công văn hóa thôn Lộc Đông	1.000	550	380	230
53	Đường ĐT 645						
-		Trạm bơm Phú Lâm	Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông (Trừ Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng)	1.400	850	500	280
-		Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông	Ranh giới xã Hòa Bình 1 cũ	1.000	600	350	150
-		Ranh giới xã Hòa Bình 1 cũ	Cây xăng HTXNN KD DV Hòa Bình 1	1.050	650	380	230
-		Cây xăng HTXNN KD DV Hòa Bình 1	Cầu Bà Kế	1.250	750	550	350
54	Điểm dân cư thôn Phước Bình Nam cũ						
-	Đường bê tông rộng 5,5m			550			
55	Khu dân cư phía Tây trường THCS Tôn Đức Thắng						
-	Đường ĐT 645: Đoạn qua khu dân cư			5.650			
-	Đường TG7-TG4 hiện trạng rộng 10,5m (quy hoạch rộng 13,5m)			4.400			
-	Đường QH số 1: Rộng 9,5m	Đường số 3	Đường TG7-TG4	3.800			
-	Đường QH số 2: Rộng 9,5m	Đường số 1	Đường TG7-TG4	3.800			
-	Đường QH số 3 rộng 9,5m			3.800			

56	Đường từ Cổng chào thôn Phú Nông cũ đến nhà bà Trương Thị Bông	Cổng chào thôn Phú Nông cũ	Nhà bà Trương Thị Bông	500	400	300	250
57	Đường từ Nhà máy xay xát Hiền Điểm đến nhà ông Nguyễn Lợi	Nhà máy xay xát Hiền Điểm	Nhà ông Nguyễn Lợi	500	400	300	250
58	Đường liên phường						
-		Chợ Phú Nông	Giáp xã Hòa Thành cũ	480	380	280	230
-		Nhà ông Võ Trần	Nhà văn hóa thôn Phú Nông cũ	500	400	300	250
A71	PHƯỜNG BÌNH KIẾN						
1	Đại lộ Hùng Vương (Trừ Khu đất ký hiệu số 7 phía Tây đường Hùng Vương; Các trục đường thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương)						
-		Nguyễn Hữu Thọ	Lê Đài	19.500	12.500	8.000	4.500
-		Lê Đài	Đường 1 tháng 4	12.000	10.000	6.000	4.000
-		Đường 1 tháng 4	Ranh giới xã Bình Kiến cũ và xã An Phú cũ	6.750	4.500	3.750	3.000
-		Ranh giới xã Bình Kiến cũ và xã An Phú cũ	QL1	6.750	4.500	3.750	3.000
2	Đại lộ Nguyễn Tất Thành						
-		Ranh giới phường 2 và phường 9	Ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến	11.000	8.500	5.000	2.500
-		Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ		6.750	4.500	3.000	2.250
3	Quốc lộ 1						
-		Đoạn qua địa bàn xã Hòa Kiến cũ		3.500	2.500	1.750	1.050
-		Đoạn qua địa bàn xã Bình Kiến cũ		3.500	2.500	1.750	1.050
-		Đoạn qua địa bàn xã An Phú cũ					
-		Ranh giới xã Bình Kiến, An Phú cũ	Km 1323+200	5.000	3.050	2.550	2.050
-		Km 1323+200	Giáp xã An Chấn cũ	3.500	2.500	1.750	1.050
4	An Dương Vương (Trừ Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (Đoạn từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông) tại Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa cũ)						
-		Độc Lập	Đại lộ Hùng Vương	8.500			
-		Đại lộ Hùng Vương	Đường quy hoạch phía Tây rộng 16m	7.500			
5	Chi Lăng	Trần Hào	An Dương Vương	5.500			
6	Chi Linh	Trần Hào	An Dương Vương	5.500			
7	Độc Lập			7.500	4.500	3.750	3.000
8	Đường Hà Huy Tập (Trừ Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại phường 9, Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa; Khu tái định cư phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2, Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa và Khu tái định cư dự án đường Điện Biên Phủ giai đoạn 2, 3 tại Phường 9, thành phố Tuy Hòa)			6.400			
9	Lê Đài	Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	4.730			
10	Lê Duẩn (Trừ Khu đất số 5, 6)						

-		Nguyễn Hữu Thọ	Ranh giới xã An Phú cũ	6.800	4.100	3.400	2.700
-		Ranh giới xã Bình Kiến và An Phú	Ngã ba khu tái định cư khu phố Chính Nghĩa	5.500	3.500	3.000	2.000
-		Ngã ba khu tái định cư khu phố Chính Nghĩa	Ngã tư đường cơ động	3.500	2.800	2.100	1.400
11	Lưu Văn Liêu	Chí Linh	Chi Lăng	5.500			
12	Mậu Thân						
-		Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ranh xã Bình Kiến cũ	4.500	2.450	1.850	1.250
-		Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ		3.500	2.100	1.400	1.050
13	Nguyễn Hào Sự	Nguyễn Hữu Thọ	An Dương Vương	7.500			
14	Nguyễn Hoa	Chí Linh	Chi Lăng	5.500			
15	Nguyễn Hữu Thọ						
-		Độc Lập	Trần Suyễn phía Tây bệnh viện tỉnh	13.000	5.800	4.050	2.900
-		Trần Suyễn phía Tây bệnh viện tỉnh	Đại lộ Nguyễn Tất Thành	5.500	4.200	2.800	2.100
16	Nguyễn Mỹ	Chí Linh	Chi Lăng	5.500			
17	Đường Nguyễn Văn Huyền (Trừ Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông) và Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (Đoạn từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông) tại Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa)						
-		Nguyễn Hữu Thọ	Ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến cũ	7.500			
-		Đoạn thuộc xã Bình Kiến		6.400			
18	Tân Trào			5.500			
19	Trần Hào (Trừ Khu đất số 5, 6)			7.500	4.500	3.000	2.250
20	Trần Rịa	Chí Linh	Chi Lăng	5.500			
21	Trường Chinh	Nguyễn Hữu Thọ	An Dương Vương	7.500			
22	Đá Bàn						
-		Khu khoáng sản 5	Cuối dốc Cây xanh	4.750	2.250	1.500	1.000
-		Cuối dốc Cây xanh	Giáp xã Hòa Kiến	2.750	1.250	1.000	750
-		Giáp ranh phường 9	Cầu Minh Đức	1.450	1.050	750	550
-		Cầu Minh Đức	Đầu kênh N1	1.050	850	650	400
-		Kênh N1	Đá Bàn	950	700	500	350
23	Khu dân cư Công ty CPXD Phú Yên						
-		Đường rộng 20m, đoạn từ đường Trường Chinh	Chí Linh	6.000			
-		Đường rộng 20m, đoạn từ đường Chi Lăng	Nguyễn Văn Huyền	6.000			
24	Khu dân cư FBS						
-		Đường Trương Kiềm (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			
-		Đường Lê Văn Hưu (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			
-		Đường Võ Văn Tần (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			
-		Đường Huỳnh Nuru (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			
-		Đường Võ Văn Dũng (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			
-		Đường Nguyễn Xuân Đài (Trục đường rộng 13,5m cũ)		6.500			

-	Trục đường rộng 13,5m còn lại			6.500			
25	Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương	An Dương Vương	Trần Nhân Tông				
-	Lý Nam Đế (Rộng 25m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	18.400			
-	Lê Đài (Rộng 16m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	16.040			
-	Lương Định Của (Rộng 16m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	16.040			
-	Trần Nhân Tông (Rộng 25m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	18.400			
-	Lương Sỹ Bô (Đường quy hoạch N rộng 12m cũ)			12.130			
-	An Dương Vương	Trường Chinh	Đại lộ Hùng Vương	20.450			
-	Nguyễn Văn Huyền	An Dương Vương	Giáp xã Bình Kiến cũ	7.500			
26	Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương	Đường N7B	Trần Nhân Tông				
-	Trường Chinh (rộng 20m)	Trần Nhân Tông	Đường rộng 16m	15.250			
-	Trần Nhân Tông (rộng 25m)	Nguyễn Văn Huyền	Đường quy hoạch số 2 rộng 16m	17.800			
-	Đường N7B (rộng 16m)	Nguyễn Văn Huyền	Đường quy hoạch số 2 rộng 16m	15.180			
-	Đường quy hoạch rộng 16m	Nguyễn Văn Huyền	Đường quy hoạch số 2 rộng 16m	11.750			
-	Nguyễn Văn Huyền			11.750			
-	Đường quy hoạch số 2 (rộng 16m)	Trần Nhân Tông	Đường N7B rộng 16m	11.750			
-	Các tuyến đường nội bộ (rộng 6m)	Trần Nhân Tông	Đường N7B rộng 16m	8.000			
27	Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại phường 9, Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa cũ						
-	Lý Nam Đế (rộng 25m)	Hà Huy Tập	Đường số 1	4.030			
-	Hà Huy Tập	Đường số D2	Lê Đài	4.600			
-	Lê Đài	Hà Huy Tập	Đường số 1	4.030			
-	Lương Định Của	Hà Huy Tập	Đường số 1	3.450			
-	Nơ Trang Long (rộng 16m)	Hà Huy Tập	Đường số 1	3.450			
-	Đường số 01, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 16m			3.450			
28	Khu tái định cư dự án đường Điện Biên Phủ giai đoạn 2, 3						
-	Lê Đài	Hà Huy Tập	Đường số 1	4.030			
-	Hà Huy Tập	An Dương Vương	Lê Đài	4.600			
-	Đường số 01 và đường quy hoạch rộng 16m			3.450			
29	Khu tái định cư phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2						
-	Nguyễn Kim Vang	An Dương Vương	Trần Nhân Tông	5.750			
-	An Dương Vương	Đường số 1	Đường N4	4.600			
-	Lý Nam Đế	Đường số 1	Đường N4	4.030			
-	Trần Nhân Tông	Hà Huy Tập	Đường N2	4.030			
-	Lê Đài	Đường số 1	Đường N4	4.030			
-	Lương Định Của	Đường số 1	Đường N2	3.450			
-	Hà Huy Tập	Trần Nhân Tông	Đường D2	4.600			

-	Đường số 01, đường D2, đường D4, đường N3, đường N4 và các đường quy hoạch rộng 16m			3.450			
-	Đường D5 và các đường quy hoạch rộng 12m			2.880			
-	Các đường quy hoạch rộng 10m			2.300			
30	Khu Tái định cư phường 9						
-	Trục đường rộng 20m			4.030			
-	Trục đường rộng 16m			3.450			
-	Trục đường rộng 13m			3.450			
-	Trục đường rộng 10m			2.880			
31	Khu đất số 5, 6						
-	Các đường quy hoạch rộng 16m	Lý Nam Đế	Trần Hào	15.000			
-	An Dương Vương rộng 25m (Đoạn thuộc Khu đất số 5,6)			26.000			
-	Đường Trần Hào rộng 16m (Đoạn thuộc Khu đất số 5,6)			16.500			
-	Đường Lý Nam Đế (Đoạn thuộc Khu đất số 5,6)			16.500			
-	Đường Lê Duẩn rộng 32m (Đoạn thuộc Khu đất số 5,6)			28.500			
32	Các tuyến đường liên khu phố tiếp giáp đường Đá Bàn						
-		Cầu Minh Đức	Chùa Minh Sơn	800	650	500	400
-		Chùa Minh Sơn	Cầu Cai Tiên	600	450	350	250
-		Quốc lộ 1	Chợ Xuân Hòa	800	650	500	400
-		Trường trung học cũ	Cuối khu phố Tường Quang	650	500	400	250
-		Cầu làng Quan Quang	Kênh N1	650	500	400	250
-		Buru điện xã	Kênh N3	650	500	400	250
33	Tuyến đường tránh lũ cứu hộ cứu nạn đoạn qua địa bàn phường Bình Kiến			2.500	2.000	1.500	1.250
34	Khu tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bãi rác Thọ Vực						
-	Trục đường N1 quy hoạch rộng 9,5m (Đoạn dọc kênh N1)			1.250			
-	Trục đường quy hoạch rộng 9,5m còn lại			1.000			
-	Trục đường quy hoạch rộng 7,5m			900			
35	Đường Lý Nam Đế						
-		Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	5.250			
-		Nguyễn Văn Huyền	Độc Lập	6.750			
36	Nơ Trang Long	Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	5.100			
37	Lương Định Của	Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	5.100			
38	Trần Nhân Tông						
-		Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	5.250			
-		Đường quy hoạch số 02 rộng 16m của Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông)	Độc Lập	6.750			
39	Võ Trú (Trừ Khu dân cư phía Đông khu dân cư A1; Các trục đường thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương)	Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	5.100			

40	Đường đi Thượng Phú						
-		Đại lộ Nguyễn Tất Thành	Trạm bơm Phú Vang	1.500	1.100	750	600
-		Trạm bơm Phú Vang	Thượng Phú	1.000	700	500	300
41	Đường đi Bầu Cỏ						
-		Đại lộ Nguyễn Tất Thành	Hết khu tái định cư Bầu Cỏ	1.500	1.100	750	600
-		Hết khu tái định cư Bầu Cỏ	Giáp xã Hòa Kiến cũ	800	600	500	400
42	Các trục đường dưới 12m thuộc khu tái định cư Bầu Cỏ			1.000			
43	Các trục đường thuộc khu dân cư phía Tây Đại lộ Hùng Vương	An Dương Vương	Đường N14				
-	Trục đường rộng 10m			4.000			
-	Trục đường rộng 6m			3.250			
44	Các trục đường thuộc Khu dân cư phía Đông Đại lộ Hùng Vương	Đường số 14	Quốc lộ 1				
-	Trục đường rộng 20m			6.000			
-	Trục đường rộng 16m			4.750			
-	Trục đường rộng 10m			4.000			
-	Trục đường rộng 6m - dưới 10m			2.500			
45	Đường 1 tháng 4 (Trừ Khu dân cư phía Đông khu dân cư A1 và Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (đợt 1) tại xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa; Khu đất ký hiệu số 7 phía Tây đường Hùng Vương; Các trục đường thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương)						
-		Độc Lập	Đại lộ Hùng Vương	12.750			
-		Đại lộ Hùng Vương	Hà Huy Tập	10.500			
-		Hà Huy Tập	Nguyễn Tất Thành	8.500	6.750	5.500	4.500
46	Các trục đường tại khu đất HH-01, HH-02 thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3, 4, 5, 6 phía Đông đường Hùng Vương (Các trục đường thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3 phía Đông đường Hùng Vương cũ)						
-	Đại lộ Hùng Vương			22.530			
-	Đường 1 tháng 4			19.950			
-	Nguyễn Văn Huyền			17.300			
-	Võ Trứ (rộng 16m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	15.000			
-	Đường 7A (rộng 16m)	Đại lộ Hùng Vương	Nguyễn Văn Huyền	15.000			
-	Đường nội bộ rộng 6m			13.560			
47	Khu đất ký hiệu số 7 phía Tây đường Hùng Vương						
-	Đường Hùng Vương			20.250			
-	Đường 1 tháng 4			19.950			
48	Khu dân cư phía Đông khu dân cư A1						
-	Đường 1 tháng 4 (rộng 40m)	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch N1 rộng 16m	19.950			
-	Hà Huy Tập (rộng 16m)	Võ Trứ	Đường 1 tháng 4	12.200			
-	Võ Trứ (rộng 16m)	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch N1 rộng 16m	11.300			
-	Đường quy hoạch N1 (rộng 16m)	Võ Trứ	Đường 1 tháng 4	10.500			
-	Các trục đường rộng 16m			10.500			

49	Khu đất số 4						
-	Lê Duẩn			17.100			
-	Lý Nam Đế			9.900			
-	Trần Nhân Tông			9.900			
-	Đường quy hoạch số 2 (rộng 16m)	Trần Nhân Tông	Lý Nam Đế	9.000			
-	Đường N7B (rộng 16m)	Đường quy hoạch số 2 rộng 16m	Lê Duẩn	9.000			
50	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (đợt 1) (Khu 98 lô)						
-	Đường 1 tháng 4	Đường Quy hoạch N1	Giáp lô đất số 47-Khu LK-IV	17.990			
-	Các tuyến đường rộng 16m						
+	Đường N1	Đường 1 tháng 4	Vô Trứ	10.640			
+	Đường N4	Đường D3	Đường D1	10.640			
+	Đường D1	Đường Quy hoạch N1	Giáp lô đất số 16-Khu LK-IV	10.640			
+	Đường D2	Đường Quy hoạch N4	Giáp lô đất số 13-Khu LK-I và Lô đất số 8-Khu LK-II	10.080			
+	Đường D3	Đường Quy hoạch N1	Giáp lô đất số 41-Khu LK-I	10.080			
51	Các trục đường tại khu đất HH-03 thuộc các lô đất ký hiệu 1, 2, 3, 4, 5, 6 phía Đông đường Hùng Vương						
-	Đại lộ Hùng Vương			31.180			
-	Trần Nhân Tông			20.300			
-	Nguyễn Văn Huyền			18.450			
-	Đường 7A			18.450			
-	Đường nội bộ rộng 7,5m			14.750			
52	Đường cơ động ven biển			2.750	1.700	1.400	1.100
53	Đường liên phường (Thuộc địa bàn xã An Phú cũ)						
-		Quốc lộ 1	Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	2.750	1.700	1.400	1.100
-		Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	Cầu Đồng Nai	2.000	1.250	1.050	850
54	Đường liên khu phố Xuân Dục, Chính Nghĩa			1.750	1.300	900	700
55	Đường liên khu phố Phú Ân (Đường liên thôn Phú Liên cũ)						
-		Ngã ba Thượng Phú	Cầu sắt (cũ)	1.000	800	650	500
-		Cầu sắt	Gò Sầm (cũ)	750	500	400	250
56	Đường liên khu phố Phú Ân (Đường liên thôn Phú Lương cũ)	Đoạn từ ngã ba Nghĩa trang Thọ Vực	Suối Gò Dầu	1.000	800	650	500
57	Đường từ quốc lộ 1 đến ngã ba Thượng Phú, Phú Ân	Quốc lộ 1	Ngã ba Thượng Phú, Phú Ân	750	500	400	250
58	Đường khu tái định cư Gò Giữa						
-	Trục đường rộng 13m			1.250			
-	Trục đường quy hoạch rộng 12m			1.000			
-	Trục đường quy hoạch rộng 10m			500			

59	Đường khu TĐC xứ Đổng Phú khu phố Chính Nghĩa (Trục đường rộng 6m)			1.250			
60	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam khu du lịch sinh thái Sao Việt và khu dân cư phía Tây Trung tâm an điều đường tàu ngầm, xã An Phú, TP Tuy Hòa (Khu tái định cư 1 và Khu tái định cư 2)						
-	Trục đường quy hoạch rộng 16m			3.000			
A72	PHƯỜNG HÒA HIỆP						
1	Trần Kiệt			2.350	1.400	950	600
2	Tuyến đường ven biển (Đại lộ Hùng Vương)	Ranh giới phường Phú Yên	Giáp ranh giới xã Hòa Xuân	2.650	1.650	1.000	650
3	An Dương Vương			1.900	1.150	650	450
4	Ngô Mây			1.650	1.000	650	550
5	Chu Mạnh Trinh	Khu dân cư Uất Lâm	Lâm khu phố Uất Lâm	1.350	800	450	250
6	Châu Văn Liêm			1.550	900	600	400
7	Dương Đình Nghệ			1.900	1.150	750	450
8	Hà Vi Tùng			1.650	1.000	650	550
9	Hòa Hiệp (Đường liên huyện cũ)						
-		Ranh giới phường Phú Yên	TTPVHCC (nhà ông Ngô Ân)	2.100	1.250	750	550
-		TTPVHCC (nhà ông Ngô Ân)	Công chào Khu phố Thọ Lâm	2.550	1.550	900	500
-		Công chào Khu phố Thọ Lâm	Giáp đường Trần Kiệt	2.600	1.450	1.050	700
10	Lê Trọng Tấn			800	550	350	200
11	Hoàng Hoa Thám	Trường Nguyễn Văn Linh	Giáp đường bê tông	1.650	1.000	650	550
12	Hoàng Văn Thụ						
-		Khu dân cư Phú Hiệp 3	Đường Tôn Thất Tùng	1.250	850	600	400
-		Tôn Thất Tùng	Đường Nguyễn Hữu Dực	1.450	1.000	650	400
-		Nguyễn Hữu Dực	Đường Hà Vi Tùng	1.250	850	600	400
13	Huỳnh Tấn Phát	Nhà Ông Lương Công Kinh, KP. Phú Hòa	Ngã Ba Phú Thọ	1.000	550	350	200
14	Khúc Thừa Dụ			2.050	1.250	850	500
15	La Văn Cầu	Giáp đường Hòa Hiệp	Giáp đường BTXM hiện trạng (ngã Ba đường giao thông nội đồng KP Thọ Lâm) giáp tuyến đường từ công chào KP Đa Nưc đến giáp KP Phú Lạc (điểm tiếp giáp cách trường tiểu học Nguyễn Việt Xuân 20m)	950	600	400	250
16	Lạc Long Quân	Đường vào bệnh viện Tôn Thất Tùng	Giáp đường đất	1.650	1.000	650	550
17	Lê Anh Xuân						
-		Nhà Ông Nguyễn Đình Lâu, KP. Phú Hiệp 2	Công chào Văn Hóa Phú Thọ	1.350	850	600	400
-		Giáp đường Lê Hanh	Nguyễn Hữu Dực	1.100	700	500	300
18	Lê Hanh	Giáp đường Lý Tự Trọng	Giáp đường Hòa Hiệp	1.650	1.000	650	550
19	Yết Kiêu	Giáp đường Hùng Vương	Đường Lý Tự Trọng	1.650	1.000	650	550
20	Lê Lai			2.100	1.250	850	550
21	Lê Văn Duyệt			2.100	1.250	850	550
22	Đào Duy Từ			1.900	1.100	750	500
23	Lư Giang			1.900	1.100	750	500
24	Lương Tấn Thịnh			1.100	650	450	350
25	Lý Tự Trọng	Trần Phú	Đường N29	1.600	1.000	650	400
26	Mai Thúc Loan			2.100	1.250	850	550
27	Ngô Gia Tự	Tôn Thất Tùng	Công viên Hòa Bình Hàn Việt	950	650	450	300
28	Ngô Thì Nhậm			1.300	800	550	350

29	Nguyễn Du	Trường tiểu học Nguyễn Hữu Dực	Giáp đường Lê Hanh	900	600	350	300
30	Nguyễn Đình Chiểu	Giáp đường Hòa Hiệp (tại công chào khu phố Thọ Lâm)	Giáp đường Lương Tấn Thịnh (phường Hòa Hiệp Trung)	950	650	450	300
31	Nguyễn Hữu Dực	Lý Tự Trọng	Hòa Hiệp	1.100	700	500	300
32	Nguyễn Thái Học			1.900	1.100	750	500
33	Nguyễn Trung Trực			1.900	1.150	750	450
34	Nguyễn Văn Linh	Trường tiểu học Nguyễn Trãi phường Hòa Hiệp Trung	Hòa Hiệp	2.100	1.200	850	550
35	Phan Trọng Đường	Giáp tuyến đường từ công chào KP Đa Ngư	Giáp KP Phú Lạc (điểm tiếp giáp KP Đa Ngư) đến kênh mương KT5	950	600	400	250
36	Phạm Hồng Thái	Lý Tự Trọng	Hùng Vương	1.050	650	400	250
37	Tôn Thất Tùng	Đại lộ Hùng Vương	Hòa Hiệp	1.550	1.100	700	450
38	Văn Cao	Hùng Vương	Giáp đường Lê Anh Xuân	1.850	1.150	700	450
39	Đường Trần Phú	Đường liên khu phố, đoạn đường từ quốc lộ 29 (nhà ông Phan Nghị)	Tuyến đường ven biển đi Vũng Rô cũ	2.750	1.700	1.050	600
40	Trương Định (Trừ đoạn qua Khu tái định cư Phú Lạc)			2.100	1.250	850	550
41	Võ Nguyên Giáp						
-		Ranh giới phường Hòa Vinh cũ	Cầu Bi (Trừ Khu dân cư Ba Bàng Cầu Bi)	3.050	1.850	1.150	700
-		Cầu Bi	Giáp đường Hòa Hiệp	2.100	1.200	850	550
42	Võ Thị Sáu	Lê Hanh	Trần Quang Khải	1.450	900	600	350
43	Ngô Văn Sở			1.100	700	500	300
44	Hoàng Diệu			1.550	900	650	550
45	Bùi Thị Xuân			1.550	900	650	550
46	Đặng Phi Thường (Trừ đoạn qua Khu tái định cư Phú Lạc)			1.900	1.100	750	500
47	Đào Khắc Nhạn			1.100	650	450	350
48	Lương Đình Của			1.150	850	700	500
49	Đinh Thị Đầu			1.100	650	450	350
50	Ngô Thị Thốt			1.250	850	700	550
51	Nam Cao			1.400	950	800	600
52	Hồ Tùng Mậu			1.400	950	800	600
53	Lê Thị Lơn			1.400	950	800	600
54	Bàn Thạch			800	700	450	350
55	Đường hẻm phố						
-		Hòa Hiệp	Nhà ông Lợi, khu phố Thọ Lâm	450	250	150	130
-		Đại lộ Hùng Vương	Đường bê tông nhựa hiện trạng, khu phố Phú Lạc	350	200	130	100
56	Các đường trong xã						
-		Giáp đường Hòa Hiệp	Công KCN Hòa Hiệp 1	2.100	1.250	750	550
-		Công chào khu phố Uất Lâm	Giáp ngã ba đường bê tông nội đồng (Thánh thất Cao Đài)	1.500	900	550	400

-		Tuyến nối Quốc lộ 1 (Đông Mỹ)	Khu công nghiệp giai đoạn 1	2.550	1.550	900	500
57	Khu tái định cư Dự án tuyến nối Quốc lộ 1 (Đông Mỹ) đến Khu công nghiệp Hòa Hiệp (giai đoạn 1)						
-	Đường rộng 16 mét			830			
-	Đường rộng 10 mét			550			
58	Khu dân cư nông thôn, khu phố Uất Lâm						
-	Các đường quy hoạch rộng 9 mét			2.000			
-	Các đường quy hoạch rộng 5 mét			1.350			
59	Khu dân cư khu phố Mỹ Hòa, phường Hoà Hiệp Bắc						
-	Đường rộng 6m			1.350			
-	Đường rộng 16m			4.750			
60	Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 1)						
-	Đường rộng 24 mét			1.000			
-	Đường rộng 20 mét			800			
-	Đường rộng 16 mét			600			
-	Đường rộng 12 mét			400			
61	Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 2)						
-	Đường rộng 24 mét			1.000			
-	Đường rộng 20 mét			800			
-	Đường rộng 16 mét			600			
-	Đường rộng 12 mét			400			
62	Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Hòa Hiệp giai đoạn 2						
-	Đường rộng 30 mét			1.000			
-	Đường rộng 16 mét			750			
-	Đường rộng 12 mét			600			
-	Đường rộng 10 mét			500			
-	Đường rộng 9 mét			400			
63	Khu tái định cư Phú Lạc, phục vụ đường dẫn cầu Đà Nông (giai đoạn 2)						
-	Đường rộng 12 mét			600			
-	Đường rộng 5 mét			400			
64	Khu dân cư phố chợ Hòa Hiệp Nam						
-	Các đường rộng 12m			4.550			
-	Các đường rộng 8m			4.300			
65	Điểm dân cư Phú Hiệp 3						
-	Đường rộng 16m			650			
-	Đường rộng 12m			550			
-	Đường rộng 6m			400			
66	Khu dân cư Khu công nghiệp Hòa Hiệp (phục vụ tái định cư)						
-	Đường rộng 18m			750			
-	Đường rộng 16m			650			
-	Đường rộng 12m			550			
67	Khu tái định cư Tiểu dự án 3 (Khu tái định cư tại khu phố Phú Hiệp 3 (giai đoạn 1) cũ)						

-	Đường gom tiếp giáp Tiểu dự án 3 (rộng 20,5m)			2.100			
-	Đường rộng 25m			1.750			
-	Đường rộng 16m			1.400			
-	Đường rộng 12m			1.050			
68	Khu dân cư Ba Bàng - cầu Bi (giai đoạn 1)						
-	Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn qua khu dân cư			5.850			
-	Các đường rộng 12 mét			3.710			
A73	PHƯỜNG ĐÔNG HÒA						
1	Quốc lộ 1						
-		Ranh giới phường Phú Lâm	Giao đường Gò Mắm - Đông Mỹ	2.750	1.540	1.100	720
-		Giao đường Gò Mắm - Đông Mỹ	Trường THPT Lê Trung Kiên	3.630	1.930	1.380	830
-		Trường PTTH Lê Trung Kiên	Công Văn hóa khu phố 4	2.750	1.540	1.100	720
-		Công Văn hóa khu phố 4	Cầu Bàn Thạch cũ	1.980	1.100	770	500
-		Công Văn hóa khu phố 4	Cầu Bàn Thạch mới	2.040	1.100	770	500
-		Cầu Bàn Thạch	Ranh giới xã Hòa Xuân Đông cũ	2.530	1.670	980	520
2	Quốc lộ 29						
-		Quốc lộ 1	Giáp xã Hòa Tân Đông	1.980	1.270	830	500
-		Ranh giới phường Hòa Vinh	Ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương (đường vào nhà ông Nguyễn Chợ)	1.150	980	840	720
-		Ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương	Ranh giới xã Hòa Tân Tây	1.090	920	780	660
3	Tuyến nối Quốc lộ 1 đến KCN Hòa Hiệp (Giai đoạn 1)			3.630	1.930	1.380	830
4	Đường Âu Cơ (Đoạn từ Khu dân cư số 2, đường N2.1 rộng 15,5m cũ. Đoạn trong Khu Tái định cư số 1: Đường nhựa rộng 15,5m cũ - Gộp đoạn)			1.580	1.010	630	380
5	Bà Triệu	Giáp QL1 - Lũ 3	Áp nhỏ - Cuối xóm	860	630	460	290
6	Cao Bá Quát	Giáp QL1 - CLB Kim Yên	Giáp đường Xuân Diệu	860	630	460	290
7	Cao Thắng	Giáp đường Hai Bà Trưng (Nhà văn hóa khu phố 1)	Giáp đường Hai Bà Trưng	860	630	460	230
8	Chu Văn An	Trụ sở KP5	Nhà Trần Hòa - KP5	600	420	300	210
9	Cần Vương	Trường tiểu học Đỗ Như Dạy, khu phố Bàn Nham Bắc	Giáp Quốc lộ 1	2.950			
10	Đoàn Thị Điểm	Giáp QL1 - Nhà Tư Bắc	Giáp đường Xuân Diệu	810	580	400	290
11	Đường gom phía Tây			2.300			
12	Hà Huy Tập	Đường D1	Quốc lộ 1	1.150			
13	Hai Bà Trưng	Quốc lộ 1 - nhà thờ Đông Mỹ	Giáp phường Hòa Hiệp Bắc	860	580	460	290
14	Hồ Xuân Hương	Giáp QL1 - Cổng chào KP4	Đường Xuân Diệu	810	580	400	290
15	Đường kè chống xói lở sông Bàn Thạch						
-		Cầu Bến Lớn	Cầu Bàn Thạch cũ	690	460	350	230
-		Cầu Bàn Thạch mới	Cuối tuyến	580	400	290	200
16	Đường Khu dân cư thôn 2	Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	2.130			
17	Lê Duẩn	Đường D1	Trần Hưng Đạo	2.350			
18	Lê Lợi			3.050			

19	Lê Thành Phương (Trừ Khu dân cư Vườn Mít)	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Cuối tuyến	1.300	950	700	450
20	Lê Trung Kiên						
-		Quốc lộ 1	Hết đoạn đã đầu tư mở rộng	2.500	1.650	1.150	750
-		Đoạn còn lại		1.150	810	580	400
21	Lý Thường Kiệt						
-		Quốc lộ 1	Đường vào khu dân cư Tam Gia	2.200	1.400	1.000	650
-		Đường vào khu dân cư Tam Gia	Nguyễn Thị Minh Khai	2.700			
22	Mạc Thị Bưởi	Giáp QL29 - Tại cổng chào KP3	Cầu KP3 - Nhà Ông Cật	1.100	770	610	390
23	Ngô Quyền	Giáp Quốc lộ 1 (tại Tiểu công viên khu phố 4, phường Hòa Vinh)	Giáp Quốc lộ 1 (tại tiểu công viên khu phố Bàn Nham Bắc, phường Hòa Xuân Tây)	1.270	940	660	330
24	Ngô Sĩ Liên	Giáp đường Lê Thành Phương	Giáp thôn Phú Lương, xã Hòa Tân Đông	830	610	440	220
25	Nguyễn An Ninh	Hai Bà Trưng	Giáp đường Cao Thắng	830	610	440	220
26	Nguyễn Công Trứ	Giáp QL1 - Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Xuân Diệu	1.100	800	550	400
26	Nguyễn Mỹ	Giáp QL1 - Đối diện Nhà thờ Đông Mỹ	Cầu chợ cũ Đông Mỹ	1.100	720	550	390
28	Nguyễn Tất Thành	Quốc lộ 1	Cầu Bến Lớn	3.450	2.420	1.670	1.150
29	Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Đoạn đã đầu tư hạ tầng(Khu Dân cư Số 2: Đường N2 rộng 20,5m cũ và Khu Tái định cư số 1: Đường nhựa rộng 20,5m cũ - Gộp đoạn)			2.750	1.540	1.100	720
30	Nguyễn Tri Phương	Lù Đôi - KP5	Nhà ông Trần Con - KP5	830	610	440	280
31	Phan Đình Phùng						
-		Giáp QL1	Nhà Ông Nguyễn Phúc - KP5	990	720	550	390
-		Giáp QL.1 cũ	Đường Trần Khánh Dư và đường hẻm dọc QL.1 (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến nhà ông Sang), khu phố 4	940	720	500	330
32	Phan Lưu Thanh	Giáp QL29 - Tại cổng chào KP2	Giáp Sông Bến Lớn	860	630	460	290
33	Phùng Hưng	Trụ sở Chi Cục thuế thị xã Đông Hòa	Giáp đường Lê Trung Kiên	1.040	750	580	290
34	Tổ Hữu	Giáp QL1 - Nhà Tám Mạng	Xuân Diệu	880	610	440	330
35	Trần Hưng Đạo (Đường D2 cũ)						
-		Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường D2.1 rộng 15,5m từ đường D2 đến đường N4-A cũ)	4.550			
-		Nguyễn Thị Minh Khai	Quốc lộ 29	4.400			
36	Trần Khánh Dư			920	690	520	350
37	Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 29 cũ)						
-		Quốc lộ 1	Công văn hóa khu phố 3	3.470	1.760	1.270	880
-		Công văn hóa khu phố 3	Ranh giới phường Hòa Hiệp Trung	2.970	1.650	1.160	770
38	Xuân Diệu	Giáp đường D5	Giáp QL1	1.250	1.000	750	500
39	Khu dân cư phố chợ Hòa Vinh (Sau khi đầu tư hạ tầng xong)						
-	Đường rộng 36 mét			2.100			
-	Đường rộng 20,5 mét			1.730			
-	Đường rộng 18,5 mét			1.470			
-	Đường rộng 15,5 mét			1.310			

-	Đường rộng 12 mét			1.050			
40	Điều chỉnh , mở rộng Khu dân cư số 3 (Giai đoạn 1): Đoạn rộng 12m			4.500			
41	Khu dân cư số 5: Đường rộng 10m			1.700			
42	Khu dân cư số 6: Các đường trong khu dân cư (rộng 12m)			1.600			
43	Khu dân cư số 7						
-	Đường Trần Hưng Đạo: <i>Đoạn qua khu dân cư</i>			6.820			
-	Đường rộng 15,5m			5.690			
-	Đường rộng 12m			4.550			
44	Khu dân cư Vườn Mít: Đường bê tông rộng 7m			2.230			
45	Khu tái định cư số 1: Đường bê tông rộng 12m			1.080			
46	Khu dân cư số 8						
-	Đường rộng 20,5m			4.500			
-	Đường rộng 15,5m			4.000			
47	Khu dân cư số 9						
-	Đường rộng 15,5m (<i>Phục vụ đầu giá</i>)			3.500			
-	Đường rộng 15,5m (<i>Phục vụ tái định cư</i>)			2.500			
-	Đường 12m (<i>Phục vụ đầu giá</i>)			3.000			
-	Đường 12m (<i>Phục vụ tái định cư</i>)			2.000			
48	Mở rộng Khu dân cư số 5						
-	Đường D1 rộng 15,5m			2.700			
49	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 3: Đường rộng 12m			3.500			
50	Kim Đồng	Giáp QL1 cũ	Giáp đường Vườn Điều - Đá Cối tại Doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam	460	290	230	170
51	Trần Hào	Công chào khu phố Thạch Chăm	Nhà ông Nguyễn Tấn Phương	1.500	920	520	400
52	Đường từ cổng Chui nhà ông Phạm Ngọc Hùng đến công chào khu phố Phước Lương	Cổng Chui nhà ông Phạm Ngọc Hùng	Công chào khu phố Phước Lương	690	400	230	170
53	Đường từ cổng chào khu phố Bàn Nham Bắc đến công chào khu phố Phước Lương	Cổng chào khu phố Bàn Nham	Công chào khu phố Phước Lương	690	400	230	170
54	Đường từ cổng chào khu phố Phước Lương đến giáp thôn Hiệp Đông, xã Hòa Xuân Đông	Cổng chào khu phố Phước Lương	Giáp thôn Hiệp Đông, xã Hòa Xuân Đông	690	400	230	170
55	Điểm dân cư nông thôn sau chùa Nam Long						
-		Cổng chào khu phố Nam Bình 1	Cầu Bến Lớn (<i>Đoạn qua điểm dân cư</i>)	630	350	230	170
-		Đường bao điểm dân cư		400			
56	Đoạn Kê Phú Đa			600	400	290	170
57	Đường từ đình Phú Đa đến giáp đường ra công văn hóa thôn Phú Lương	Đình Phú Đa	Giáp đường ra công văn hóa thôn Phú Lương	520	460	320	200
58	Điểm dân cư nông thôn Phú Lương						
-	Đường rộng 6m			860			
-	Đường rộng 3m			480			

59	Khu tái định cư phục vụ đường bộ cao tốc, đoạn qua thị xã Đông Hòa						
-	Đường QH1 rộng 16m			810			
-	Đường QH2 rộng 12m			690			
-	Đường QH3 rộng 7m			600			
-	Đường bê tông rộng 4m			480			
60	Dương Thị Chút	Giáp đường Ngô Sĩ Liên, khu phố 2	Giáp đường Phan Lưu Thanh	830	610	440	220
61	Tân Đà	Giáp đường Võ Nguyên Giáp, Khu phố 3	Giáp đường Mạc Thị Bưởi	1.100	770	610	390
62	Hoàng Sa	Giáp đường Nguyễn Tất Thành, Khu phố 4	Giáp đường Ngô Quyền	1.270	940	660	330
63	Lê Văn Hiền	Giáp đường Lê Trung Kiên, Khu phố 5	Giáp đường Trần Khánh Dư	1.150	810	580	400
64	Trường Sa	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Ngô Quyền	1.270	940	660	330
65	Nguyễn Đức Thao	Giáp đường Ngô Quyền	Giáp Nhà văn hóa khu phố Thạch Chăm				
-		Giáp đường Ngô Quyền (chùa Phước Long)	Đầu đường Kim Đồng (lò rèn ông Kế)	1.670	980	580	400
-			Đầu đường Kim Đồng (lò rèn ông Kế)	920	580	350	230
66	Hàn Mặc Tử	Giáp đường Ngô Quyền	Giáp thôn Hiệp Đồng, xã Hòa Xuân	690	400	230	170
67	Đỗ Châu	Giáp Quốc lộ 1, khu phố Bàn Nham Bắc	Giáp sân bay Chợ Tàu	690	400	230	170
68	Trần Thị Điển	Sân banh Chợ Tàu, khu phố Bàn Nham Bắc	Giáp Cổng chui, khu phố Bàn Nham Bắc	690	400	230	170
69	Nguyễn Đình Điện	Quốc lộ 1, công chào khu phố Bàn Nham Nam	Giáp Cầu ông Lãng	690	400	230	170
70	Đỗ Tịnh	Quốc lộ 1 (Trường Nguyễn Công Trứ - khu phố Bàn Nham Nam)	Giáp đồng ruộng xứ Đồng Đầu (giáp nương thủy lợi)	460	290	230	170
A74	XÃ HÒA XUÂN						
1	Quốc lộ 1						
-		Ranh giới phường Đông Hòa	Mương thủy lợi Nam Bình	1.600	1.120	800	560
-			Mương thủy lợi Nam Bình	880	480	280	200
-			Cầu cây Tra	1.200	640	400	240
-			Nhà ông Huỳnh Đức Minh	2.400	1.600	800	480
-			Cầu Sông mới	520	320	200	120
-			Chân Đèo Cà (nhà ông Trần Thanh Hóa)	440	240	160	120
2	Quốc lộ 29						
-			Giáp ranh Cảng Bãi Góc (từ cầu Đà Nông đến cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà)	1.600	880	560	320
-			Cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà	1.500	1.000	600	300
-			Ranh giới xã Hòa Tâm cũ	1.600	880	560	240
-			Nhà ông Phạm Hùng	440			
3	Đường Phú Khê - Phước Tân	Ranh giới xã Hòa Xuân Đông cũ	Giáp QL29, thôn Phước Tân	960	640	320	240

4	Đường từ giáp ranh xã Hòa Xuân Đông cũ đến thôn Phước Giang	Giáp ranh xã Hòa Xuân Đông cũ	Thôn Phước Giang	240	160	120	80
5	Khu dân cư thôn Phước Long, xã Hòa Tâm			320	240	160	120
6	Đường Phú Khê - Phước Tân đoạn đã bê tông hóa			520	360	180	140
7	Đường từ Quốc lộ 1 đến khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	Quốc lộ 1	Khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	2.240	1.000	480	320
8	Điểm dân cư dãy phố chợ trung tâm thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân Đông						
-	Các đoạn đường rộng 6m			1.770			
9	Khu tái định cư Hòa Tâm (sau khi hoàn thiện hạ tầng)						
-	Đường rộng 25m			680			
-	Đường rộng 16m và 16,5m			520			
-	Đường rộng 12,5m			440			
10	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phạm Hùng) đến kho Xăng Dầu Vũng Rô	Quốc lộ 29 (nhà ông Phạm Hùng)	Kho Xăng Dầu Vũng Rô	440	240	160	120
11	Khu Tái định cư Hàm đường bộ Đèo Cả						
-	Đường D9: Đoạn từ D1 đến D2			440			
-	Đường D2: Đoạn từ D9 đến D3			440			
-	Đường D9: Đoạn từ D2 đến D7			400			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu tái định cư			320			
A75	PHƯỜNG XUÂN ĐÀI						
1	Quốc lộ 1						
-		Phạm Văn Đồng (phía Nam)	Giáp Bắc cầu Huyện	1.800	1.130	830	450
-		Nam cầu Huyện	Nghĩa trang liệt sĩ	1.350	900	600	380
-		Nghĩa trang liệt sĩ	Giáp phía Bắc cầu Lò Vôi	1.200	800	560	320
-		Phía Nam cầu Lò Vôi	Giáp đỉnh đèo Gành Đò (cây xăng Hoàng Long)	2.030	1.350	900	600
-		Đỉnh đèo Gành Đò (Cây xăng Hoàng Long)	Giáp công đường vào khu phố Bình Thạnh (Trừ khu dân cư An Bình Thạnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)	3.380	2.030	1.350	900
-		Công khu phố Bình Thạnh	Ranh giới xã Tuy An Bắc	1.350	900	600	380
2	Đường ĐT 642	Quốc lộ 1	Ngã ba trong	750	530	380	230
3	Đường dọc Vịnh Xuân Đài - Khu du lịch Nhất Tự Sơn	Ngã ba Nhất Tự Sơn	Khu du lịch Ven Vịnh Xuân Đài				
-		Nhà ông Phạm Hồng Sơn	Giáp khu dân cư Phương Lưu Đông	1.350	900	600	400
4	Kim Đồng			2.100	1.260	840	560
5	Lê Văn Tâm (Khu dân cư nam Nguyễn Hồng Sơn)			1.950			
6	Nguyễn Hồng Sơn						
-		Phạm Văn Đồng	Lăng Bà	3.250	1.950	1.300	650
-		Lăng Bà	Nhà ông Phạm Trung Tâm	1.500	1.000	650	400

-		Nhà ông Phạm Trung Tâm	Giáp quốc lộ 1 (Cầu Huyện)	2.000	1.500	1.000	600
7	Phạm Văn Đông						
-		Nam cầu Tam Giang cũ	Bắc cầu vượt	2.750	1.650	1.100	550
-		Nam cầu vượt	Quốc lộ 1	1.650	990	660	440
8	Điểm dân cư An Thạnh, phường Xuân Đài						
-		Quốc lộ 1		4.500			
-		Đường quy hoạch rộng 12m		3.750			
-		Đường quy hoạch rộng 6m		2.250			
9	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư ven Vịnh Xuân Đài (Đường dọc Vịnh Xuân Đài - Khu du lịch Nhất Tự Sơn)						
-		Đường QH NB1		3.000			
10	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phường Xuân Thành (Đường dọc Vịnh Xuân Đài - Khu du lịch Nhất Tự Sơn)						
-		Đường QH D1	Giáp đường dọc Vịnh Xuân Đài	Giáp đường ven Vịnh Xuân Đài (rộng 16m)	3.450		
-		Đường rộng 12m					
+		Đường QH D2		2.760			
+		Đường QH D1		2.760			
+		Đường QH N4		2.760			
+		Đường QH N3		2.760			
+		Đường QH N2		2.760			
+		Đường QH N1		2.760			
11	Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 1, đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)						
-		Ô phố B:					
+		Đường rộng 12 mét		3.000			
+		Đường rộng 16 mét		3.750			
+		Đường rộng 25 mét		4.500			
+		Quốc lộ 1		6.000			
-		Ô phố J:					
+		Đường rộng 6 mét		2.100			
+		Đường rộng 12 mét		3.000			
+		Đường rộng 16 mét		3.750			
-		Ô phố I:					
+		Đường rộng 12 mét		3.000			
+		Đường rộng 16 mét		3.750			
+		Đường rộng 25 mét		4.500			
+		Quốc lộ 1		6.000			
-		Ô phố E:					
+		Đường rộng 12 mét		3.000			
+		Đường rộng 25 mét		4.500			
+		Quốc lộ 1		6.000			
12	Khu dân cư An Thạnh			5.180			
13	Khu dân cư Bình Thạnh giai đoạn 2			5.180			

14	Khu dân cư Đồng Mặn, phường Xuân Đài						
-	Đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn (đoạn qua Khu dân cư Đồng Mặn); Các đường quy hoạch D1, D2, D3 (đoạn từ đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn đến đường N1)			810			
-	Các đoạn đường còn lại			690			
15	Khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn						
-	Đường rộng 6m			1.200			
-	Đường rộng 3m			1.000			
16	Khu dân cư Phú Vinh, phường Xuân Đài						
-	Đường rộng 10m, khu A	Lô A1	Lô A6	550			
-	Đường rộng 10m, khu A (các lô còn lại)			550			
-	Đường rộng 4m			400			
17	Khu dân cư Phương Lưu Đông, phường Xuân Đài (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)						
-	Đường ven vịnh Xuân Đài (Đoạn qua Khu dân cư Phương Lưu Đông)			1.130			
-	Đường quy hoạch rộng 10m			980			
18	Khu dân cư Sở canh nông, phường Xuân Đài: Đường rộng 4 mét			450			
19	Khu dân cư Tây Dân Phước						
-	Đường rộng 3 mét (ô phố G)			750			
-	Đường rộng 3 mét			750			
-	Đường rộng 4 mét (ô phố G)			830			
-	Đường rộng 4 mét (ô phố C)			830			
-	Đường rộng 4 mét			830			
20	Khu đất phía sau trường Nguyễn Hồng Sơn, phường Xuân Thành: Đường quy hoạch rộng 8m			1.730			
21	Khu tái định cư quốc lộ 1, Chánh Nam - Khoan Hậu, phường Xuân Đài						
-	Đường phía Tây rộng 8m			1.130			
-	Đường số 2, rộng 12m			900			
-	Đường số 01, số 11, rộng 8m và đường số 10, rộng 12m			680			
22	Khu tái định cư quốc lộ 1, Xóm Cồn, phường Xuân Đài	Bắc đường Đài Loan - Việt Nam	Đến Lăng				
-	Đường rộng 16m			1.500			
-	Đường rộng 12m			900			
23	Khu tái định cư quốc lộ 1, Xóm Mới, khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài						
-	Đường N1, rộng 16m			2.500			
-	Đường D1, rộng 7,5m			1.500			

-	Đường N2, rộng 10m và đường D2, rộng 7,5m			1.000			
A76	PHƯỜNG SÔNG CẦU						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp xã Xuân Phương (cũ)	Bắc cầu Lê Uyên	1.900	1.150	750	450
-		Nam cầu Lê Uyên	Giao đường Phạm Văn Đồng (phía Bắc)	2.500	1.500	1.250	1.000
-		Giao đường Phạm Văn Đồng (phía Bắc)	Giáp chùa Long Quang	1.900	1.150	750	450
-		Chùa Long Quang	Cầu Vượt (phía Bắc) (Đoạn tránh tuyến)	1.150	750	550	300
-		Giáp xã Xuân Thịnh (cũ)	Giáp Phường Xuân Yên (cũ) (thuộc địa phận xã Xuân Phương cũ)	900	500	300	200
-		Giáp xã Xuân Cảnh	Giáp xã Xuân Phương (cũ) (Đoạn từ giáp xã Xuân Thịnh đến giáp ranh xã Xuân Phương cũ)	900	600	380	230
2	Đường ĐT 644	Tuyến tránh Quốc lộ 1	Giáp xã Xuân Thọ	1.750	1.050	700	500
3	Đường 1 tháng 4			3.000	1.750	1.250	750
4	Bùi Thị Xuân			4.000	2.400	1.400	850
5	Đoàn Thị Điểm			3.350	2.000	1.350	600
6	Hai Bà Trưng						
-		Giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp đường Nguyễn Huệ	5.000	3.500	2.250	1.500
-		Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp trụ sở Công an thị xã	4.000	2.400	1.400	850
-		Trường Mầm non Xuân Phú	Kê khu A	3.250	1.750	1.250	750
7	Hoàng Hoa Thám			3.000	1.700	1.300	850
8	Hùng Vương			4.050	2.450	1.600	900
9	Đường kè phía Nam sông Thị Thạc	Giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp đường 1/4	4.000			
10	Lê Duẩn						
-		Giáp đường Phạm Văn Đồng	HTKT dân cư khu phố Long Hải Nam (Khu B) - vòng xoay	3.350	2.000	1.350	600
-		Giáp đường Phạm Văn Đồng	Cầu Tam Giang 2	3.150	1.890	1.260	840
-		Cầu Tam Giang 2	Giáp đập Đá Vải	1.350	900	600	380
11	Lê Hồng Phong						
-		Hoàng Hoa Thám	Giáp đường gom Quốc lộ 1	2.650			
-		Đoạn còn lại		2.250	1.350	900	600
12	Lê Lợi						
-		Giáp dự án Khu đô thị mới Bắc Lục Khâu (Khu A)	Giáp đường Phạm Văn Đồng	5.500	3.200	2.200	1.200
-		Giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp vòng xoay đường 1 tháng 4	1.250	850	650	450
13	Lê Thành Phương			3.000	1.730	1.330	690
14	Lê Uyên - Bình Thạnh						
-		Ngã ba	Hết trụ sở phòng cháy chữa cháy	1.250	700	500	300
-		Trụ sở phòng cháy chữa cháy	Giáp Trụ sở tổ dân phố Lê Uyên	540	360	240	160
-		Đoạn còn lại		360	240	160	100
15	Lương Văn Chánh			4.250	2.450	1.550	750
16	Lý Thường Kiệt			2.500	1.680	1.100	680
17	Ngô Quyền			4.000	2.500	1.500	1.000
18	Nguyễn Huệ			5.000	3.000	2.000	1.000
19	Nguyễn Văn Linh						
-		Giáp đường Phạm Văn Đồng	Giáp Quốc lộ 1	2.250	1.350	900	600
20	Nguyễn Viết Xuân			3.250			
21	Phạm Văn Đồng						

		Nam cầu Tam Giang cũ	Bắc cầu vượt	2.750	1.650	1.100	550
-		Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc)	Phía Bắc cầu Tam Giang cũ.	3.250	2.000	1.250	750
22	Phan Bội Châu			2.600	1.500	1.130	750
23	Phan Chu Trinh	Đường quy hoạch 6-2		1.750	1.200	800	500
24	Phan Đình Phùng			2.600	1.500	1.100	750
25	Tô Hiến Thành			2.700			
26	Trần Bình Trọng			4.000	2.500	1.500	1.000
27	Trần Hưng Đạo			4.050	2.450	1.600	900
28	Trần Quốc Toàn	Đường quy hoạch 6-3		2.500	1.680	1.100	680
29	Triệu Thị Trinh	Đường quy hoạch 6-1		2.500	1.680	1.100	680
30	Võ Thị Sáu			5.500	3.200	2.200	1.200
31	Yết Kiêu			1.880	1.280	830	530
32	Đường từ cầu Đầu Gò đến nhà ông Thạch	Cầu Đầu Gò	Nhà ông Thạch	500	300	180	100
33	Đường từ ngã ba Hòa Lạc đến ngã ba đường GTNT Phú Dương - Vĩnh Hòa						
-		Ngã 3 Hòa Lạc	Chợ trung tâm xã Xuân Thịnh (cũ)	650	450	300	200
-		Chợ trung tâm xã Xuân Thịnh (cũ)	Giáp đoạn từ ngã ba Phú Dương đến cuối thôn Vĩnh Hòa (nhà ông Phan Văn Thu)	600	450	300	200
34	Đường GTNT Hòa Hiệp	Quốc lộ 1 (Nhà Ông Nguyễn Văn Phú)	Giao đường GTNT Hòa Hiệp - Từ Nham.	750	530	380	230
35	Đường GTNT Hòa Hiệp - Từ Nham						
-		Quốc lộ 1	Nhà ông Nguyễn Đức	450	280	180	100
-		Nhà ông Nguyễn Đức	Nhà ông Mai Văn Xuân	550	380	280	180
36	Đường GTNT Phú Dương - Vĩnh Hòa	Ngã ba Phú Dương	Cuối thôn Vĩnh Hòa (nhà ông Phan Văn Thu)	750	500	310	200
37	Đường GTNT Trung Trinh - Vũng La			450	300	200	100
38	Hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư Phú Dương - Vĩnh Hòa (Giai đoạn 1)						
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
-				1.250			
39	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Phước Lý						
-				2.310			
-				1.840			
40	Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu Khu A (Khu đô thị mới Bắc Lục Khâu (Khu A); sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)						
-				10.160			
-				9.680			
-				9.220			
-				8.780			
-				7.020			
-				5.620			

41	Khu đô thị Nam Lục Khẩu - kè khu B (Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Long Hải Nam (Khu B), sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)						
-	Đường rộng 26,5m			10.160			
-	Đường rộng 25m			9.680			
-	Đường rộng 20m			9.220			
-	Đường rộng 16m			8.780			
-	Đường rộng 14 mét.			7.020			
-	Đường rộng 12 mét.			5.620			
42	Khu dân cư phía Đông sân thể thao cơ bản thị xã Sông Cầu						
-	Đường rộng 12 mét			2.500			
-	Đường rộng 8 mét			2.000			
43	Khu dân cư Nam kè sông Tam Giang, Phường Xuân Phú: Đường quy hoạch rộng 16m			2.250			
44	Khu dân cư phía Nam nhà nghỉ Ánh Ngân			2.500			
45	Khu dân cư Phú Mỹ						
-	Đường Trung Trinh - Vũng La			450			
-	Đường rộng 6m			350			
-	Đường rộng 4,5m			300			
46	Khu dân cư Phước Lý						
-	Khu D, C, E, G: Đường bê tông rộng 5 mét			1.400			
-	Khu A, B, C, D: Đường rộng 20 mét			2.200			
-	Đường nội bộ rộng 5 mét			1.100			
47	Khu dân cư Sân khấu lộ thiên						
-	Đường rộng 14 mét						
+	Đường Hồng Bàng			2.030			
+	Đường Âu Cơ			3.000			
+	Đường Lạc Long Quân			3.000			
-	Đường rộng 14 mét còn lại						
+	Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu E: từ lô E1 đến lô E14)			3.000			
-	Đường rộng 16 mét						
+	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu B: từ lô B1 đến lô B8, Khu D: từ lô D1 đến lô D5; Khu F: từ lô F15 đến lô F19 và khu E: từ lô E15 đến lô E17)			3.000			
48	Khu dân cư Từ Nham (Giai đoạn 1)						
-	Khu L1 và L3: Trục đường Liên thôn Vũng Chèo - Từ Nham			1.250			
-	Khu L2 và L4: Trục đường rộng 10 mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triệu cường)			750			
49	Khu dân cư Xóm Gành			600			
50	Khu tái định cư quốc lộ 1, Lệ Uyên Đông, phường Sông Cầu						

-	Đường số 1, rộng 16m			1.500			
-	Đường số 2, rộng 16m			1.130			
51	Khu tái định cư quốc lộ 1, tổ dân phố Hòa Hiệp, phường Sông Cầu: Đường rộng 10m			600			
A77	XÃ XUÂN THỌ						
1	Quốc lộ 1						
-		Cầu Tam Giang tuyến tránh	Cầu vượt đường Phạm Văn Đồng	920	600	440	240
-		Ngã 3 tuyến tránh phía Nam	Nam cầu Huyện đến đình dốc Quýt (Nhà ông Nguyễn Ngọc Trang)	1.080	540	300	180
-		Đình dốc Quýt (<i>Nhà ông Nguyễn Ngọc Trang</i>)	Phía Bắc tiệm điện thoại Kim Vương	960	510	320	190
-		Tiệm điện thoại Kim Vương	Giáp ngã ba Triều Sơn	1.440	720	450	270
2	Phạm Văn Đồng						
-		Nam cầu vượt đường Phạm Văn Đồng	Đình dốc Găng (<i>giáp đường bê tông lên Cao Phong</i>)	1.800	1.080	720	480
-		Đình dốc Găng (<i>giáp đường bê tông lên Cao Phong</i>)	Ngã ba tuyến tránh phía Nam	1.600	960	640	400
3	Đường từ Quốc lộ 1 vào KDC thôn Phương Lưu, đoạn qua khu dân cư	Quốc lộ 1	KDC thôn Phương Lưu (<i>Đoạn qua khu dân cư</i>)	600			
4	Đường phía nam KDC thôn Phương Lưu			480			
5	Khu tái định cư quốc lộ 1, Chánh Nam - Nhiều Hậu						
-	Đường N2			800			
-	Đường N1			680			
-	Đường N3, N4, N5, N6			560			
6	Đường ĐT 642						
-		Quốc lộ 1	Giáp cầu suối Đá	600	420	300	180
-		Cầu suối Đá	Giáp cầu bà Còn	480	340	200	140
-		Cầu bà Còn	Giáp xã Đồng Xuân	360	290	200	130
7	Khu tái định cư đường cao tốc Xuân Thọ 2			300			
8	Khu dân cư Gò Me thôn Triều Sơn						
-	Đường rộng 12m (<i>tiếp giáp đường ĐT 642</i>)			420			
-	Đường rộng 12m (<i>trong khu dân cư</i>)			300			
9	Đường bờ kè sông Tam Giang			1.080	720	480	300
10	Đường GTNT Cao Phong			360	240	180	120
11	Đường GTNT Long Phước			360	240	180	120
12	Đường giao thông đến Trung tâm xã	Giáp Nam cầu Tam Giang tuyến tránh	Giáp đất bà Võ Thị Loan	360	240	180	120
13	Đường ĐT 644						
-		Giáp phường Xuân Phú	Khu tái định cư Cao tốc	900	480	300	180
-		Khu tái định cư Cao tốc	Giáp ranh huyện Đồng Xuân	420	300	180	120
-		Ngã 3 vào trụ sở UBND xã	Ngã 4 đất bà Đào Thị Loan	420	300	180	120
14	Khu tái định cư đường cao tốc (thôn Bình Nông)			540			
15	Đường Hảo Danh - Hảo Nghĩa - Mỹ Lương						

-	Đoạn qua thôn Mỹ Lương			360	240	180	120
-	Đoạn qua thôn Hào Nghĩa - Hào Danh			290	200	140	100
A78	XÃ XUÂN CẢNH						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp xã Xuân Lộc	Hết Trường Tiểu học xã Xuân Bình	580	340	240	140
-		Giáp Trường tiểu học Xuân Bình	Giáp cầu Bình Phú	380	240	140	100
-		Giáp cầu Bình Phú	Phường Sông Cầu	670	430	290	170
2	Đường giáp đường Chánh Lộc - Diêm Trường đến giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	Giáp đường Chánh Lộc - Diêm Trường	Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	380	240	140	100
3	Đường Chánh Lộc - Diêm Trường			480	340	240	140
4	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình						
-		Giáp quốc lộ 1	Hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	350	230	170	120
-		Khu quy hoạch	Hồ Xuân Bình	240	190	140	100
5	Đường Bình Thạnh - Lệ Uyên						
-		Đoạn bê tông hóa		290	190	140	100
-		Đoạn còn lại		240	190	140	100
6	Đường Bình Thạnh Nam- Đá Giảng			240	160	120	80
7	Đường kè đầm Cù Mông (phía Tây)						
-		Giáp xã Xuân Lộc	Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	760	420	250	170
-		Giáp cầu Xuân Bình - Xuân Hải	Giáp Quốc lộ 1	500	340	250	150
8	Đường kè đầm Cù Mông (phía Đông)			860	430	240	140
9	Quốc lộ 1D (địa bàn xã Xuân Cảnh)			670	430	290	170
10	Đường Hòa Mỹ - Hòa Hội - Hòa Lợi			620	380	240	140
11	Đường Hòa Phú - Hòa An						
-		Quốc lộ 1D	Giáp đường đi Bãi Tràm	550	320	230	150
-		Đi Bãi Tràm	Giáp đôn biên phòng Xuân Hoà	460	320	230	150
-		Đôn biên phòng Xuân Hoà	Chợ Hoà An	690	380	230	150
12	Đường Hoà Phú - Hoà Thạnh						
-		Hoà Phú Hoà An	Đầu xóm Hoà Thọ	380	240	140	100
-		Đầu xóm Hòa Thọ	Cuối xóm Hoà Thọ	420	260	160	100
-		Cuối xóm Hoà Thọ	Giáp cầu Xuân Cảnh	380	240	140	100
13	Đường kè Hoà Lợi			400	280	200	120
14	Đường từ ngã 3 Bình Dương đến Trường tiểu học Hòa Lợi	Ngã 3 Bình Dương	Trường tiểu học Hòa Lợi	360	200	120	80
15	Đường giao thông Hòa Phú - Hòa An đến chợ Xuân Hòa	Giao thông Hòa Phú - Hòa An	Chợ Xuân Hòa	400	280	200	120
16	Đường chợ Xuân Hòa và Khu dân cư chợ Xuân Hòa			320	200	120	80

17	KDC Bắc Hòa Phú: Đường rộng 3,5m			340			
18	Khu dân cư Nam Hòa Phú - Hòa An						
-	Khu A, đường rộng 10 mét			530			
-	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)			290			
-	Đường rộng 10 mét thuộc khu B từ lô số 31 đến lô số 47, (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)			290			
-	Đường rộng 10 mét còn lại (khu B)			340			
19	KDC thôn Hòa Thạnh (Công trình khép kín): Đường rộng 12m			1.000			
20	KDC thôn Hòa Lợi (Công trình khép kín)						
-	Đường rộng 8 mét			480			
-	Đường rộng 12 mét			600			
21	Công trình Khép kín KDC Chợ Hòa An: Đường rộng 3,5m			670			
22	Khu tái định cư quốc lộ 1, đồng ông Nhó, xã Xuân Cảnh: Đường rộng 10m			400			
23	Điểm dân cư Bãi Chỏ, thôn Hòa Lợi						
-	Đường rộng 16m			1.600			
-	Đường rộng 12m			960			
24	Điểm dân cư Phía Nam Khu dân cư Hòa Lợi						
-	Đường rộng 12m			800			
-	Đường rộng 8m			480			
A79	XÃ XUÂN LỘC						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp ranh tỉnh Gia Lai	Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	480	290	190	140
-			Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	620	380	240	140
2	Quốc lộ 1D						
-		Giáp ranh tỉnh Gia Lai	Giáp cây xăng Không Lang	730	450	280	170
-		Giáp cây xăng Không Lang	Giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Lộc (xã Xuân Hải cũ) (Trừ đoạn qua KDC Xuân Hải và KDC chợ Xuân Hải)	1.230	620	390	280
-		Giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Lộc (xã Xuân Hải cũ)	Giáp xã Xuân Cảnh	730	450	280	170
3	Đường Chánh Lộc - Diêm Trường						
-		Giáp quốc lộ 1 đi qua chợ cũ	Ngã ba đường Chánh Lộc - Diêm Trường	720	380	240	140
-		Giáp Quốc lộ 1 (ngã ba Hà Dom)	Giáp đầm Cù Mông	480	340	240	140
4	Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình						
-		Giáp quốc lộ 1	Lô số 1 QHPL khu dân cư	290	190	140	100

-		Đoạn từ giáp lộ số 1 QHPL khu dân cư	Giáp ranh xã Xuân Cảnh	240	190	140	100
5	Đường kè đầm Cù Mông						
-		Giáp Quốc lộ 1	Giáp thửa đất nhà ở của ông Trần Đình Phó	580	340	240	140
-		Phía Bắc của nhà ông Trần Đình Phó	Giáp xã Xuân Cảnh	720	380	240	140
6	Khu dân cư chợ Xuân Lộc						
-	Khu D và khu E			2.080			
-	Khu F			1.760			
-	Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10			1.760			
7	Khu dân cư phía Nam đèo Cù Mông, giai đoạn 2						
-	Đường quy hoạch số 2			310			
-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 1)			290			
-	Đường quy hoạch rộng 8m (đường gom 2)			240			
8	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 1			380	240		
9	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 2			380	240		
10	Khu Tái định cư đường cao tốc Xuân Lộc 3			380	240		
11	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Thôn 1	Giáp thôn 5 (từ nhà ông Trần Quý Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đệ)	340	220	170	110
12	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Nhà ông Phan Văn Tô	Nhà ông Nguyễn Thanh, thôn 2	340	220	170	110
13	Đường bê tông GTNT xã Xuân Lộc	Giáp QL 1D	Giáp cầu Xuân Lộc - Xuân Cảnh	450	280	170	110
14	Đường kè đầm Cù Mông	Giáp xã Xuân Cảnh	Giáp cầu Xuân Lộc-Xuân Cảnh	840	450	280	170
15	Tuyến đường bê tông Kè biển Thôn 2, xã Xuân Lộc			840	450	280	170
16	Khu dân cư Xuân Hải (Giai đoạn 1)						
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D			6.000			
-	Đường rộng 20m			5.000			
-	Đường rộng 10m			2.840			
-	Đường N8 rộng 8m			2.000			
17	Khu dân cư Chợ Xuân Hải						
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D			1.320			
-	Đường rộng 20m			1.100			
-	Đường rộng 10m			660			
A80	XÃ ĐỒNG XUÂN						
1	Lê Lợi			2.030	1.460	860	580
2	Lê Thành Phương			800	560	360	200
3	Lương Tấn Thịnh						
-		Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1.680	1.280	840	440
-		Lê Lợi	Trường Chinh	1.240	840	560	360
4	Lương Văn Chánh						

-		Thôn Tân Bình	Trần Hưng Đạo	260	200	130	90
-		Cầu La Hai	Giáp Cầu ông Trung	680	480	360	200
-		Cầu ông Trung	Giáp xã Xuân Phước	1.280	960	640	400
5	Nguyễn Du			370	230	140	90
6	Nguyễn Hào Sự			1.200	920	600	360
7	Nguyễn Huệ	Trần Phú	Lương Văn Chánh	1.560	1.120	840	440
8	Nguyễn Trãi						
-		Nhà máy nước La Hai	Giáp đường Trần Phú	1.090	760	550	340
-		Trần Phú	Lê Thành Phương	1.300	880	590	380
9	Phan Lưu Thanh						
-		Trần Hưng Đạo	Công trường THCS Phan Lưu Thanh	460	320	230	150
-		Công trường THCS Phan Lưu Thanh	Khu di tích Phan Lưu Thanh	320	230	170	130
10	Phan Trọng Đường						
-		Trần Hưng Đạo (<i>Đầu nhà ông Tý</i>)	Giáp đường Trần Cao Vân	1.680	1.400	800	520
-		Trần Cao Vân	Trần Hưng Đạo	1.800	1.240	800	520
11	Đường số 16	Trần Cao Vân	Trần Hưng Đạo (<i>Nhà ông Lê Ngọc Liêng</i>)	920	600	360	200
12	Trần Cao Vân						
-		Phan Trọng Đường	Tiếp giáp đường số 16	1.300	880	590	380
-		Công trường THCS Phan Lưu Thanh	Giáp đất ông Nguyễn Giáp	1.050	710	460	290
13	Trần Hưng Đạo						
-		Giáp thôn Tân An	Công chào xã Đồng Xuân (<i>Từ Km Km12+020 (cầu Lỗ Sáu) đến Km13+000</i>)	820	540	340	200
-		Công chào xã Đồng Xuân	Giáp Cầu La Hai (<i>Từ Km13+000 (cống thoát nước) đến km(14+300) cầu sắt La Hai cũ</i>)	1.260	860	560	360
-		Cầu La Hai	Tiếp giáp Đường số 16 (<i>Từ Km14+300 Cầu sắt La Hai đến km16+070 Đốc Quận</i>)	2.180	1.560	940	620
-		Đường số 16	Công văn hóa khu phố Long Bình (<i>Từ Km16+070 Đốc Quận đến công văn hóa khu phố Long Bình cũ</i>)	1.280	960	640	380
-		Công văn hóa khu phố Long Bình	Đốc Hồ Ó (<i>Giáp Thôn Long Mỹ</i>)	900	600	360	180
14	Trần Phú						
-		Giáp thôn Phước Huệ	Đường vào bãi rác cũ (<i>trụ km0</i>)	800	560	360	200
-		Đường vào bãi rác cũ	Nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ	1.360	1.040	680	400
-		Nút giao Trần Phú - Nguyễn Huệ	Đường Võ Trứ (<i>Trạm bảo vệ thực vật</i>)	2.380	1.700	1.020	680
-		Ngã ba đường Trần Phú - đường Võ Trứ (<i>Trạm bảo vệ thực vật</i>)	Giáp chùa Long Hưng	1.600	1.080	700	440
15	Trường Chinh			1.600	1.080	720	440
16	Võ Thị Sáu			1.280	960	640	320
17	Võ Trứ			1.160	840	560	320
18	Võ Văn Dũng						
-		Lương Văn Chánh	Nguyễn Hào Sự	680	480	360	200
-		Nguyễn Hào Sự	Giáp xã Xuân Phước	280	200	120	80
19	Đường Khóm 5 - Soi Hò	Lương Văn Chánh	Giáp thôn Long Hòa	180	130	90	70
20	Ngã ba đường Lê Lợi đến ga La Hai	Ngã ba đường Lê Lợi	Ga La Hai	1.000	680	480	360
21	Quốc Lộ 19C						

-		Dốc Hồ Ó (<i>giáp thôn Long Bình</i>)	Bi bà Thiết	560	400	240	160
-		Bi bà Thiết	Cầu Hồ Chông (<i>Long Thạch</i>)	360	280	240	160
-		Cầu Hồ Chông (<i>Long Thạch</i>)	Giáp xã Xuân Lành	240	160	120	80
22	Đường giao thông nông thôn						
-		Quốc lộ 19C (<i>Từ ngã 3 thôn Long Mỹ</i>)	Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Lựu	200	160	120	80
-		Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Lựu	Giáp thôn Long Bình	200	160	120	80
-		Quốc lộ 19C (<i>Trụ sở UBND Hạt Kiểm lâm khu vực Đồng Xuân</i>)	Giáp Nhà văn hóa thôn Long Mỹ	200	120	80	60
-		Đường bê tông giao thông nông thôn nội thôn Long Hòa		50	40	40	30
-		Ngã ba (<i>nhà ông Nguyễn Bảy</i>)	Giáp khóm 5 thôn Long Châu	50	40	40	30
-		Ngã ba trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Long (<i>Phân trường cấp 2</i>)	Giáp nhà ông Bình (<i>Thôn Long Mỹ</i>)	200	160	120	80
-		Ngã ba Trạm y tế	Giáp tuyến đường ngã ba trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Long (<i>Phân trường cấp 2</i>) đến nhà ông Bình (<i>Thôn Long Mỹ</i>)	200	160	120	80
23	Đường La Hai - Đồng Hội						
-		Giáp đường Trần Phú	Ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc	240	200	150	110
-		Ngã tư nhà ông Trần Đức Lộc	Nhà ông Hồ Văn Số	260	220	180	130
-		Nhà ông Hồ Văn Số	Trạm bơm Vực Lò	220	180	130	90
-		Trạm bơm Vực Lò	Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	180	130	90	40
-		Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	Giáp xã Phú Mỹ	110	90	70	40
24	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã ba thôn Phước Huệ (<i>nhà ông Võ Kim Sơn</i>)	Ngã ba thôn Triêm Đức (<i>nhà ông Đỗ Ngọc Nhờ</i>)	140	120	80	60
-		Trường tiểu học	Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	180	140	100	60
-		Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	Nhà máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín	80	60	50	40
-		Đường Bưu điện văn hóa	Chợ Đồng Tranh cũ	140	120	80	60
-		Nhà ông Nguyễn Hữu Đính	Nhà ông Nguyễn Tấn Đại	180	140	100	80
-		Ngã tư nhà ông Nguyễn Tấn Đại	Gò Cốc	50	40	40	30
-		Ngã tư (<i>nhà ông Nguyễn Hữu Đính</i>)	Trường Hoàng Văn Thụ	180	140	100	80
-		Nhà ông Bình	Nhà ông Nguyễn Khắc Thành	120	80	60	40
-		Nhà ông Phan Văn Thanh	Nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	120	80	60	40
-		Gò Ôi	Trạm bơm nước Gò Ôi	100	80	60	40
-		Nhà ông Nguyễn Văn Phước	Nhà ông Nguyễn Lưu Truyền (<i>Thôn Phước Huệ</i>)	120	80	60	40

-		Nhà ông Huỳnh Văn Mai	Nhà ông Huỳnh Công Thâm (<i>Thôn Phước Huệ</i>)	120	80	60	40
-		Nhà ông Đặng Ngọc Hiếu	Nhà ông Nguyễn Văn Thứ	120	80	60	40
-		Nhà ông Nguyễn Quốc Quân	Nghĩa trang nhân dân Huyện	180	140	100	80
-		Nhà văn hóa thôn Triêm Đức	Nhà ông Lê Văn Diệu	120	80	60	40
25	Khu dân cư mới Thôn Triêm Đức			120			
26	Đường ĐT642						
-		Từ km8+000	Cầu Cây Sung	210	170	130	80
-		Cầu Cây Sung	Nhà ông Đỗ Văn Năm	290	210	170	130
-		Nhà ông Đỗ Văn Năm	Dốc Đèo (<i>Nhà ông Phan Văn Núi</i>)	250	210	170	130
-		Dốc Đèo (<i>Nhà ông Phan Văn Núi</i>)	Giáp thôn Long Châu	160	100	80	60
27	Các đường giao thông nông thôn						
-		Đường ĐT642	Chùa Đồng Tròn (<i>nhà bà Lê Thị Sương</i>)	80	60	50	40
-		Chùa đồng tròn (<i>nhà bà Lê Thị Sương</i>)	Đèo ông Tứ (<i>nhà ông Võ Hữu Tâm</i>)	60	50	40	40
-		Đèo ông Tứ (<i>nhà ông Võ Hữu Tâm</i>)	Giáp xã Tuy An Bắc	60	50	40	40
-		Công văn hóa thôn Tân Bình	Xóm Gò (<i>nhà ông Võ Hồng Sơn</i>)	100	80	60	40
-		Đường đường đi qua khu dân cư xóm Gò (<i>đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân</i>)		100	80	60	40
28	Đường ĐT 641						
-		Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Giáp cầu bà Tâm	320	280	200	120
-		Cầu bà Tâm	Công trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	400	320	200	120
-		Công trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	Giáp thôn Long An	320	280	200	120
29	Các đường liên thôn						
-		Đường ĐT 641 (<i>nhà văn hóa Bưu điện</i>)	Cầu sắt Tân Long	320	280	160	120
-		Đường ĐT 641 (<i>nhà bà Sen</i>)	Cầu sắt Tân Long	160	120	80	60
-		Tân Long (<i>trường mẫu giáo Tân Long</i>)	Tân Hòa (<i>Nhà ông Lân</i>)	120	100	80	60
30	Đường ĐT641 - Bầu Nặng						
-		Cầu Tân Vinh	Nhà ông Đạo.	160	120	80	60
-		Nhà ông Đạo	Nhà ông Sửu	140	100	80	60
31	Đường giao thông nông thôn						
-		Đường ĐT 641 (<i>Cầu Chùa</i>)	Cổng ngầm	140	100	80	60
-		Bi Bà Tâm	Nhà ông Liên, Tân Vinh	140	100	80	60
-		Đường ĐT 641 (<i>Bi Bà Xạ</i>)	Nhà ông Tánh (<i>Tân Vinh</i>)	140	100	80	60
-		Nhà ông Thái	Nhà ông Nữ (<i>Tân Vinh</i>)	140	100	80	60
-		Nhà ông Cúc	Giếng vôi (<i>Tân Vinh</i>)	140	100	80	60
-		Đường ĐT 641 (<i>Cầu Mười Yên</i>)	Nhà Bà Lánh (<i>Tân Vinh</i>)	140	100	80	60
32	Đường giao thông nội thôn						
-		Thôn Tân An					

+		Đường ĐT 641 ra sau chùa Tân An	Nhà ông Nguyễn Ngọc Lân	100	80	60	40
+		Nhà văn hóa thôn Tân An	Trạm nước sạch	120	80	60	40
-		Thôn Tân Phú					
+		ĐT 641 (Nhà ông Thảo)	U Hòn Định	120	80	60	40
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà ông Lê Minh Tân	Nhà ông Nguyễn Thanh Châu	120	80	60	40
+		Đường ĐT 641 (Cầu bà Tâm)	Nhà ông Khanh	120	80	60	40
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà văn hóa thôn	Nhà bà Hà Tỳ	100	80	60	40
+		Nhà ông Huỳnh	Nhà ông Lưu Hùng Thiên	100	80	60	40
+		Nhà ông Nguyễn Ngọc Phán	Nhà ông Nguyễn Văn Bình	100	80	60	40
+		Nhà bà Lê Thị Thanh	Nhà ông Lê Văn Đông	100	80	60	40
-		Thôn Tân Vinh 2					
+		Nhà ông Lưu Ngọc Chân	Nhà ông Đặng Bira	100	80	60	40
+		Nhà ông Tô Sĩ Liêm	Nhà ông Nguyễn Ngọc Ánh	100	80	60	40
+		Đường ĐT 641 (Bi Tàu Ngã)	Nhà ông Ngô Tư	100	80	60	40
33	Khu dân cư mới thôn Tân Vinh			140	100	80	60
34	Hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư tập trung xã Xuân Sơn Nam						
-	Khu số 1: Đường ĐT641	Cổng Trường Tiểu học và THCS Xuân Sơn Nam	Giáp thôn Long An			260	
-	Khu số 5: Đường giao thông nông thôn	Nhà ông Thái	Nhà ông Nữ (Tân Vinh)	430			
35	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Tân Vinh						
-	Khu số 1 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng)	Nhà ông Đạo	Đền nhà ông Sừ	490			
-	Khu số 2 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng)	Nhà ông Đạo	Đền nhà ông Sừ	490			
-	Khu số 3 (Đường ĐT641 - Bầu Nặng): (đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sừ) và Đường giao thông nông thôn (đoạn từ nhà ông Thái đến nhà ông Nữ (Tân Vinh))			550			
36	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư dọc đường La Hai - Đồng Hội						
-	Đường N1			400			
-	Đường N2			400			
-	Đường D1			440			
-	Đường D2			400			
37	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Huệ - Lương Văn Chánh			1.200			
A81	XÃ XUÂN LÃNH						
1	Quốc Lộ 19C						
-		Giáp ranh xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai (Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh))	Cổng thoát nước nhà bà Nguyễn Thị Bảy	160	120	100	60
-		Cổng thoát nước (nhà bà Nguyễn Thị Bảy)	Cổng thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều)	240	180	120	60
-		Cổng thoát nước (Nhà ông Bùi Xuân Triều)	Cầu Đá Chát	360	240	180	120

-		Cầu Đá Chát (<i>Nhà máy Fluorit</i>)	Nhà máy Năng Lượng Phú Yên thôn Long Thạch, xã Đồng Xuân	220	120	100	60
2	Đường ĐT 644						
-		Giáp Quốc lộ 19C	Cầu Suối Kỳ	160	120	80	60
-		Cầu Suối Kỳ	Cầu Soi Thủy	140	120	80	60
-		Cầu Soi Thủy	Thôn 1	120	80	60	40
-		Đoạn qua địa bàn thôn 1		140	100	80	40
-		Đoạn qua địa bàn thôn 2		200	140	100	40
-		Đoạn qua địa bàn thôn 3		240	200	140	100
-		Cầu Kỳ Châu (thôn 4)	Nhà máy gỗ Hoàng Tiến	200	160	120	80
3	Đường Lãnh Vân - Hà Rai						
-		Nhà ông Nguyễn Văn Thành (Mỡ)	Giáp cầu Hà Rai	100	80	60	40
-		Cầu Hà Rai	Hết thôn Hà Rai	80	60	50	40
4	Đường Lãnh Vân - Làng Đông						
-		Đường sắt Bắc Nam	Cầu Suối Khách	140	110	80	60
-		Cầu Suối Khách (<i>ngã ba gò Mã Đông</i>)	Giáp thôn Phú Đông, xã Phú Mỹ	80	70	60	60
-		Ngã 3 Lãnh Vân - Làng Đông (<i>Nhà ông Trịnh Minh Thái</i>)	Nhà ông Nguyễn Văn Lý	80	60	50	40
5	Đường Da Dù - Lãnh Cao			70	60	60	50
6	Đường liên thôn						
-		Đường ĐT 644	Ngã 3 Lãnh Tú, Da Dù	140	100	80	60
-		Ngã 3 Lãnh Tú, Da Dù	Khu Nông Khuya Da Dù (<i>Nhà ông Mang Hải và Nguyễn Văn Long</i>)	140	100	80	60
-		Ngã 3 Lãnh Tú, Da Dù	Hết thôn Lãnh Tú (<i>Nhà ông Nguyễn Văn Trung</i>)	140	100	80	60
-		ĐT 644	Nhà Thái Hòa Đình	120	100	60	40
-		Quốc lộ 19C	Chợ Mới (<i>giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng</i>)	200	160	120	80
-		Chợ Mới (<i>giáp nhà ông Nguyễn Xuân Tùng</i>)	Giáp đường ĐT 644	120	80	60	40
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4		80	60	50	40
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3		100	80	60	40
-		Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 1, 5		40	40	30	30
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lãnh Trường						
	Tuyến T1			200			
	Tuyến T2			240			
A82	XÃ PHÚ MỸ						
1	Đường ĐT 647						
-		Giáp xã Xuân Phước	Cầu tràn dốc ông Thảo	160	120	80	60
-		Cầu tràn dốc ông Thảo	Cầu tràn Suối Trắng	220	160	120	60
-		Cầu tràn Suối Trắng	Cầu ông Chung	280	220	160	120
-		Cầu ông Chung	Giáp Phú Mỹ	160	120	80	60
2	Đường Xuân Phước - Phú Hải	Đường ĐT 647	Đường ĐT 646	80			
3	Đường La Hai - Đồng Hội:						
-		Giáp xã Xuân Quang 2 cũ	Hết đường La Hai - Đồng Hội	120	100	80	60
4	Đường cầu Đồng Hội						

-		Nút giao đường ĐT 647	Cầu Đồng Hội	200	160	120	60
-		Cầu Đồng Hội	Ngã ba cầu Đồng Hội	160	120	80	60
5	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã 3 thôn Kỳ Lộ (<i>Nhà bà Thủy</i>)	Ngã 3 nhà ông Trần Văn Lâu	220	160	120	60
-		Nhà ông Trần Văn Lâu	Nhà Trần Thị Cậy	80	60	50	40
-		Trường Mầm non Xuân Quang 1	Nhà ông Hồ Trọng Khanh	80	60	50	40
-		Chợ Suối Cối một	Nhà ông Phan Thế Vinh	80	60	50	40
-		Đoạn đường đi Xóm Lộn Hiệu		180	120	100	40
-		Nhà ông Phan Văn Minh	Nhà bà Nguyễn Thị Hương (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Suối Cối 1</i>)	160	120	80	40
-		Nhà ông Huỳnh Thanh Tám	Nhà ông Đỗ Khắc Mai (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Suối Cối 1</i>)	160	120	80	40
-		Ngã 3 Trường Tiểu học Xuân Quang 1	Nhà ông Lê Văn Tính	80	60	40	30
-		Đường nội thôn Kỳ Lộ: Đoạn từ nhà ông Trần Văn Tứ	Giáp HTX Xuân Quang 1	160	120	80	40
-		Nhà ông Nguyễn Quả	Giáp nhà ông Phan Quốc Tuấn	80	60	40	30
-		Ngã 3 nhà ông Nguyễn Ngọc Thành	Nhà ông Cao Văn Minh (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua thôn Kỳ Lộ</i>)	160	120	80	40
-		Suối Cây Cau	Giáp ngã 3 đi Cao Su (<i>Đoạn ĐT647 cũ qua làng Bà Đầu thôn Phú Tâm</i>)	80	60	50	40
-		ĐT647	Giáp đường nội thôn làng Bà Đầu thôn Phú Tâm	80	60	50	40
-		Đường nội thôn phía sau UBND Xã (Đoạn từ ngã ba ĐT647 trụ sở Công An xã đến ĐT647 Bưu điện)		160	120	80	40
6	Đoạn từ ĐT647 đến giáp thao Trường Bản	Đường ĐT647	Giáp thao Trường Bản	140	100	80	60
7	Đường ĐT 647						
-		Suối Cà Ton	Dốc Ruộng (<i>cuối thôn Phú Tiến</i>)	80	60	50	40
-		Dốc Ruộng	Ngã Tư Thôn Phú Lợi	100	80	60	50
-		Suối Mô O	Chợ Phú Mỹ	100	80	60	50
8	Đường liên thôn						
-		Đường nội thôn Phú Đồng		60	50	50	40
-		Đường nội thôn Phú Hải		60	50	50	40
9	Đường liên thôn Phú Lợi - Phú Hải	Ngã tư Phú Lợi	Cầu Suối Gấm	80	60	50	30
10	Đường từ ngã Ba Phú Tiến	Ngã Ba đường ĐT 647	Dốc Mô Cối	80	50	50	30
A83	XÃ XUÂN PHƯỚC						
1	Quốc Lộ 19C						
-		Đèo Ngang - giáp xã Đồng Xuân	Cầu Ông Dương	360	250	150	100
-		Cầu Ông Dương	Cầu Suối Ré	500	360	250	150
-		Cầu Suối Ré	Nhà ông Nguyễn Văn Phụng	320	240	160	120

-		Nhà ông Nguyễn Văn Phụng	Cầu Suối Bà Sào	300	230	170	130
-		Suối Bà Sào (<i>giáp thôn Phước Nhuận</i>)	Cầu Suối Muồng	300	230	170	130
-		Cầu Suối Muồng	Cầu Hàm Dài - Phú Hội	270	190	150	100
-		Hàm Dài - Phú Hội	Giáp xã Vân Hoà, tỉnh Đắk Lắk	150	130	80	40
2	Đường Phước Lộc đến A20						
-		Quốc Lộ 19C	Kênh N2	340	250	170	130
-		Kênh N2	Đường ĐT 647	210	170	130	80
3	Đường dọc theo kênh mương N2	Đội 4 Phước Nhuận	Đội 7 Phước Lộc	150	100	80	40
4	Đường liên xã Long Hà - Phước Lộc	Nhà bà Trần Thị Thu Hiền	Giáp xã Đồng Xuân	290	210	150	100
5	Các đường giao thông nông thôn						
-		Nhà Ông Chấn	Đi Suối Ré	170	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Tạ Thị Bê</i>)	Nhà Hồ Thị Nhung	130	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Mai Xuân Hùng</i>)	Nhà Phạm Văn Tiến	150	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Lý Thu Cường</i>)	Nhà trần Minh Trung	130	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Huỳnh Thị Thông</i>)	Suối sâu	130	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Trần Vũ Đại</i>)	Giáp đường Phước lộc- A20	150	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà trần Văn Thọ</i>)	Kênh N2	100	80	70	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Phan Văn Trương</i>)	Kênh N2	100	80	70	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>Nhà Nguyễn Ngọc Hòa</i>)	Kênh N2 (<i>Đường từ đường ĐT 642 (Nhà Nguyễn Tri Phương) đến kênh N2 cũ</i>)	100	80	70	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Đỗ Nhơn</i>)	Nhà Võ Thị Hương	100	80	70	60
-		Quốc Lộ 19C (<i>nhà Đỗ Văn Trinh</i>)	Nhà ông Xu	100	80	70	60
-		Phước Lộc - A20 (<i>nhà Nguyễn T Kinh Thái</i>)	Nhà Võ Thị Yến	100	80	70	60
-		Phước Lộc - A20 (<i>nhà Nguyễn Khánh Quốc</i>)	Nhà Trần Việt Hùng	100	80	70	60
6	Khu dân cư Thạnh Đức			80			
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xuân Quang 3	Cầu tràn Suối Ré	Cầu tràn Suối Bà Sào (<i>giáp xã Xuân Phước</i>)	1.730	1.100		
8	Đường ĐT 647						
-		Ngã tư Phước Hòa	Nhà bà Nguyễn Thị Kim Anh	290	210	170	130
-		Giáp Quốc lộ 19C (<i>Nhà ông Nguyễn Đức Hiền</i>)	Nhà ông Nguyễn Tấn Hiền	340	250	170	130

-		Nhà ông Nguyễn Tấn Hiền	Trại A20	250	210	170	130
-		Trại A20	Giáp xã Phú Mỹ, tỉnh Đắk Lắk	170	130	80	60
9	Các đường giao thông nông thôn						
-		Ngã ba A20	Giáp thôn Thạnh Đức	210	170	100	60
-		Phòng khám khu vực Xuân Phước	Ngã tư Phú Hội	150	130	80	60
-		Khu tập thể lâm trường cũ	Nhà Ông Đặng Quốc Quát	290	210	170	130
-		Nhà Ông Nguyễn Khắc Minh	Cầu Suối Tia	270	210	170	130
-		Đường Phú Xuân B - Đồng Bò: Đoạn từ cầu ông Tư	Công Hồ chứa nước Phú Xuân	150	100	80	60
-		Quốc Lộ 19C	Đi Cai Thắng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiên)	140	120	80	60
-		Đường ĐT647	Đi Xóm Đồng Bè - Phú Xuân B Xuân Phước	120	100	60	40
-		Quốc Lộ 19C	Đi cây xoài (Nhà ông Nguyễn Thắng)	160	120	100	60
10	Các điểm dân cư thuộc trung tâm xã Xuân Phước						
-	Khu số 1						
+	Đường rộng 12m			160			
+	Đường rộng 7,5m			140			
-	Khu số 2			160			
-	Khu số 3						
+	Đường rộng 12m			240			
+	Đường rộng 7,5m			200			
11	Đường đi từ nhà bà Trương Thị Mỹ Lệ (Giáp đường ĐT 647) đến nhà ông Trần Xuân Phương	Nhà bà Trương Thị Mỹ Lệ (Giáp đường ĐT 647)	Nhà ông Trần Xuân Phương	140	100	80	60
12	Đường đi từ nhà ông Nguyễn Ngọc Tuấn đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ Hoa (Đường đi Xóm Vườn Cụt).	Nhà ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Nhà bà Nguyễn Thị Lệ Hoa (Đường đi Xóm Vườn Cụt).	120	90	60	40
13	Đường đi từ đường bê tông (từ ĐT647 đi Xóm Đồng Bò) đi xóm Đồng Đá (điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Lúa).	Đường bê tông (từ ĐT647 đi Xóm Đồng Bò)	Xóm Đồng Đá (Điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Lúa)	100	80	50	40
14	Đường đi Xóm Soi từ nhà ông Trình Văn Thụ (Giáp đường Quốc lộ 19C) đến nhà ông Trình Dương Quốc	Đi Xóm Soi từ nhà ông Trình Văn Thụ (Giáp đường Quốc lộ 19C)	Nhà ông Trình Dương Quốc	100	80	50	40
15	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Văn Chính) đến Kênh mương N2	Quốc Lộ 19C (nhà Huỳnh Văn Chính)	Kênh mương N2	100	80	70	60
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Như Phi - Đội 4 đến giáp suối Bà Sào	Nhà ông Nguyễn Như Phi - Đội 4	Giáp suối Bà Sào	100	80	70	60
17	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà bà Nguyễn Thị Khiêm) đến nhà ông Huỳnh Xuân Lãnh	Quốc Lộ 19C (nhà bà Nguyễn Thị Khiêm)	Nhà ông Huỳnh Xuân Lãnh	100	80	70	60
18	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà bà Tô Thị Long) đến nhà bà Lê Thị Kim Phượng và ông Lê Hữu Phúc	Quốc Lộ 19C (nhà bà Tô Thị Long)	Nhà bà Lê Thị Kim Phượng và ông Lê Hữu Phúc	100	80	70	60
19	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hột) đến nhà ông Trần Quang Xuân và Trình Minh	Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hột)	Nhà ông Trần Quang Xuân và Trình Minh	100	80	70	60

20	Đường từ Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hột) đến nhà ông Trần Văn Ty	Quốc Lộ 19C (nhà ông Nguyễn Hột)	Nhà ông Trần Văn Ty	100	80	70	60
A84	XÃ PHÚ HÒA 1						
1	Quốc lộ 25						
-		Lương Văn Chánh		2.040	1.360	880	560
-		Ga Đèo	Ranh giới xã Hòa Định Tây cũ	1.040	680	440	300
-		Đường cao tốc Bắc-Nam	Trụ Km8	1.920	1.280	840	540
-		Trụ Km8	Trụ Km9	2.240	1.480	960	620
-		Trụ Km 9	Giáp ranh giới Thị trấn Phú Hòa cũ	1.280	840	520	340
-		Ranh giới thị trấn Phú Hòa cũ	Trụ Km22	720	480	300	200
-		Trụ Km22	Phía đông xã Hòa Hội (cũ)	600	400	260	180
-		Ranh giáp phía đông xã Hòa Định Tây	Trụ Km22	1.000	640	400	280
-		Ranh giới Hòa Định Tây - Hòa Hội	Trụ Km28	320	200	140	80
-		Km28	Km29 +600	1.280	840	540	360
-		Km29 +600	Ranh giới xã Sơn Hà cũ	520	320	220	160
2	Đường ĐH 21						
-		Phía tây cao tốc Bắc Nam	Quốc lộ 25	1.040	640	440	300
3	Đường ĐH 24	Cầu Đông Lộ	Ranh giới xã Hòa Trị cũ	1.080	720	440	300
4	Đường ĐH 25						
-		Đường ĐH 27	Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	2.040	1.360	880	580
-		Kè dọc sông Ba	Đường ĐH 27	1.360	680	480	340
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ (trừ phía tây đường của đoạn tiếp giáp khu dân cư phía Tây trường Trần Quốc Tuấn)	1.120	720	400	280
-		Ranh giới xã Hòa Thắng cũ	Nhà ông Nguyễn Văn Phúc	1.200	800	480	320
-		Nhà ông Nguyễn Văn Phúc	Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ	1.120	720	400	280
5	Đường ĐH 27						
-		Ranh giới phía Đông xã Hòa Thắng cũ	Ranh giới phía tây Hòa Thắng cũ	960	600	400	260
-		Ranh giới phía tây Hòa Thắng cũ	QL 25	800	560	380	240
-		Phía tây cao tốc Bắc Nam	Giáp phía đông xã Hòa Thắng cũ	1.400	1.000	720	520
6	Đường ĐH 28						
-		Quốc lộ 25	Giáp xã Hòa Định Đông cũ	800	560	400	280
-		Ranh giới phía Nam Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Nam cũ	800	560	400	280
7	Đường ĐH 29						
-		Ranh giới đường Ga Đèo	Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	1.200	1.000	800	600
-		Ranh giới phía Nam Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Nam cũ	680	480	280	200
8	Đường ĐH 30			480	320	200	120

9	Trần Suyền			1.840	1.040	600	400
10	Võ Nguyên Giáp			2.040	1.280	880	540
11	Đường Ga Đèo đến giáp đường bao phía Đông			2.040	1.360	880	580
12	Đường Trần Hào			1.920	1.240	800	520
13	Đường nội bộ Nguyễn Công Nhân - Lương Văn Trực - Lê Thông - Đào Tấn Tú - Dương Văn Khoa; Nguyễn Công Nhân - Võ Thượng Khải; Nguyễn Thế Bảo - Trần Rên - Lương Văn Cương - Phan Lưu Thanh - Đặng Đức Vĩ - Lương Phụng Tường - Nguyễn Quang Huy						
-	Đường rộng từ 11,5m trở lên			1.640			
-	Đường rộng dưới 11,5m			1.280			
14	Đường nội bộ Khu dân cư NLK4 thị trấn Phú Hòa - giai đoạn 1 (sau khi đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng theo quy hoạch đã được duyệt)						
-		Đường NB-1 rộng 13,5m: Đoạn từ đường NB-2	Đường D3	920			
-		Đường NB-2 rộng 14m: Đoạn từ đường Đông - Tây nối dài (đường N7)	Đường NB-1	920			
-		Đường D3 rộng 19 m: Đoạn từ đường Đông - Tây nối dài (đường N7)	Đường NB-1	960			
15	Đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (Đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)			840	560	360	240
16	Đường từ trường THCS đến giáp đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam (đoạn Định Đông - thị trấn)	Trường THCS	Giáp đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam	800	520	320	200
17	Đường từ nhà ông Võ Tâm Tư đến giáp đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)	Nhà ông Võ Tâm Tư	Giáp đường giao thông Hoà Quang Bắc - Hoà Quang Nam (đoạn Hoà Định Đông - thị trấn)	1.000	800	480	360
18	Đường D3			1.000	800	480	360
19	Đường D5	Cầu QL 25	Xóm Bầu	1.000	800	480	360
20	Đường N4			1.000	800	480	360
21	Đường R4			1.000	800	480	360
22	Đường G49-G64			1.000	800	480	360
23	Đường Kè dọc Sông Ba: Đoạn đã đầu tư hạ tầng			880	680	520	400
24	Dự án: Khép kín khu dân cư phía Nam ngã tư Quốc lộ 25 - ĐH 25 thôn Phong Niên						
-	Đường ĐH 25 (Đoạn từ đường ĐH 27 đến ranh giới xã Hoà Định Đông)			3.550			
-	Đường N1; N2; N3; D1 rộng 11,5m			3.020			
25	Mở rộng khép kín khu dân cư phía Tây chợ Phong Niên						
-	Đường QH4			4.000			
-	Đường QH3			3.600			
-	Đường QH8			3.400			
-	Đường QH1, QH2			3.400			
-	Đường QH5, QH6, QH7			3.000			

26	Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường ĐH 25 đến UBND xã	ĐH 25	UBND xã	680	440	300	180
27	Đường ô tô đến trung tâm xã Hòa Định Đông						
-		Kênh N1	Cầu ông Chùng	680	440	280	180
-			Cầu ông Chùng	760	480	340	200
-			Công Văn hóa Định Thành	680	440	280	180
-			Chợ Lò Tre	680	440	280	180
-			Chợ Lò Tre	680	440	280	180
28	Đường liên xã Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam - Hòa Định Đông	Ranh giới Hòa Quang Nam cũ	Thôn Định Thái				
-		Giáp ranh đường Trần Suyễn	Ngã tư đường từ THCS đến đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam	1.840	1.040	600	400
-		Ngã tư đường từ trường THCS	Đường Hòa Quang Bắc - Hòa Quang Nam đến giáp ranh Hòa Quang Nam cũ	680	440	280	180
29	Khép kín khu dân cư xã Hòa Định Đông (Đối diện trường Trần Quốc Tuấn)						
-	Đường ĐH 25: Đoạn qua khu dân cư			3.600			
-	Đường D2, D3			3.200			
-	Các đường nội bộ còn lại			2.800			
30	Đường liên thôn Cẩm Thạch - Phú Sen (Trừ Khép kín Khu dân cư Chùa Tuyết Lãnh Sơn, thôn Cẩm Thạch)			720	520	320	220
31	Đường bờ vùng hàng dừa (Trừ Khép Khu dân cư thôn Cẩm Thạch (Cửa hàng HTX đến nhà ông Gộc))			560	360	240	160
32	Đường từ cầu UBND xã đến Đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen (Trừ Khép kín khu dân cư đối diện nhà văn hóa thôn Phú Sen Đông)			720	520	320	220
33	Đường bờ vùng sân kho 3 từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn	QL25	Đường liên thôn	560	360	240	160
34	Đường bờ vùng suối bà Lượng từ quốc lộ 25 đến đường liên thôn	QL25	Đường liên thôn	560	360	240	160
35	Khép kín khu dân cư đối diện nhà văn hóa thôn Phú Sen Đông			720	520	320	220
36	Khép Khu dân cư thôn Cẩm Thạch (Cửa hàng HTX đến nhà ông Gộc)						
-	Đường bờ vùng hàng dừa: Đoạn qua khu dân cư			560			
-	Đường dọc kênh N2			400			
37	Khép kín Khu dân cư Chùa Tuyết Lãnh Sơn, thôn Cẩm Thạch						
-	Đường liên thôn Cẩm Thạch - Phú Sen: Đoạn qua khu dân cư			720			
38	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến Nhà Rông	Quốc lộ 25	Nhà Rông	400	280	180	100
39	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến xóm Bền	Quốc lộ 25	Xóm Bền	400	280	180	100

40	Đường Kè dọc Sông Ba: Đoạn đã đầu tư hạ tầng			880	680	520	400
A85	XÃ PHÚ HÒA 2						
1	Đường ĐH 22 (Trừ dự án: Khép kín khu dân cư phía Đông trường Tiểu học Hòa Trị 2 và Khép kín khu dân cư Chu Me - Hạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc)						
-		Cao tốc Bắc - Nam	Ranh giới xã Hòa Quang Nam	2.160	1.280	720	500
-		Ranh giới xã Hòa Trị	Cây xăng Hòa Quang Nam	1.200	840	600	440
-		Cây xăng Hòa Quang Nam	Cầu Bà Bông	1.600	1.120	800	560
-		Cầu Bà Bông	Đền dốc Hào Hai	880	600	440	320
-		Dốc Hào Hai	Giáp ranh kênh N1	800	520	340	200
2	Đường ĐH 22B						
-		Đường ĐH 22 đi Bàu Trông	Giáp ranh xã Hòa Quang Nam cũ	480	320	200	140
-		Đoạn giáp ranh xã Hòa Quang Bắc cũ và xã Hòa Định Đông cũ		800	640	520	400
3	Đường ĐH 24 (Trừ dự án khép kín Khu dân cư phía Tây nhà ông Tô Thắng - Phụng Tường 1)	Đường ĐH 22	Ranh giới xã Hòa Thắng cũ	920	640	440	320
4	Đường ĐH 25	Ranh giới Hòa Định Đông cũ	Ranh giới xã Hòa Quang Bắc cũ	1.120	880	720	560
5	Đường ĐH 25B						
-		Xã lộ 22	Cầu Voi núi Miếu	600	440	320	240
-		Cầu Voi núi Miếu	Ranh giới kênh N1	600	440	320	240
6	Đường ĐH 26	Đường ĐH 22	Dọc Kênh N1	760	520	320	220
7	Đường ĐH 28						
-		Giáp ranh xã Hòa Quang Nam cũ	Đường ĐH 26	600	400	280	200
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Trị cũ	640	440	320	220
8	Đường ĐH 29						
-		Ranh giới xã Hòa Định Đông cũ	Giáp xã Hòa Quang Bắc cũ	560	400	260	160
-		Ranh giới xã Hòa Quang Bắc cũ	Giáp xã Hòa Kiến cũ	600	400	280	200
-		Ranh giới xã Hòa Quang Nam cũ	Giáp xã Hòa Trị cũ	600	440	320	240
9	Khu dân cư thôn Phụng Tường 1						
-		Đường ĐH 24: Đoạn qua Khu dân cư thôn Phụng Tường 1		1.800			
-		Đường số 1					
+		Đoạn bề rộng 9m		1.520			
+		Đoạn bề rộng 5m		1.040			
-		Đường số 2 và đường số 3 rộng 9m		1.520			
10	Dự án khép kín Khu dân cư phía Tây nhà ông Tô Thắng - Phụng Tường 1						
-		Đường ĐH 24: Đoạn qua khu dân cư		3.200			

-	Đường nội bộ rộng 7,5m			2.000			
11	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên						
-	Trục đường chính						
+	Đoạn từ Kênh N1 đến cầu Suối Mốc			600	360	240	140
+	Đoạn từ cầu Suối Mốc đến Hồ Lỗ Chài 1			400	280	200	140
-	Đường D2, D4			480			
-	Đường N2, N5, N6, N7, N10 (rộng 11,5m)			400			
-	Đường N4			400			
12	Đường nội bộ trong Khu tái định cư thuộc Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên						
-	Đường số 3; đường số 4; đường số 5 rộng 6m			360			
13	Khép kín khu dân cư Chu Me - Hạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc			3.160			
14	Đường kết nghĩa xã Hòa Quang Nam						
-		Ngã ba nhà 5 Hiệu	Kênh N3	640	440	280	200
-		Kênh N3	Ngã ba cầu Phú Thạnh	800	640	520	400
-		Cầu Phú Thạnh	Tổ hợp tác Sơn Phú	400	240	200	120
15	Khép kín khu dân cư ngã tư ĐH 25 đường liên xã đến chợ Quang Hưng	Ngã tư Đh 25 đường liên xã	Chợ Quang Hưng	2.400			
16	Khu tái định cư xã Hòa Trị (Thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đoạn thuộc địa phận huyện Phú Hòa thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)						
-	Đường nội bộ rộng 16m			560			
-	Đường nội bộ rộng 11m			480			
A86	XÃ TÂY HÒA						
1	Quốc lộ 29						
-		Ga Gò Mắm	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	880	520
-		Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Vòng xuyên Cầu Dinh Ông (Đoạn từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp ranh xã Hòa Phong cũ)	1.440	960	580	340
-		Vòng xuyên Cầu Dinh Ông	Hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang (Đoạn từ Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang cũ)	960	600	440	200
-		Chùa Mỹ Quang	Giáp ranh xã Sơn Thành (Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú cũ)	680	460	260	160
-		Cầu Gò Mắm mới	Giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	2.160	1.280	800	500
-		Giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	Cầu Tạ Bích	1.200	720	460	280
-		Cầu Tạ Bích	Giáp đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	1.040	640	440	260

-		Đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	Giáp ranh phường Đông Hòa (Đoạn từ đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông, thị xã Đông Hòa cũ)	720	480	300	180
-		Ga Gò Mắm cũ	Giáp Quốc lộ 29 mới	1.280	800		
2	Đường ĐT 645						
-		Cao tốc Bắc - Nam	Cầu Bà Kế	1.000	600	440	280
-		Cầu Bà Kế	Công chào thôn Phước Mỹ Tây	880	560	400	220
-		Ga Gò Mắm	Công chào thôn Phước Mỹ Tây (Đoạn từ Ga Gò Mắm đến Nhà ông Trọng cũ)	1.440	960	580	340
3	Đường dọc theo bờ kênh Nam						
-		Ga Gò Mắm	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (Đoạn từ ga Gò Mắm đến công viên hóa khu phố Mỹ Lệ Tây và Đoạn từ khu phố Mỹ Lệ Tây đến trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Gộp đoạn)	1.320			
-		Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Vòng xuyên Cầu Dinh Ông (Đoạn từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp xã Hòa Phong cũ)	1.040			
-		Vòng xuyên cầu Dinh Ông	Chùa Mỹ Quang (Đoạn từ giáp ranh thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 và Đoạn từ Cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang - Gộp đoạn)	360	300		
-		Chùa Mỹ Quang	Giáp ranh xã Sơn Thành (Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú cũ)	320	260		
4	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh						
-		Cầu Phú Thứ	Vũng Trăng	2.880	1.720	1.020	640
-		Vũng Trăng	Giáp ranh xã Hòa Thịnh (Đoạn từ Vũng Trăng đến giáp ranh xã Hòa Đông cũ)	1.920	1.160	700	440
5	Đường liên thôn						
-		Buru điện	Nhà ông Trương Công Bình	1.000	680	400	240
-		Nhà ông Trương Công Bình	NVH thôn Mỹ Lệ Tây	800	480	340	240
-		NVH thôn Mỹ Lệ Tây	Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây (Đoạn từ NVH khu phố Mỹ Lệ Tây đến giáp xã Hòa Bình 1 cũ)	780	480	300	240
6	Đường NB2 Phú Thứ (Đường nội thị trung tâm thị trấn Phú Thứ cũ)			2.880	2.160	1.440	960
7	Đường từ cầu Ông Cừ đến chùa Phước Hưng	Cầu Ông Cừ	Chùa Phước Hưng	560	320	240	160
8	Đường từ cây xăng đến trường tiểu học điểm Phước Thịnh	Cây xăng	Trường tiểu học điểm Phước Thịnh	560	320	240	160
9	Đường từ chợ Phú Thứ đến nhà ông Dương Lặc	Chợ Phú Thứ	Nhà ông Dương Lặc	640	360	280	200
10	Đường từ ĐT 645 đến nhà ông Lê Văn Mãn	ĐT 645	Nhà ông Lê Văn Mãn	560	320	240	160

11	Đường từ QL 29 đến nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây (Đường từ ĐT 645 đến Trường tiểu học điểm Phước Mỹ Tây cũ)	QL 29	Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây	560	320	240	160
12	Đường từ QL 29 đến nhà Võ Thị Trang Lệ	QL 29	Nhà Võ Thị Trang Lệ	560	320	240	160
13	Đường từ QL 29 đến cầu Tám Trâu	QL 29	Cầu Tám Trâu	600	360	240	180
14	Đường từ NB2 phú thứ đến nhà nghỉ Thảo Mơ	NB2 Phú Thứ	Nhà nghỉ Thảo Mơ	560	320	220	160
15	Đường từ Trung tâm GDNN-GDTX huyện đến chùa Phước Quang	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	Chùa Phước Quang	560	320	240	160
16	Đường từ trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai đến nhà bà Giới	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Nhà bà Giới	560	320	240	160
17	Đường đoạn từ phía Nam chợ Phú Thứ đến cầu Trường tiểu học thôn Phú Khánh	Phía Nam chợ Phú Thứ	Cầu Trường tiểu học thôn Phú Khánh	560	320	240	160
18	Khu Tái định cư Phú Thứ (Khu Tái định cư thị trấn Phú Thứ cũ)						
-	Đường số 4; Đường số 9 (N6), Đường số 7, Đường số 1; Đường số 3, Đường số 8, Đường số 12, Đường số 14			800			
-	Đường số 16 (NB2-1); Đường số 6 (NB2-2)			1.000			
-	Đường số 10; Đường số 5; Đường ĐT 1-2			1.200			
19	Khu dân cư: Đoạn từ Siêu thị Hiệp Hòa Bình đến phía Tây Trung tâm GDNN-GDTX huyện						
-	Đường D1, D2, N2			3.280			
-	Đường N3 (đường gom)			3.840			
-	Đường N1, D3			4.000			
20	Tuyến đường từ đường ĐT 645 đến Trường THCS Nguyễn Anh Hào	Đường ĐT 645	Trường THCS Nguyễn Anh Hào	560	420	260	160
21	Đường từ ĐT645 (cổng chào thôn Nông Nghiệp) đến cầu Cảnh Phước, phường Đông Hòa	Đường ĐT645 (cổng chào thôn Nông Nghiệp)	Cầu Cảnh Phước, phường Đông Hòa	440	320	200	120
22	Đường từ cầu Chân Tình (ĐT 645) đến Cầu Tạ Bích (QL 29)	Cầu Chân Tình (ĐT 645)	Cầu Tạ Bích (QL 29)	440	320	200	120
23	Đường nội bộ Khu tái định cư phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường rộng 12m		510			
24	Đường từ Cổng chào thôn Lạc Nghiệp đến nhà ông Ngô Thanh Việt	Cổng chào thôn Lạc Nghiệp	Nhà ông Ngô Thanh Việt	440	320	240	120
25	Đường từ Cổng chào thôn Phước Mỹ đến nhà ông Lê Trọng Mẫn	Cổng chào thôn Phước Mỹ	Nhà ông Lê Trọng Mẫn	520	320	240	120
26	Đường đoạn từ Cổng chào thôn Phước Nông đến nhà ông Nguyễn Văn Giảng	Cổng chào thôn Phước Nông	Nhà ông Nguyễn Văn Giảng	440	320	240	120
27	Đường từ QL ĐT 645 (tiệm tóc Vũ) đến nhà ông Đặng Văn Minh	QL ĐT 645 (tiệm tóc Vũ)	Nhà ông Đặng Văn Minh (Đường từ ĐT 645 (tiệm tóc Vũ) đến nhà ông Đoàn Xuân Hải cũ)	440	280	200	120

28	Đường từ QL ĐT 645 (nhà bà Nguyễn Thị Thạnh) đến chợ cây Vãn (nhà ông Phạm Tấn Cường)	QL ĐT 645 (nhà bà Nguyễn Thị Thạnh)	Chợ cây Vãn (nhà ông Phạm Tấn Cường)	440	280	200	120
29	Đường liên thôn						
-		Nhà ông Lê Cai thôn Phước Mỹ Tây	Nhà ông Nguyễn Trọng Thiện thôn Phước Mỹ (Đoạn từ Trường Tiểu học (Điểm trường Phước Mỹ) đến nhà ông Nguyễn Trọng Thiện cũ)	400	320	240	120
-		Nhà ông Lê Xếp (thôn Phước Mỹ)	Chợ cây Vãn (nhà ông Phạm Tấn Cường thôn Lạc Nghiệp)	260	200	120	80
30	Đường Cầu Ga đi xã Hòa Thịnh theo Kênh N6 (Đường Cầu Ga đi xã Hòa Đông theo Kênh N6 cũ)						
-		Cầu Ga	Cầu ông Ba Thu	280	160	100	60
-		Cầu ông Ba Thu	Giáp xã Hòa Thịnh	240	200	110	70
31	Đường từ cầu Dinh Ông đến giáp Quốc lộ 29 (tại vòng xuyên)	Cầu Dinh Ông	Giáp Quốc lộ 29 (tại vòng xuyên)	960	600	440	200
32	Đường từ Nghĩa Trang đi xã Hòa Mỹ theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Tây Hòa - Hòa Mỹ (Đường từ Nghĩa Trang huyện đi xã Hòa Mỹ Đông theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Hòa Phong - Phú Nhiêu cũ)	Nghĩa Trang đi xã Hòa Mỹ theo Kênh N4	Giáp đường liên xã Tây Hòa - Hòa Mỹ	240	200	120	60
33	Đường liên xã Tây Hòa - Hòa Mỹ (ĐH 82) (Đường liên xã Hòa Phong - Phú Nhiêu (Hòa Mỹ Đông) (ĐH 82) cũ)						
-		Cổng chào thôn Mỹ Thạnh Trung 1	Nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh Trung 2	360	220	120	80
-		Đoạn còn lại		280	160	100	60
34	Đường từ Bưu điện xã đến nhà ông Đào Rọi	Bưu điện xã	Nhà ông Đào Rọi	440	280	200	160
35	Đường từ chợ Mỹ Thạnh Đông đến nhà ông Trần Trí Phúc						
-		Chợ Mỹ Thạnh Đông	Ngã tư nhà ông Trần Trọng Hợp	440	280	200	160
-		Ngã tư nhà ông Trần Trọng Hợp	Nhà ông Trần Trí Phúc	280	160	100	60
36	Đường từ cổng chào thôn Mỹ Thạnh Đông 2 đến Cầu Xéo	Cổng chào thôn Mỹ Thạnh Đông 2	Cầu Xéo	280	160	100	60
37	Đường từ nhà ông Võ Thành Lâm đến thửa đất ông Khước	Nhà ông Võ Thành Lâm	Thửa đất ông Khước	220	130	80	40
38	Đường từ nhà ông Lương Trọng Quang đến ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Bửu	Nhà ông Lương Trọng Quang	Ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Bửu	220	130	80	40
39	Đường từ giáp ranh xã Sơn Thành đến nhà bà Ngô Thị Diễm (đoạn kênh mương mới Tân Mỹ) (Đường từ giáp ranh xã Hòa Phú đến nhà bà Ngô Thị Diễm (đoạn kênh mương mới Tân Mỹ) cũ)	Giáp ranh xã Sơn Thành	Nhà bà Ngô Thị Diễm	280	160	100	60
40	Đường ĐH73						
-		Cầu Tạ Bích	Ngã ba đi Hóc Rằm - làng Tân Định	800	600	400	320

-		Ngã ba đi Hóc Răm – làng Tân Định	Giáp ranh xã Hòa Thịnh	520	360	260	160
41	Đường ĐH74	Ga Gò Mắm cũ	Cầu Suối (<i>Giáp ranh xã Hòa Thịnh</i>)				
-		Ga Gò Mắm cũ	Ngã tư cầu trường tiểu học thôn Phú Khánh	800	600	400	320
-		Ngã tư cầu trường tiểu học thôn Phú Khánh	Cầu Suối (<i>Giáp ranh xã Hòa Thịnh</i>)	400	320	240	160
42	Đường bờ kênh N1	<i>Cổng (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng)</i>	Giáp ranh phường Đông Hòa (<i>Đoạn từ cổng (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng) đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông cũ</i>)	360	260	160	80
43	Đường xã	Cầu Trường Phú Khánh	Giáp ranh phường Đông Hòa (<i>Đoạn từ cầu Trường Phú Khánh đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông cũ</i>)	320	220	130	60
44	Đường từ QL 29 Trường THCS Phạm Đình Quy đến nhà ông Võ Đắc Lễ thôn Phú Khánh	QL 29 Trường THCS Phạm Đình Quy	Nhà ông Võ Đắc Lễ thôn Phú Khánh	720	560	400	320
45	Đường từ QL 29 (nhà bà Nguyễn Thị Lụa) đến Sân vận động thôn Phú Khánh	QL 29 (<i>nhà bà Nguyễn Thị Lụa</i>)	Sân vận động thôn Phú Khánh	560	520	400	300
46	Đường từ QL 29 nhà ông Võ Yêm (thôn Xuân Thạnh 1) đến HTXNN KD DV Hòa Tân Tây	QL 29 nhà ông Võ Yêm (<i>thôn Xuân Thạnh 1</i>)	HTXNN KD DV Hòa Tân Tây	400	320	280	220
47	Đường từ Cổng chào thôn Xuân Thạnh 1 đến nhà ông Đào Thịnh (thôn Hội Cư)	Cổng chào thôn Xuân Thạnh 1	Nhà ông Đào Thịnh (<i>thôn Hội Cư</i>)	380	320	280	220
48	Đường từ QL 29 (nhà ông Ngô Xuân Bạ) đến nhà ông Nguyễn Sừng giáp phường Đông Hòa	QL 29 (<i>nhà ông Ngô Xuân Bạ</i>)	Nhà ông Nguyễn Sừng giáp phường Đông Hòa	360	320	280	220
49	Đường từ nhà bà Bùi Thị Hương (thôn Xuân Thạnh 1) đến nhà ông Nguyễn Thanh giáp phường Đông Hòa	Nhà bà Bùi Thị Hương (<i>thôn Xuân Thạnh 1</i>)	Nhà ông Nguyễn Thanh giáp phường Đông Hòa	440	400	320	280
50	Đường từ nhà ông Trần Ngọc Thiện thôn Phú Khánh đến nhà bà Nguyễn Thị Diễm thôn Xuân Thạnh 2	Nhà ông Trần Ngọc Thiện thôn Phú Khánh	Nhà bà Nguyễn Thị Diễm thôn Xuân Thạnh 2	520	440	320	300
51	Đường nội bộ KDC phía Nam nhà ông Dương thôn Xuân Thạnh 2						
-	Đường rộng 9m			2.000			
A87	XÃ HÒA THỊNH						
1	Đường ĐH 74						
-		Nhà ông 9 Ôm	Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	240	140	80	40
-		Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	Cầu Suối	190	110	60	30
2	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (ĐH 75)						
-		Ranh giới thị trấn Phú Thứ	Ngã ba Phú Diễm	1.470	920	550	340
-		Ngã ba Phú Diễm	Trường THCS Nguyễn Thị Định	1.680	1.050	670	420
-		Trường THCS Nguyễn Thị Định	Ranh giới xã Hòa Mỹ (<i>Đoạn từ Trường THCS Nguyễn Thị Định đến ranh giới xã Hòa Mỹ Đông cũ</i>)	1.280	760	520	320

-		Cầu Bến Cùi (cũ)	Nhà ông Chính	480	280	160	80
-		Nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa	Nhà ông Thuốt thôn Mỹ Xuân 2	560	360	200	120
-		Nhà ông Thuốt thôn Mỹ Xuân 2	Chân đập hồ chứa nước Mỹ Lâm (<i>trạm Kiểm Lâm cũ</i>)	440	240	120	80
3	Đường từ ngã ba UBND xã đến cầu Dầu xã 10	Ngã ba UBND xã	Cầu Dầu xã 10	1.090	630	420	250
4	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến cầu nhà Bà Hân thôn Phú Diễn Trong	Cầu Dầu xã 10	Cầu nhà Bà Hân thôn Phú Diễn Trong	200	120	70	30
5	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến nhà ông 8 Nhơn (ĐH 81)	Cầu Dầu xã 10	Nhà ông 8 Nhơn (ĐH 81)	340	210	120	70
6	Đường từ cầu Dầu xã 10 đến nhà ông 8 Phú	Cầu Dầu xã 10	Nhà ông 8 Phú	300	180	120	70
7	Đường từ nhà ông 8 Phú đến giáp xã Tây Hoà	Nhà ông 8 Phú	Giáp xã Tây Hoà	240	140	80	50
8	Đường từ nhà ông 8 Nhơn đến nhà ông Lê Hồng (<i>Đường từ nhà ông 8 Nhơn đến nhà ông 4 Nhơn</i>)						
-		Nhà ông 8 Nhơn	Trường mầm non Tân Lập	160	120	80	50
-		Trường mầm non Tân Lập	Chợ Bầu Ngang	120	100	70	40
-		Chợ Bầu Ngang	Nhà ông Lê Hồng	100	80	60	40
9	Đường từ nhà ông Cóm đến nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	Nhà ông Cóm	Nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	240	140	100	60
10	Đường từ nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài đến nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	Nhà ông Định thôn Mỹ Thuận Ngoài	Nhà ông Thụ thôn Phú Mỹ	220	140	80	40
11	Đường từ nhà ông Hồ tới giáp ranh xã Tây Hoà (<i>Đường từ nhà ông Hồ tới giáp ranh xã Hòa Phong cũ</i>)						
-		Nhà ông Hồ	Nhà ông Hà Minh Hải thôn Vinh Ba (<i>Đoạn từ nhà ông Hồ đến giáp đường NB2 nối dài (Đoạn từ nhà ông Hồ đến giáp NB2 cũ)</i>)	440	260	160	100
-		Nhà ông Hà Minh Hải thôn Vinh Ba	Nhà văn hoá thôn Vinh Ba (<i>Đoạn từ NB2 nối dài đến NVH thôn Vinh Ba (Đoạn từ NB2 đến NVH thôn Vinh Ba cũ)</i>)	280	180	120	60
-		NVH thôn Vinh Ba	Giáp ranh xã Tây Hoà (<i>Đoạn từ NVH thôn Vinh Ba đến giáp ranh xã Hòa Phong cũ</i>)	260	160	100	60
12	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Lượng đến nhà bà Lê Thị Thừa	Nhà ông Nguyễn Văn Lượng	Nhà bà Lê Thị Thừa	160	120	90	40
13	Đường từ Trường Mầm non Tân Lập đến nhà ông Lê Hai	Trường Mầm non Tân Lập	Nhà ông Lê Hai	140	100	60	40
14	Đường từ ranh giới xã Hoà Mỹ đến nhà ông Đỗ Phụng Tài thôn Phú Diễn Trong (đọc Kênh N6-1)						
-		Ranh giới xã Hoà Mỹ	Nhà ông Phan Thanh Liêm thôn Phú Diễn Trong	120	100	70	50
-		Nhà ông Phan Thanh Liêm thôn Phú Diễn Trong	Nhà ông Nguyễn Kim Anh thôn Phú Diễn Trong	90	70	50	40

15	Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ) (Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ Đổng cũ))						
-		Trường tiểu học Hòa Thịnh	Giáp ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh	240	160	80	40
-		Ngã 3 đường Mỹ Cảnh	Nhà văn hóa thôn Cảnh Tịnh	200	160	120	80
-		Nhà văn hóa thôn Cảnh Tịnh	Giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ)	160	120	80	40
-		Ngã 3 đường Mỹ Cảnh - Cảnh Tịnh	Trại ông Nguyễn Thành Sự đến giáp thôn Lạc Chi (Hòa Mỹ)	180	140	100	60
16	Đường từ nhà ông Đoàn Xuân Thông (tờ bản đồ 31; thửa số 118) đến giáp nhà ông Võ Văn Viên	Nhà ông Đoàn Xuân Thông (tờ bản đồ 31; thửa số 118)	Giáp nhà ông Võ Văn Viên	160	120	80	40
17	Đường từ ngã 3 Nhà văn hóa Cảnh Tịnh đến giáp đường Liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh	Ngã 3 Nhà văn hóa Cảnh Tịnh	Giáp đường Liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh	280	200	140	80
18	Đường từ giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (Nhà Phú Tiếp) đến Suối Lạnh						
-		Giao đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh (Nhà Phú Tiếp)	Nhà ông Nguyễn Văn Hùng	280	160	80	40
-		Nhà ông Nguyễn Văn Hùng thôn Mỹ Điện	Suối Lạnh	160	100	60	40
19	Đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điện đi Hòn Một, xã Tây Hoà (Đường từ ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điện đi Hòn Một, xã Hòa Tân Tây cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Linh, thôn Mỹ Điện	Đi Hòn Một, xã Tây Hoà	160	120	80	40
20	Đường từ Cổng chào Phú Hữu tới ngã tư đường vô nhà bà Trần Thị Thảo						
-		Cổng chào Phú Hữu	Nhà văn hoá thôn Phú Hữu	240	140	100	80
-		Nhà văn hoá thôn Phú Hữu	Nhà ông Nguyễn Căn từ 14 thửa 236	160	120	80	40
-		Nhà ông Nguyễn Căn	Ngã tư đường vô nhà bà Trần Thị Thảo từ 16 thửa 147	120	80	40	30
21	Đường từ sau nhà Tạ Lưu Tra (ĐH 75) đến nhà ông Nguyễn Văn Tám (tờ 11 thửa 449)						
-		Sau nhà Tạ Lưu Tra	Nhà ông Nguyễn Văn Tuất từ 14 thửa 480	160	120	80	40
-		Nhà Nguyễn Văn Tuất	Nhà ông Nguyễn Văn Tám Từ 11, thửa 449	120	80	40	30
22	Đường từ sau nhà ông Chính đến ngã tư nhà ông Võ Văn Thành (tờ 19; thửa 02) (Đường từ sau nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa đến nhà Nguyễn Chí Kham (tờ 19 thửa 310) cũ)	Sau nhà ông Chính	Ngã tư nhà ông Võ Văn Thành (tờ 19; thửa 02)	160	120	80	40
23	Đường từ sau nhà ông Phan Nhất Báo đến nhà ông Phạm Văn Trung tờ bản đồ 13 thửa 925 (Đường từ sau nhà ông Phan Nhất Báo đến nhà Đặng Trần Điện tờ 13 thửa 1017 cũ)	Sau nhà ông Phan Nhất Báo	Nhà ông Phạm Văn Trung tờ bản đồ 13 thửa 925	200	160	120	60
24	Đường từ bưu điện đến nhà ông Văn Ngọc Minh tờ 19 thửa 589 (Đường từ bưu điện đến nhà Nguyễn Xuân Vinh tờ 19 thửa 94 cũ)	Bưu điện	Nhà ông Văn Ngọc Minh tờ 19 thửa 589	220	120	80	40

25	Đường từ Nhà văn hóa thôn Mỹ Xuân 2 đến nhà ông Võ Trọng Hoàng (tờ 25; thửa số 184)	Nhà văn hóa thôn Mỹ Xuân 2	Nhà ông Võ Trọng Hoàng (tờ 25; thửa số 184)	200	160	120	60
26	Đường từ Sau nhà ông Hồ Văn Duy đến nhà bà Trần Thị Gừng (tờ 25; thửa số 576)	Sau nhà ông Hồ Văn Duy	Nhà bà Trần Thị Gừng (tờ 25; thửa số 576)	160	120	80	40
27	Đường từ sau nhà ông Nguyễn Bửu đến nhà bà Nguyễn Thị Sự (tờ 32; thửa số 55)	Sau nhà ông Nguyễn Bửu	Nhà bà Nguyễn Thị Sự (tờ 32; thửa số 55)	200	160	120	60
28	Khu đầu giá Khép kín điểm dân cư xã Hòa Thịnh			760			
A88	XÃ HÒA MỸ						
1	Đường liên xã Phú Thuận – Mỹ Thành						
-		Cầu Đúc	Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	1.260	760	460	250
-		Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	Ngã ba thôn Xuân Mỹ	760	460	250	170
-		Ngã ba thôn Xuân Mỹ	Giáp xã Hòa Mỹ Tây	460	250	170	80
-		Ranh giới xã Hòa Mỹ Đông	Nhà ông Nguyễn Hích	550	320	190	80
-		Nhà ông Nguyễn Hích	Cầu Bàu Sen	380	240	140	100
-		Cầu Bàu Sen	Nhà văn hóa thôn Ngọc Lâm 2	340	240	140	100
-		Nhà văn hóa thôn Ngọc Lâm 2	Cầu Bến Nhiều	310	190	110	100
-		Đoạn từ cầu Bến Nhiều	Bến Mít	240	140	100	50
-		Ngã 3 bến Mít	Nhà ông Trần Quang Hiếu (ST)	220	140	100	50
-		Nhà ông Trần Quang Hiếu	Thủy điện đá đen	180	130	100	50
2	Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh						
-		Ngã ba Vườn Thị	Trụ sở thôn Xuân Mỹ	400	280	160	120
-		Trụ sở thôn Xuân Mỹ	Cầu Bến Trâu	320	160	120	80
-		Cầu Bến Trâu	Nhà tránh lũ thôn Lạc Chi	240	160	80	40
-		Nhà tránh lũ thôn Lạc Chi	Giáp thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh	160	120	80	40
3	Đường Xếp Thông – Núi Lá (giai đoạn 1) đi Hòa Phú						
-		UBND xã	Cầu Khui	380	290	140	100
-		Cầu Khui	Giáp ranh xã Hòa Phú	340	240	140	100
4	Đường Xếp thông-Núi lá (giai đoạn 2)	Ngã ba Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	Trường UNECEP (cũ)	520	320	200	120
5	Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiều			560	320	200	120
6	Đường liên xã Phú Thứ - Hòa Thịnh						
-		Ranh giới xã Hòa Đông	Giáp nhà ông Trương Trọng Hải	1.200	720	440	240
-		Nhà ông Trương Trọng Hải	Giáp xã Hòa Thịnh	800	480	280	160
7	Đường liên xã Phú Nhiều – Hòa Phong						
-		Nhà ông Nguyễn Ngọc Minh	Nhà văn hoá thôn Vạn Lộc	460	250	170	80
-		Nhà văn hoá thôn Vạn Lộc	Giáp xã Hòa Phong	460	250	170	80
8	Đường bờ kênh N2 - phía Bắc kênh	Nhà Bà Nguyễn Thị Bích	Nhà Bà Ngô Thị Khang	1.000	520	320	200
9	Đường bờ kênh N4			280	200	120	80

10	Đường từ nhà ông Trương Trọng Hải (Phú Thuận) đến trường THCS Phạm Văn Đồng	Nhà ông Trương Trọng Hải (Phú Thuận)	Trường THCS Phạm Văn Đồng	320	200	100	60
11	Đường từ Ga Hòn Sặc đến giáp xã Hòa Mỹ Đông						
-		Ga Hòn Sặc	Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	340	190	140	100
-		Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	Giáp xã Hòa Mỹ Đông cũ	380	240	140	100
12	Đường từ Cầu khui đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông (bờ kênh N222)			240	150	120	60
13	Đường liên xã Hòa Mỹ Tây-Sơn Thành Đông						
-		Bến Mít	Nhà ông Nguyễn Đăng Dũng	180	110	90	50
-		Nhà ông Nguyễn Đăng Dũng	Giáp ranh xã Sơn Thành Đông cũ	150	90	70	40
14	Đường từ trường mầm non (đội 5 cũ) đến giáp kênh N222	Trường mầm non (đội 5 cũ)	Giáp kênh N222	230	150	120	60
15	Đường từ ngã 3 nhà dù đến nhà ông Phạm Long Hải	Ngã 3 nhà dù	Nhà ông Phạm Long Hải	230	150	120	60
16	Đường từ nhà ông Cao Văn A đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông	Nhà ông Cao Văn A	Giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông	170	120	90	60
17	Đường dọc Kênh N22 đến Kho ông Trần Ngọc Dân		Kho ông Trần Ngọc Dân				
-		Ngã 3 Bùng Bình	Chùa Hương Tích	150	90	50	40
-		Chùa hương tích	Kho ông Trần Ngọc Dân	160	120	70	50
18	Khep kín khu dân cư nông thôn tại thôn Thạnh Phú nay (thôn Thạnh Phú Đông)						
-	Đường D1			670			
-	Đường N1			670			
-	Tiếp giáp đường quy hoạch N1 và đường rộng 6m			740			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường quy hoạch rộng 6m và đường N2 rộng 3m			740			
A89	XÃ SƠN THÀNH						
1	Quốc lộ 29						
-		Ranh giới xã Tây Hòa	Nhà Ông Đặng Toàn Phong	670	450	340	280
-		Nhà Ông Đặng Toàn Phong	Trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bản	1.010	620	390	220
-		Trường Phạm Văn Đồng thôn Thạch Bản	Cầu Lạc Mỹ	840	560	340	220
-		Cầu Lạc Mỹ	Công Hòa Bình thôn Phú Thịnh (Đoạn từ cầu Lạc Mỹ đến giáp xã Sơn Thành Đông và Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Phú đến công Hòa Bình thôn Phú Thịnh - Gộp đoạn)	1.340	900	620	390
-		Công Hòa Bình	Xưởng cưa Thành Sơn	1.850	1.230	620	390
-		Xưởng cưa Thành Sơn	Đường vào Hồ Đồng Tròn thôn Mỹ Bình (Đoạn từ Xưởng cưa Thành Sơn đến giáp xã Sơn Thành Tây cũ)	1.230	780	500	340

-		Đường vào Hồ Đồng Tròn thôn Mỹ Bình	Cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành (Đoạn từ giáp xã Sơn Thành Đông đến cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành cũ)	1.180	620	500	280
-		Cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành	Đường vào Nghĩa trang xã	780	450	280	170
-		Đường vào Nghĩa trang xã	Chân dốc Dáng Hương	840	620	340	170
-		Chân dốc Dáng Hương	Giáp xã Đức Bình, tỉnh Đắk Lắk (Đoạn từ chân dốc Dáng Hương đến giáp xã Sơn Giang huyện Sóng Hinh cũ)	620	340	170	140
2	Đường cầu Xếp Thông đến giáp ranh thôn Mỹ Phú, xã Hòa Mỹ (Đường cầu Xếp Thông đi Núi Lá Hòa Mỹ Tây cũ)			390	220	170	140
3	Đường dọc bờ Kênh Nam Đồng Cam			340	280	200	140
4	Khép kín khu dân cư nông thôn tại: Khu vực gần quán Bảy Toàn (thôn Liên Thạch); khu từ nhà ông Hồ đến nhà ông Hùng (thôn Thạch Bàn); khu đất dọc kè (thôn Thạch Bàn); khu mới trước mặt nhà ông Bằng (thôn Thạch Bàn) (đấu giá)						
-	Tiếp giáp đường bê tông rộng 3,5m			1.330			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường bê tông rộng 3,5m			1.460			
-	Tiếp giáp 01 mặt đường bê tông rộng 3,5m và khu quy hoạch hoa viên cây xanh			1.460			
-	Tiếp giáp đường bê tông rộng 5,5m			1.460			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường rộng 5,5m			1.610			
-	Tiếp giáp 02 mặt đường rộng 5,5m và khu quy hoạch hoa viên cây xanh			1.610			
5	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lễ Lộc Bình						
-		Quốc lộ 29	Ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lễ Lộc Bình	560	340	170	140
-		Ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lễ Lộc Bình	Hết nhà bà Nguyễn Thị Sang thôn Lễ Lộc Bình	560	340	170	140
-		Nhà ông Huỳnh Tấn Thanh	Giáp nhà ông Nguyễn Hữu Phú thôn Lễ Lộc Bình	450	220	170	140
-		Nhà ông Đặng Thanh Sơn	Giáp nhà ông Dương Văn Quan thôn Lễ Lộc Bình	450	280	170	140
-		Nhà bà Nguyễn Thị Sang	Giáp nhà ông Huỳnh Công Lịnh thôn Lễ Lộc Bình	450	280	170	140
-		Nhà ông Huỳnh Công Lịnh thôn Lễ Lộc Bình	Giáp nhà ông Trần Ngọc Tiến thôn Trường Thành	450	280	170	140
6	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh						
-		Nhà ông Hồ Viết Viết (Quốc lộ 29)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Phú Thịnh	560	340	170	140
-		Nhà Văn hóa thôn Phú Thịnh	Giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận	500	280	170	140

-		Nhà Văn hóa thôn Phú Thịnh	Hết nhà ông Võ Đại Hùng	500	280	170	140
-		Nhà bà Đinh Thị Phương	Giáp nhà ông Nguyễn Đê.	450	220	170	140
-		Nhà ông Nguyễn Hiến	Hết thửa đất bà Trần Thị Liên.	450	220	170	140
-		Nhà ông Lê Trọng Hiếu	Nhà bà Nguyễn Thị Hoàng Thơ	390	220	170	140
-		Nhà ông Đinh Tấn Thành	Nhà bà Lê Thị Yên,	390	220	170	140
-		Nhà ông Vương Trọng Mười	Nhà ông Đào Tấn Hữu	390	220	170	140
-		Nhà ông Lương Văn Tỏa	Nhà ông Nguyễn Văn Thông	340	220	170	140
-		Nhà ông Phạm Trung	Nhà ông Võ Đại Dũng	500	280	170	140
7	Đường từ Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng công thôn Lê Lộc Bình (Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ)	Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu)	Giếng công thôn Lê Lộc Bình	560	340	170	140
8	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng						
-		Quốc lộ 29	Ngã ba nhà Thiệu Văn Nửa thôn Bình Thắng	560	340	170	140
-		Ngã ba nhà Thiệu Văn Nửa thôn Bình Thắng	Hết nhà ông Trần Ngọc Quý thôn Bình Thắng	390	220	170	140
9	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Huỳnh Văn thôn Bình Thắng						
-		Quốc lộ 29	Nhà ông Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	560	340	170	140
-		Nhà ông Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	Hết nhà ông Huỳnh Văn thôn Bình Thắng	560	340	170	140
10	Đường đoạn từ Quốc lộ 29 đến giáp đường 5 thôn Trường Thành						
-		Quốc lộ 29	Ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	560	340	170	140
-		Ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	Giáp đường 5 thôn Trường Thành	500	280	170	140
11	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà bà Đỗ Thị Phương) đến giáp đường 5 (nhà ông Nguyễn Thành Sơn) thôn Trường Thành						
-		Quốc lộ 29 (nhà bà Đỗ Thị Phương)	Hết nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	560	450	220	170
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thọ	390	280	170	140
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Lê Kim Tân thôn Lạc Điền	390	280	170	140
-		Nhà bà Nguyễn Thị Mùi thôn Bình Thắng	Giáp đường 5 nhà ông Nguyễn Thành Sơn thôn Trường Thành	390	280	170	140
12	Đường từ nhà bà Lê Thị Loan (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận thôn Lạc Điền	Nhà bà Lê Thị Loan (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Văn Thuận thôn Lạc Điền	670	450	220	170
13	Đường từ nhà ông Trương Minh Đức (Quốc lộ 29) thôn Lạc Điền đến hết nhà ông Nguyễn Mạnh Hùng	Nhà ông Trương Minh Đức (Quốc lộ 29) thôn Lạc Điền	Hết nhà ông Nguyễn Mạnh Hùng	670	450	220	170

14	Đường từ nhà ông Trần Thái Bang (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng đến giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thiết thôn Bình Thắng	Nhà ông Trần Thái Bang (Quốc lộ 29) thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thiết thôn Bình Thắng	670	450	220	170
15	Đường từ nhà ông Võ Văn Hiền (Quốc lộ 29) đến hết thửa đất ông Huỳnh Hà Nam thôn Lạc Điền	Nhà ông Võ Văn Hiền (Quốc lộ 29)	Hết thửa đất ông Huỳnh Hà Nam thôn Lạc Điền	670	450	220	170
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Kiệt (Quốc lộ 29) đến hết nhà bà Hồ Thị Thành thôn Phú Thịnh	Nhà ông Nguyễn Văn Kiệt (Quốc lộ 29)	Hết nhà bà Hồ Thị Thành thôn Phú Thịnh	670	340	170	140
17	Đường từ nhà ông Trần Công Kính (Quốc lộ 29) đến hết nhà ông Võ Đình Long thôn Phú Thịnh	Nhà ông Trần Công Kính (Quốc lộ 29)	Hết nhà ông Võ Đình Long thôn Phú Thịnh	670	340	170	140
18	Đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Huỳnh Văn An) thôn Mỹ Bình đến hết nhà ông Bùi Văn Được						
-		Quốc lộ 29 (nhà ông Huỳnh Văn An) thôn Mỹ Bình	Hết nhà ông Bùi Xu	450	280	170	140
-		Nhà ông Bùi Xu	Hết nhà ông Bùi Văn Được	390	220	170	140
19	Đường từ Quốc lộ 29 đến giáp HTX Hồ Đồng tròn thôn Mỹ Bình	Quốc lộ 29	Giáp HTX Hồ Đồng tròn thôn Mỹ Bình	560	280	170	140
20	Đường từ Quốc lộ 29 đến hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An						
-		Quốc lộ 29	Nhà Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	560	340	170	140
-		Nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	Hết nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành	450	280	170	140
-		Nhà ông Nguyễn Kỳ Xuất	Hết nhà bà Lê Thị Kim Loan thôn Mỹ Bình	340	280	170	140
-		Nhà bà Phan Thị Thu thôn Mỹ Bình	Giáp nhà ông Nguyễn Thái Hoa thôn Bình Thắng	390	340	170	140
-		Nhà ông Đỗ Đình Bé thôn Bình Thắng	Giáp nhà ông Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	390	340	170	140
-		Nhà ông Đặng Bình thôn Lạc Điền	Giáp trường Mầm Non thôn Trường Thành	390	340	170	140
-		Nhà Bà Châu Thị Lại	Giáp nhà ông Châu Cút thôn Trường Thành	390	280	170	140
-		Nhà ông Lê Văn Trung thôn Trường Thành	Hết nhà ông Nguyễn Đức Hạnh thôn Thành An	340	220	170	140
21	Đường từ Quốc lộ 29 đến ranh giới xã Hòa Mỹ Tây (Đường ĐH 84) (Đường từ Quốc lộ 29 đi Cầu Bền Mút cũ)						
-		Quốc lộ 29	Nhà ông Trương Minh Tài thôn Bình Thắng (Đoạn từ Quốc lộ 29 đến nhà ông Trương Minh Tài cũ)	950	560	280	170
-		Nhà ông Trương Minh Tài	Nhà ông Lê Nhường thôn Bình Thắng (Đoạn từ nhà ông Trương Minh Tài đến nhà ông Lê Nhường cũ)	620	390	220	170
-		Nhà ông Lê Nhường	Ranh giới xã Hòa Mỹ Tây	390	220	170	140

22	Đường từ nhà ông Nguyễn Hữu Phú đến nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền (Đường từ giao Quốc lộ 29 (Nhà ông Lê Trung Thu) đến giếng công thôn Lê Lộc Bình (Đường từ Quốc lộ 29 đến trường tiểu học số 2 thôn Lạc Điền cũ) đến nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền cũ)	Nhà ông Nguyễn Hữu Phú	Nhà bà Nguyễn Thị Điều thôn Lạc Điền	280	220	170	140
23	Đường Trung tâm thôn Thành An						
-		Nhà ông Nguyễn Đức Hạnh	Nhà ông Nguyễn Tự Thanh Xuân	390	220	170	140
-		Nhà ông Nguyễn Đức Hạnh	Nhà ông Phan Duy Thơ	280	220	170	140
24	Khép kín khu dân cư nông thôn khu vực thôn Lê Lộc Bình (đầu giá)			2.660			
25	Đường từ Ngã tư chợ Sơn Thành Tây đến nhà ông Đỗ Xuân Nam, thôn Sơn Thọ	Ngã tư chợ Sơn Thành Tây	Nhà ông Đỗ Xuân Nam, thôn Sơn Thọ	560	340	170	140
26	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hân đến nhà bà Võ Thị Liễu thôn Sơn Trường	Nhà ông Nguyễn Văn Hân	Nhà bà Võ Thị Liễu thôn Sơn Trường	500	280	170	140
27	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Châu đến nhà ông Bùi Văn Vạng thôn Sơn Trường	Nhà ông Nguyễn Văn Châu	Nhà ông Bùi Văn Vạng thôn Sơn Trường	390	220	170	140
28	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh đến nhà bà Huỳnh Thị Gái thôn Sơn Nghiệp	Nhà bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Nhà bà Huỳnh Thị Gái thôn Sơn Nghiệp	340	170	160	140
29	Đường liên thôn Lạc Đạo						
-		Quốc lộ 29	Công chào thôn Lạc Đạo	620	390	280	140
-		Công chào thôn Lạc Đạo	Cầu Măng Sê	500	340	220	140
30	Đường từ nhà ông Huỳnh Ngọc Trí đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ Loan thôn Thân Bình Đông	Nhà ông Huỳnh Ngọc Trí	Nhà bà Nguyễn Thị Mỹ Loan thôn Thân Bình Đông	500	280	170	140
A90	XÃ TUY AN BẮC						
1	Quốc lộ 1						
-		Ranh giới xã An Cư	Giáp cầu Đông Sa	1.560	1.040	680	440
-		Cầu Đông Sa	Điểm giao phía nam cầu vượt	2.400	1.520	920	600
-		Điểm giao phía nam cầu vượt	Chân cầu vượt phía Bắc (đường quốc lộ 1)	1.680	960	720	480
-		Chân cầu vượt phía bắc	Cầu Ngân Sơn	2.720	1.640	1.080	600
-		Phía Bắc cầu Ngân Sơn	Nam cầu Nhân Mỹ	1.800	1.040	600	440
-		Bắc cầu Nhân Mỹ	Trạm thu phí	1.200	680	440	320
-		Trạm thu phí	Giáp ranh phường Xuân Đài (Đoạn từ Trạm thu phí đến giáp ranh TX Sông Cầu cũ)	800	480	280	160
2	Đường ĐT 641						
-		Giáp ranh thị trấn Chí Thạnh cũ	Cổng chân Đèo Thị (Nhà Ông Tiệp) (Đoạn từ đình Đèo Thị đến cổng chân Đèo Thị (Nhà Ông Tiệp) cũ)	370	280	180	120
-		Cổng chân Đèo Thị	Hết công văn hóa Thôn Phong Hậu	460	320	230	140
-		Hết công văn hóa Thôn Phong Hậu	Ranh giới xã Đông Xuân (Đoạn hết công văn hóa Thôn Phong Hậu đến ranh giới huyện Đông Xuân cũ)	370	280	180	120
3	Đường ĐT 650	Cầu Cây Cam	Giáp ranh xã Tuy An Tây (Đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp cũ)	180	140	120	70

4	Châu Kim Huệ						
-		Đường Trần Rịa	Nhà máy xay xát cũ	960	640	480	320
-			Nhà máy xay xát cũ	A20	480	360	200
5	Hải Dương	Quốc lộ 1	Ngã tư đường Lê Thành Phương	2.640	1.720	1.040	680
6	Đường Hòn Đồi đi An Linh cũ	Đường sắt	Cầu Bà Chưa	280	180	140	90
7	Đường Lê Thành Bình (Đường Lê Thành Phương: Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến QL1 cũ)			1.010	710	500	290
8	Lê Thành Phương						
-		QL1	Giếng nông sản	3.200	1.600	1.200	800
-		Giếng nông sản	Giáp ranh xã An Định cũ	1.600	1.080	720	440
9	Lưu Văn Liệu (Đường DH 38: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến giáp xã An Định cũ)						
-		Đầu kè Ngân Sơn giáp Quốc lộ 1	Miếu bà Trang	1.080	720	480	320
-		Miếu bà Trang	Cầu Nhất Trí	180	120	100	80
10	Mậu Thân (Đường DH 33 cũ)						
-		Đường Trần Phú	Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	1.080	720	480	320
-		Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	Giáp ranh xã An Linh cũ	560	360	240	120
11	Ngân Sơn Chí Thạnh			2.480	1.520	920	600
12	Nguyễn Tấn Thành (Quốc lộ 1: Đoạn từ điểm giao phía nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc cũ)			3.000	1.800	1.200	600
13	Nguyễn Hoa			1.080	720	480	320
14	Nguyễn Mỹ			2.600	1.560	1.040	600
15	Nguyễn Thị Loan			1.040	680	440	240
16	Ô Loan			2.720			
17	Phạm Ngọc Thạch (Đường từ Quốc lộ 1 đến công nhà máy nước (KP-Trường Xuân) cũ)			1.510	840	590	380
18	Trần Phú						
-		QL1 (thôn Trường Xuân)	Ngân Sơn - Chí Thạnh	4.000	2.800	1.960	1.360
-		Ngân Sơn - Chí Thạnh	Trần Rịa	4.000	2.800	1.960	1.360
-		Trần Rịa	Cổng hộp (thôn Long Bình)	3.600	2.520	1.760	1.200
-		Cổng hộp (thôn Long Bình)	QL 1 (thôn Chí Đức)	3.600	2.520	1.760	1.200
19	Trần Rịa						
-		Lê Thành Phương	Trần Phú	1.840	1.160	760	480
-		Trần Phú	Quốc lộ 1	2.400	1.360	1.040	680
20	Đường Trần Rịa - chùa Long Bình đến đường Trần Phú						
-		Đường Trần Rịa	Đốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	1.050	760	500	290
-		Đốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	Đường Trần Phú	590	380	290	170
21	Trần Suyễn (Đường số 7 cũ)			2.000	1.080	720	480
22	Võ Trứ						
-		Quốc lộ 1	Hải Dương	2.160	1.380	830	550
-		Hải Dương	Ngân Sơn Chí Thạnh	2.210	1.380	830	550
-		Ngân Sơn - Chí Thạnh	Lê Thành Phương	2.480			
23	Võ Trung (Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Lò Gốm mới)			1.760	1.010	760	500

24	Tuyến đường dẫn cao tốc	Trần Suyền	Nhà điều hành (<i>trạm thu phí</i>)	2.000	1.080	720	480
25	Đường xã lộ						
-		Chùa Thanh Long	Công chào Mỹ Long	170	130	80	60
-		Công chào Mỹ Long	Giáp ranh xã Đông Xuân (<i>Đoạn từ công chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc cũ</i>)	170	130	80	60
26	Các đường liên thôn						
-		Quốc lộ 1 (<i>Phủ Mỹ</i>)	Ngã ba Cây Da thôn Bình Hòa	420	320	230	150
-		Ngã ba Cây Da thôn Bình Hòa	Công văn hóa thôn An Thổ	230	190	150	80
-		Công văn hóa thôn An Thổ	Phía Nam cầu Cửa Tà	320	230	150	80
-		Công thôn Long Uyên	Miếu thờ Lê Thánh Tông	170	130	80	60
-		QL1 (<i>kê sông Vét</i>)	Đập Đồng Kho	290	210	130	80
-		QL1 (<i>cổng thôn Bình Chính</i>)	Bắc cầu Cửa Tà	170	130	80	60
-		Đường ĐT 641 (<i>thôn Phong Hậu</i>)	Ngã ba đi Long Hòa	230	180	140	90
27	Đường liên thôn (<i>Đường ĐH 38 cũ</i>)						
-		Đường ĐT 641	Cầu Nhất Trí (<i>Đường từ đường ĐT 641 đến khu dân cư cũ</i>)	210	140	120	90
-		Miếu bà Trang	Ngã ba đi Long Hòa (<i>Đường giáp Thị trấn chí thành (cầu Ngân Sơn) đi đến trường tiểu học cũ</i>)	180	140	120	70
28	Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn			1.440			
29	Đường từ Quốc lộ 1 (Ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gốm (cũ)	Quốc lộ 1 (<i>Ngã ba cây Keo</i>)	Cầu Lò Gốm (cũ)	670	460	290	170
30	Khu dân cư đồng Gò Méc						
-	Đường rộng ≥ 6 mét			2.240			
-	Đường rộng < 6 mét			1.600			
31	Khu dân cư đường Trần Phú						
-	Đường số 3			2.000			
-	Đường số 4			2.000			
-	Đường số 14			2.200			
-	Đường số 13			2.000			
-	Đường số 10; đường số 11 và đường số 16			2.000			
32	Khu dân cư xưởng cưa Liên Thành: Đường rộng 5m			2.400			
33	Khu đô thị mới Ánh Dương (<i>sau khi đầu tư xây dựng xong cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt</i>)						
-	Đường quy hoạch D4, D5, N5 rộng 19,25m			1.200			
-	Đường quy hoạch N1 rộng 19m			1.200			
-	Đường quy hoạch D1, D2, D3, N2, N3, N4, N6, N7 rộng 11,5m			800			
-	Đường quy hoạch N8 rộng 4m			400			
34	Khu tái định cư thôn Chí Đức						
-	Đường số 1			1.200			
-	Đường số 2			900			

-	Đường số 3			900			
-	Đường số 4			900			
-	Đường số 5			900			
-	Đường số 6			900			
35	Khu tái định cư thị trấn Chí Thạnh (thôn Chí Đức)						
-	Đường số 3, Đường D1, Đường D2, Đường D3, Đường N1, Đường N2			2.000			
36	Khu dân cư N23-N24						
-	Đường QH DS15, rộng 12,5m			3.400			
-	Đường QH DS18, rộng 12,5m			3.400			
-	Đường QH DS41, rộng 12m			3.000			
-	Đường QH DS28, rộng 12m			3.000			
37	Khu tái định cư thôn Cản Lương						
-	Đường số 1			160			
-	Đường số 2, 3			140			
-	Đường số 4			120			
38	Khu tái định cư Đòng Đèo, thôn Cản Lương						
-	Đường số 1			480			
-	Đường số 1A			400			
-	Đường số 2 và số 6			400			
-	Đường số 3			320			
-	Đường số 4, 5 và 7			240			
39	Khu tái định cư đồng Cây Khế, thôn Bình Chính						
-	Đường số 4			720			
-	Đường số 2 và số 5			480			
-	Đường số 1 và số 3			400			
40	Khu tái định cư xã An Định cũ						
-	Đường N1, Đường D2			320			
-	Đường N2, Đường D1, Đường D3			230			
A91	XÃ TUY AN ĐÔNG						
1	Đường Quốc lộ 1 - Gành Đá Đĩa						
-		Giáp ranh xã An Ninh Tây cũ	Ngã 3 đường đi đèo biển	900	500	300	220
-			Ngã 3 đường đi đèo biển	560	360	260	160
-			Giáp thôn Phú Hạnh	640	400	260	180
-			Công Sơn Chà	700	380	240	160
-			Ngã ba đi Hội Phú	1.260	660	400	260
-			Cầu Lò Gốm	920	500	320	240
-			Kênh mương KC4 (Từ đường 42m)	200	140	120	80
-			Giáp ngã tư đường đi Hòa Hậu	180	120	100	80
			Đường ĐH 31 (Đáp Tam Giang)				

2	Đường gom khu dân cư Đồng Thủy (rộng 10m)			2.400			
3	Đường ngã 3 Bà Ná đến đèo Đàng						
-		Ngã ba Bà Ná	Cổng văn hóa thôn Phú Thịnh	340	220	180	120
-		Cổng thôn Phú Thịnh	Đèo Đàng	220	180	140	100
4	Đường phía Bắc Cầu An Hải	Ngã ba đi Gành Đá Đĩa (trường Ngô Máy)	Giáp ngã ba đường xuống thôn 7 đầu nối Tuyến đường ven biển mới	860	480	280	200
5	Đường từ cầu Lò Gốm đến hết đường bê tông thôn Hà Yên						
-		Cầu Lò Gốm	Bờ đê thôn Quảng Đức	340	260	200	140
-		Bờ đê thôn Quảng Đức	Cuối đường bê tông thôn Hà Yên	220	180	140	100
-		Đường bê tông thôn Hà Yên	Đèo Đàng	200	160	140	100
-		Bê đê thôn Quảng Đức	Đập ông Tấn	240	180	140	100
6	Đường từ Tuyến đường ven biển đoạn 42m từ giáp ĐH đến ngã ba thôn Phú Lương	Tuyến đường ven biển đoạn 42m từ giáp ĐH	Ngã ba thôn Phú Lương	1.000	800	600	400
7	Đường từ Tuyến đường ven biển đoạn 52m từ ngã ba thôn Phú Lương đến giáp Cầu An Hải	Tuyến đường ven biển đoạn 52m từ ngã ba thôn Phú Lương	Giáp Cầu An Hải	1.240	1.000	800	600
8	Các đường liên thôn						
8.1	Đường từ cổng bộ 6 đến cuối Xóm Chín						
-		Ngã ba ĐH31 nhà ông Hoài	Đỉnh dốc Đá Đen thôn Phú Hội	600	360	260	180
-		Đỉnh dốc Đá Đen	Nhà ông Hiến	480	360	260	180
-		Nhà ông Hiến	Cuối xóm 9 thôn 6 - Nhà ông Phạm Cu	220	160	140	100
-		Ngã ba đường ĐT 649	Nhà ông Nguyễn Hữu Sáng	200	140	120	80
-		Ngã ba đường ĐH 31 (Thôn 6)	Khu tái định cư An Vũ	220	160	140	100
-		Nhà ông Bình	Nhà bà Hương (thôn 5)	220	160	140	100
-		Trạm y tế xã	Giáp đường ĐH 31 (nhà ông Phạm Văn Toán)	220	160	140	100
-		Ngã ba đường đi đèo biển	Nhà ông Lợi thôn Phú Lương	300	220	160	120
-		Ngã 3 nhà bà Lương	Giáp đường 42m, và đoạn từ đường 42m đến nhà ông Khoáng xóm Phú Nhuận, thôn Phú Hội (ĐT69)	220	180	160	120
-		Ngã 3 nhà ông Cảnh	Nhà Nhiều thôn 6	200	160	140	100
-		Nhà ông Nghị (ĐH31)	Nhà ông Ngân thôn Phú Hạnh	200	160	140	100
-		Nhà ông Phạm Lương (ĐH31)	Cuối xóm Bãi Bàng (nhà ông Cao Hùng)	280	200	160	100
-		Phạm Văn Sơn (Thôn Phú Hạnh)	Nhà ông Cao Giấy	260	180	140	100
8.2	Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7						
-		Ngã ba đường 773 thôn 7	Giáp Miếu thôn 7	300	220	160	120
-		Miếu thôn 7	Cuối đường thôn 7	300	220	160	120
-		Miếu thôn 7	Khu tái định cư Lê Thịnh	300	220	160	120

-		Ngã ba xóm Cát Đường 773 (đường 52m)	Nhà ông Lê Hân thôn 7	200	160	140	80
8.3	Đường từ ngã 3 Mã Đạo đến bến đò thôn 8		Bến đò thôn 8				
-		Ngã 3 Mã Đạo	Cầu Am	320	220	160	120
-		Cầu Am (nhà ông Trinh)	Bến đò thôn 8	300	220	160	120
8.4	Đường từ HTXNN Nam An Ninh Đông cũ đến giáp An Cư	Đường HTXNN Nam An Ninh Đông cũ	Giáp An Cư	240	200	140	80
8.5	Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773	Chợ Đăng cũ thôn 8	Giáp ngã ba đường 773	200	160	140	80
8.6	Đường từ giáp đường ĐH31 (đầu đường chùa Thiên Hải) đến nhà ông Nguyễn Quang thôn Phú Hạnh	Giáp đường ĐH31 (đầu đường chùa Thiên Hải)	Nhà ông Nguyễn Quang thôn Phú Hạnh	200	160	140	80
8.7	Đường từ nhà ông Hón thôn Phú Hạnh đến chợ cây bàng thôn Phú Lương	Nhà ông Hón thôn Phú Hạnh	Chợ cây bàng thôn Phú Lương	200	180	120	80
8.8	Đường từ ĐT649 từ nhà ông Trịnh Thế đến giáp đường bê tông chợ Đăng mới	ĐT649 từ nhà ông Trịnh Thế	Giáp đường bê tông chợ Đăng mới	200	160	140	100
9	Các đường liên thôn						
-		Chợ Thủy	Ngã ba Xóm Giã	720	360	280	200
-		Chợ Thủy	Ngã ba cuối thôn Tiên Châu - Bình Thạnh	480	320	240	160
-		Dốc Bà Tron	Cảng cá thôn Tiên Châu	920	480	280	180
-		Ngã ba Đội thuế	Tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	660	380	280	180
-		Ngã ba cây xăng HTXNN	Cửa Bà Chi	620	380	280	180
-		Ngã ba cuối thôn Tiên Châu	Công thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	440	340	220	160
-		Ngã ba Xóm Giã	Bến Cá cũ thôn Tiên Châu	380	280	180	120
-		Ngã ba cuối thôn Tiên Châu	Dốc Miếu Bình Thạnh	380	280	180	120
-		Ngã ba Bà Trung	Bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	380	280	180	120
-		Ngã ba Cảng cá Tiên Châu	Đi cầu gỗ Bình Thạnh (Đường nội bộ vùng nuôi tôm)	440	340	220	160
-		Công trường tiểu học số 1	Nhà ông Chút, Xuân Phú	340	220	180	120
-		Nhà ông Cương	Nhà bà Cúc, Xuân Phú (khu vực chợ Giã)	660	380	280	180
-		Ngã ba cầu Lắm	Nhà ông Trần Mai	260	180	160	120
-		Ngã ba trạm xá	Trường TH số 2, Tiên Châu	280	220	180	120
-		Buru điện	Nhà ông Tâm, Xuân Phú	340	220	180	120
-		Ngã ba sân kho cây khế	Nhà ông Đường (Đội 3)	280	220	180	120
-		Nhà trẻ Hội Phú	Đường liên xã	280	220	180	120
-		Đường liên xã	Khu tái định cư (đội 17 - Diêm Điền)	280	220	180	120
-		Đường bê tông Hội Phú (Cây Gòn)	Cầu gỗ Bình Thạnh	280	220	180	120
-		Ngã ba Trường cấp 2,3 Võ Thị Sáu	Nhà bà Phú (Giáp ranh xã An Thạch cũ)	280	220	180	120
-		Cửa bà Chi	Nhà ông Trần Ngọc Liên	280	220	180	120
-		Chùa Hưng Thiện	Khu chăn nuôi tập trung	280	220	180	120
-		Nhà ông Trần Mai	Nhà ông Dương	280	220	180	120

-		Nhà ông Nhứt	Giáp đường cây gòn Cầu gổ	280	220	180	120
-		Nhà ông Tôn Tấn Hào	Giáp đường cây gòn Cầu gổ	280	220	180	120
-		Ngã ba nhà ông Bằng	Ngã ba nhà bà Hồng	280	220	180	120
10	Khu dân cư An Vũ: Các đường trong khu dân cư			360			
11	Khu dân cư Đồng Thủy - Tiên Châu						
-	Đường số 1 rộng 16m			1.800			
-	Đường số 2, 4 rộng 10m			1.440			
-	Đường số 3 rộng 10m			1.280			
12	Khu dân cư Đèo Đãng (sau khi đã đầu tư hạ tầng): Các trục đường trong khu dân cư			120			
13	Khu dân cư Lê Thịnh: Các đường trong khu dân cư			240			
14	Khu dân cư thôn Phú Hội: Các tuyến trong khu dân cư			240			
15	Khu tái định cư thôn Phú Hội, xã An Ninh Đông cũ						
-	Đường QH: N2, D1			600			
-	Đường QH: N1, N3, D2, D3, D4			560			
16	Khu tái định cư thôn Phú Lương, xã An Ninh Đông cũ						
-	Đường QH: N2, D1			560			
-	Đường QH: N1, N3, D2, D3			520			
A92	XÃ Ô LOAN						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp ranh xã An Hiệp cũ	Cổng qua đường QL1 (<i>đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức</i>)	1.040	640	400	240
-		Cổng qua đường QL1 (<i>đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức</i>)	Đỉnh dốc Chùa	1.200	640	400	240
-		Đỉnh Dốc Chùa	Giáp ranh giới thôn Phước Lương	1.600	880	560	400
-		Đầu thôn Phước Lương (<i>phía nam</i>)	Đường đi Đồng Cháy	1.360	720	400	240
-		Đường đi Đồng Cháy	Giáp ranh thị trấn Chí Thạnh cũ	1.280	640	400	240
-		Giáp ranh xã An Hòa Hải cũ	Giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương (<i>Đoạn từ giáp ranh xã An Hòa đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương cũ</i>)	1.560	800	480	360
-		Phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	Giáp ranh xã An Cư cũ	880	360	240	200
-		Giáp An Mỹ	Phía Bắc cầu Chùa Hang	1.400	720	440	280
-		Phía Bắc cầu Chùa Hang	Giáp ranh xã An Hiệp cũ	1.280	680	400	280
2	Đường ĐT 649						
-		Giáp An Mỹ	Phía bắc chợ Diêm Hội	1.000	560	320	240
-		Đường phía bắc chợ Diêm Hội	Ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (<i>Nhà ông Huỳnh Kim Thanh</i>)	720	320	280	160

-		Ngã ba đường bê tông Đồng Môn đi Xóm Cát (Nhà ông Huỳnh Kim Thanh)	Trường Mầm non An Hải	680	400	280	160
-			Trường Mầm non An Hải				
3	Đường từ An Hiệp cũ đi An Lĩnh cũ						
-		QL 1	Hết phân trường TH Tuy Dương	400	280	200	120
-		Phân trường TH Tuy Dương	Giáp ranh xã An Lĩnh cũ	170	120	100	70
4	Đường từ ngã ba Phú Điền đi thôn Hội Sơn						
-		Quốc lộ 1	Cầu Suối Ré	1.000	560	320	200
-		Cầu Suối Ré	Giáp đường ĐT 649	680	440	320	200
-		Đường ĐT 649	Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội	1.080	600	360	240
-		Nhà Văn hóa thôn Nhơn Hội	Công chào thôn Hội Sơn	1.000	560	320	200
5	Đường từ Phú Xuân đi An Lĩnh cũ	Phú Xuân	An Lĩnh cũ	160	120	80	70
6	Đường từ Quốc lộ 1 đến cụm Công nghiệp Tam Giang	Quốc lộ 1	Cụm Công nghiệp Tam Giang	550	380	290	170
7	Đường từ Quốc lộ 1 đi Đầm Ô Loan						
-		Quốc lộ 1	Cầu đường sắt	380	290	170	130
-		Cầu đường sắt	Giáp ranh xã An Cư cũ	290	210	170	130
8	Đường xung quanh chợ Phiên Thứ mới			480			
9	Cụm công nghiệp Tam Giang						
-		Đường rộng 16m		480			
-		Đường rộng 14m		400			
10	Đường từ nhà thờ Đồng Cháy đến giáp đập Ông Tấn, thôn Phước Lương	Nhà thờ Đồng Cháy	Giáp đập Ông Tấn, thôn Phước Lương	280	220	160	120
11	Quốc lộ 1 đi Phước Hậu						
-		Giáp QL 1	Cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	550	380	290	170
-		Cầu Cây Gạo	Ngã ba Đả Bàn thôn Phước Hậu	380	290	170	130
12	Đường từ ĐT 649 đến chợ thôn Xuân Hòa	Đường ĐT 649	Chợ thôn Xuân Hòa	600	440	320	200
13	Tuyến đường ĐH36 từ cầu sắt đến giáp xã An Hòa Hải cũ	Đường ĐH36 từ cầu sắt	Giáp xã An Hòa Hải cũ	480			
14	Đường liên xã						
-		Ngã 3 đường liên xã (nhà ông Đào)	Đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	1.200	680	440	320
-		Phía Bắc cầu Long Phú	Ngã ba đường đi xóm Đá	600	440	320	200
15	Các đường liên thôn						
-		Quốc lộ 1	Ngã ba Xóm Chuối				
+		QL1	Ngã ba đường đi liên xã (nhà ông Đào)	920	480	320	200
+		Ngã ba đường đi liên xã (nhà ông Đào)	Trường Môm cũ (nhà ông Lực)	680	440	320	200
+		Trường Môm cũ (nhà ông Lực)	Ngã ba Xóm Chuối	440	320	200	120
-		Quốc lộ 1	Nhà thờ Đồng Cháy				

+		<i>QL1 (Phước Lương)</i>	<i>Đường sắt</i>	440	320	200	120
+		<i>Đường sắt</i>	<i>Nhà thờ Đồng Cháy</i>	320	240	200	120
-		Công trường mằm non thôn Tân Long	Giáp đường ven đâm				
+		<i>Công trường mằm non thôn Tân Long</i>	<i>Cổng ông Thượng</i>	440	320	200	120
+		<i>Cổng ông Thượng</i>	<i>Cổng nhà ông Nghi</i>	320	240	200	120
+		<i>Cổng nhà ông Nghi</i>	<i>Giáp đường ven đâm</i>	200	160	120	80
-		Ngã 3 sân khấu đua thuyền thôn Tân Long	Giáp ranh xã An Ninh Đông cũ (Đường từ công thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông cũ)				
+		<i>Ngã 3 sân khấu đua thuyền thôn Tân Long - Xóm Đá</i>	<i>Chùa Phước Đồng</i>	440	320	200	120
+		<i>Chùa Phước Đồng</i>	<i>Giáp ranh xã An Ninh Đông cũ</i>	320	240	200	120
-		Ngã ba nhà ông Hồ Hiệp (giáp đường dẫn cầu Long Phú)	Ngã ba nhà ông Thành				
+		<i>Ngã ba nhà ông Hồ Hiệp (giáp đường dẫn cầu Long Phú)</i>	<i>Nhà ông Đỗ Minh Đệ</i>	440	320	200	120
+		<i>Nhà ông Đỗ Minh Đệ</i>	<i>Ngã ba nhà ông Thành</i>	320	240	200	120
+		<i>Nhà ông Thành</i>	<i>Giáp ranh xã An Hiệp cũ</i>	320	240	200	120
-		Đường xung quanh xóm gỗ		210	170	130	80
-		Trường tiểu học	Gò Giam	210	170	130	80
-		Chợ Gành (thôn Phú Tân 2)	Hết khu dân cư Hòa Thành	210	170	130	80
-		Ngã tư nhà ông Huỳnh Hữu Trang	Trường mẫu giáo Đội 5 thôn Phước Lương	210	170	130	80
-		Nhà ông Phùng Vàng	Giáp thôn Hòa Hậu (xã An Thạch cũ) (Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú cũ)	210	170	130	80
-		Ngã ba Công viên (chợ Yén cũ)	Nhà Tiền Hiền thôn Phú Thường				
+		<i>Ngã ba Công viên (chợ Yén cũ)</i>	<i>Cổng chào thôn Phú Thường.</i>	970	550	340	210
+		<i>Cổng chào thôn Phú Thường</i>	<i>Nhà Tiền Hiền thôn Phú Thường</i>	880	550	340	210
-		Nhà tiền hiền thôn Phú Thường	Giáp đường ĐT 649	880	550	340	210
-		Ngã ba nhà ông Võ Kim Hùng	Giáp ngã ba tuyến đường từ nhà tiền hiền đến đường ĐT 649	880	550	340	210
-		Ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội	Cuối đường thôn Diêm Hội	710	340	210	170
-		Ngã 3 cổng chùa Linh Sơn	Giáp ranh giới xã An Hiệp cũ (thuộc 1 phần đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến thôn Tân Hòa cũ)	420	340	210	130
-		Ngã 3 đường ngăn mặn An Hòa - An Hiệp	Hết thôn Tân Hòa (thuộc 1 phần còn lại của đường từ ngã ba cổng chùa Linh Sơn đến thôn Tân Hòa cũ)	420	340	210	130

-		Ngã ba thôn Nhơn Hội	Lăng Ông thôn Nhơn Hội	670	380	290	170
-		Ngã 3 Tân Quy (nhà ông Phạm Xuân Kính) đi Phước Đồng (đường nhựa)		840	420	290	170
-		Ngã 3 thôn Đồng Môn	Khu dân cư thôn Phước Đồng (Giáp đường Tân Quy đi Phước Đồng)	340	210	170	130
-		Giáp ngã ba đường Tân Quy đi Phước Đồng	Nhà ông Lành thôn Xuân Hòa	380	290	170	130
-		Khu dân cư Tân Quy	Phía bắc trụ sở UBND xã An Hải cũ	590	380	290	170
-		Giáp khu TDC Phước Đồng	Công chào Phước Đồng đi Xóm Cát	500	380	290	170
16	Khu dân cư Phong Phú: Các thửa đất giáp 2 mặt đường nội bộ rộng 2,5m			840			
17	Khu dân cư Phong Phú: Các thửa đất còn lại tiếp giáp đường nội bộ			760			
18	Khu dân cư Hòa Thạnh						
-	Đường số 1, rộng 7,5m			280			
-	Đường số 2, rộng 9m			240			
-	Đường số 3, 5 rộng 7,5m			160			
-	Đường số 4 rộng 7,5m			200			
-	Đường số 6 rộng 7,5m			160			
19	Khu dân cư Nhơn Hội (khu dân cư Tân An cũ)						
-	Đường rộng > 16m			1.360			
-	Đường rộng 10m			1.040			
-	Đường rộng 9m			960			
-	Đường rộng 7,5m			720			
-	Đường rộng 6m			560			
20	Khu dân cư Nhơn Hội (giai đoạn 2) (khu dân cư Tân An (giai đoạn 2) cũ)						
-	Đường số 1 (rộng 10,5m)			1.040			
-	Đường số 2, 7, 8 (rộng 11m)			1.080			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 5,75m)			560			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 8,5m)			800			
-	Đường số 3 (đoạn rộng 11,6m)			1.040			
-	Đường số 4 (rộng 18m)			1.200			
-	Đường D3 (rộng 10,5m)			1.040			
21	Khu dân cư Tân Định						
-	Đường số 1 và số 2 rộng 6m			440			
-	Đường số 3 rộng 4m			400			
22	Khu quy hoạch dân cư thôn Phú Tân						
-	Đường rộng 10m			480			
-	Đường rộng 8m			320			
-	Đường rộng 6m			200			
23	Khu tái định cư Đồng Gia Điền						

-	Đường số 3 rộng 9m			1.360			
-	Đường số 2 rộng 12m			1.080			
-	Đường số 1 rộng 12m			1.200			
24	Khu tái định cư Gò Điều						
-	Đường số 4			760			
-	Đường số 1			720			
-	Đường số 2, 3			640			
-	Đường số 5			600			
25	Khu tái định cư thôn Phú Tân 2: Đường rộng 9m (giáp Quốc lộ 1)			800			
26	Khu tái định cư xã An Hiệp cũ						
-	Đường N1			170			
-	Đường D1, Đường N2			180			
-	Đường D2, Đường N3			160			
27	Tái định cư đồng Cây Đông			380			
28	Tái định cư Đồng Cây Gạo						
-	Đường số 1			720			
-	Đường số 2			560			
-	Đường số 3, 6			440			
-	Đường số 4, 5			360			
A93	XÃ TUY AN NAM						
1	Quốc lộ 1						
-		Giáp xã An Phú	Đường bê tông đi nhà ông Lê Xuân Thế	1.940	970	660	310
-		Đường đi mỏ đá Phú Thạnh	Giáp ranh xã An Mỹ	1.320	620	350	260
-		Giáp ranh xã An Chấn cũ	Giáp ranh xã Ô Loan	1.850	1.060	620	440
2	Đường ĐT 643						
-		Quốc lộ 1	Hết nhà máy ô tô JRD	2.770	1.670	1.010	660
-		Nhà máy ô tô JRD	Ngã tư chính tuyến	1.980	1.140	660	480
-		Ngã tư chính tuyến - cầu sắt	Giáp ranh xã An Thọ cũ	400	260	220	130
-		Ngã tư chính tuyến	Giáp ranh xã An Thọ cũ (đường cứu hộ - cứu nạn)	400	260	220	130
-		Giáp ranh xã An Mỹ cũ	Cuối thôn Quảng Đức	360	300	240	180
-		Cuối thôn Quảng Đức	Giáp Vân Hòa	300	240	180	140
3	Đường ĐT 649						
-		Cầu Đồng Nai	Công chào thôn Phú Phong, Phú Quý	1.980	1.100	750	440
-		Công chào thôn Phú Phong, Phú Quý	Giáp ranh xã An Mỹ cũ	1.540	880	440	310
		Giáp ranh xã An Chấn cũ	Giáp ranh xã Ô Loan	1.410	750	440	310
4	Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn						
-		Tiếp giáp Quốc lộ 1		1.100			
-		Tiếp giáp đường nội bộ		660			
5	Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ			3.390			
6	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến đường sắt Phú Hòa (Đường từ ngã ba Giai Sơn đến trường tiểu học Số 2 cũ + Khu vực 1 cũ)						
-		Ngã ba Giai Sơn	Trường tiểu học Số 2	480	350	220	130
-		Trường tiểu học số 2	Giáp đường sắt thôn Phú hòa	400	260	220	130
7	Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn - Ô Loan	Ngã ba Giai Sơn	Giáp thôn Hội Sơn - Ô Loan	1.140	440	310	180

8	Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm mới thôn Hòa Đa	Quốc lộ 1	Cuối xóm mới thôn Hòa Đa	460	320	230	140
9	Các đường liên thôn						
-		Đường HTXNN An Chấn	Ngã ba nhà Cô Thương	700	400	310	180
-		Khe nước bầu Đồng Nai	Giáp tuyến đường vào công khu du lịch Bãi Xếp	1.280	620	350	260
-		Ngã ba nhà ông Nguyễn Minh Cảnh	Giáp khu dân cư Phú Phong	530	400	310	180
-		Trường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp nhà ông Trục	700	440	310	180
-		Ngã ba khu dân cư thôn Phú Thạnh N1, N2 đi	Tuyến đường ĐT 649 (nhà ông Nguyễn Tử Hải)	700	440	310	180
-		Ngã ba (nhà ông Dàng)	Nhà ông Tài	400	310	220	180
-		Ngã ba nhà ông Đặng Xuân Dương	Quán Hương Cau	700	400	310	180
-		Cổng chào thôn Phú Phong	Giáp ngã ba nhà ông Chi	850	480	240	170
-		Quốc lộ 1	Đường ĐT 649				
+		Quốc lộ 1	Trạm y tế xã	2.020	1.140	750	440
+		Trạm y tế xã	Đường cơ động	1.060	570	350	260
-		Chợ cũ	Cầu Hàm và từ Chợ cũ đến Núi Một	1.190	480	260	180
-		Chợ mới đi qua trường Nguyễn Thái Bình	Cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	1.140	620	400	310
-		Nhà hát nhân dân cũ	Ngã ba cuối Xóm 4 thôn Phú Long	1.140	620	400	310
-		Ngã ba xóm 4 Phú Long	Ngã ba nhà ông Lê Thăng giáp sân vận động	700	350	260	180
-		Nhà ông Nguyễn Dương Hiền	Nhà ông Nguyễn Thơ	350	260	180	90
-		Giáp Quốc lộ 1	Cuối xóm 6 thôn Phú Long	310	220	180	90
10	Các đường thôn						
-		Quốc lộ 1	Đi mỏ đá Phú Thạnh	480	350	260	180
-		Ngã ba đi Mỏ đá Phú Thạnh	Hết đường bê tông (Áp Lý)	440	310	220	130
-		Ngã ba đường Cơ Động (ĐT 649)	Cuối đường bê tông thôn Phú Phong	480	350	260	180
11	Các đường xã lộ						
-		Đường sắt	Ngã tư đường ĐT 649	1.580	790	480	350
-		Ngã tư ĐT 649	Hết tuyến đường kè Biển	1.800	1.010	620	400
-		Dốc Súc thôn Phú Cần	Đầu Dốc Lầy thôn Phú Cần	160	130	100	80
-		Chòm Bắc thôn Phú Cần	Cầu Lỗ Găng thôn Phú Mỹ	140	110	100	80
-		Trăng Hòn Gió	Giáp đường ĐT 643	120	110	90	80
-		Ngã ba Dốc Súc	Giáp đường ĐT 643	200	160	100	60
-		Ngã ba Giồng Tò	Trăng Hòn Gió	150	120	90	60
12	Khu vực xung quanh sân vận động			750			
13	Khu dân cư phía Tây xã Tuy An Nam (xã An Mỹ cũ)						
-	Đường 20m			3.200			

-	Đường 16m			2.800			
-	Đường 14,5m			2.600			
-	Đường 13,5m			2.400			
14	Khu dân cư Thị Tứ						
-	Đường quy hoạch rộng 30m			1.800			
-	Đường quy hoạch rộng 16m			1.520			
-	Đường quy hoạch rộng 12,5m			1.200			
A94	XÃ TUY AN TÂY						
1	Đường ĐH 32	Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Giáp ranh xã Tuy An Nam (<i>xã An Thọ cũ</i>)	130	100	60	50
2	Đường ĐH 37	Giáp ranh đường ĐH 32	Chợ Phong Thái	120	100	60	50
3	Đường ĐT 650						
-		Giáp ranh xã Tuy An Bắc	Tràng (cũ) vùng 9 thôn Trung Lương I	280	190	130	80
-		Tràng (cũ) vùng 9	Cầu Ông Tài thôn Trung Lương I	520	340	250	130
-		Cầu ông Tài	Đốc quán bà Ráo	280	190	130	80
-		Đốc quán bà Ráo	Vùng 5 (<i>cây me</i>)	280	190	130	80
-		Vùng 5 (<i>cây me</i>)	Đốc bà Nghè, Xuân Thành	280	190	130	80
-		Đốc bà Nghè, Xuân Thành	Giáp ranh xã Vân Hòa	440	340	250	130
4	Các đường liên thôn						
-		Đường ĐH 33: Từ cổng thôn Phong Lãnh	Đốc Chùa thôn Phong Lãnh (<i>giáp Long Đức Chi Thạnh</i>)	120	100	60	50
-		Đường ĐH 34: Từ đầu thôn Phong Thái	Cuối thôn Quang Thuận	120	100	60	50
-		Ngã ba xã cũ (<i>Thái Long</i>)	Vùng 2 xóm cổng	120	100	60	50
-		Ngã ba xã cũ (<i>Thái Long</i>)	Vùng 8 Hòn Mỏ	120	100	60	50
-		Ngã ba Hòn Dung (<i>Vùng 8</i>)	Vùng 8 Lỗ Thờ	120	100	60	50
-		DX 32	Xóm Cây Cui	120	100	60	50
-		Đầu xóm Gò	Cuối xóm Tiếng thôn Tư Thạnh	100	80	70	50
-		Đường ĐT 650, ngã ba nhà bà Liên Phi	Vùng 3 nhà ông Sỹ	210	140	90	70
-		Đường ĐT 650 (<i>ngã ba vùng 10</i>)	Vùng 5 Thê Hiên	180	140	120	70
+		Đường ĐT 650 (<i>đốc quán bà Ráo</i>)	Vùng 12, vùng 13	140	120	90	70
+		Đường ĐT 650 (<i>quán ông Quán</i>)	Vùng 9 Hóc Bò, Hóc Tạ	140	120	90	70
-		Cầu Hòn Ngang	Nhà ông Nguyễn Thanh; đoạn từ Cầu Hòn Ngang đến nhà ông Hùng Phê (<i>giáp đường ĐH 32</i>)	140	120	90	70
-		Cầu bà Kéo (<i>ĐT 650</i>)	Ruộng ông Trần Ngọc Châu	280	240	160	120
-		Đường ĐT 650 (<i>ruộng ông Cù Thanh Sơn</i>)	Nhà ông Nguyễn Văn Mão	180	140	120	70
-		Giáp đường ĐT 650 (từ trụ sở Đảng ủy - UBMTTQVN xã)	Nhà văn hóa thôn Xuân Trung	200	140	110	80
-		Đường ĐT 650	Cuối thôn Xuân Hòa				

+		Đường ĐT 650	Chùa Hậu Sơn, thôn Xuân Bình	120	90	70	60
+		Đường ĐT 650	Nhà ông Nguyễn, thôn Xuân Hòa	120	90	70	60
5	Đường liên thôn, xóm						
-		Đường ĐH 32 (cây Dông)	Nhà ông Bội vùng 2 Định Phong	140	120	90	70
-		Đường ĐT 650 (tiệm ông Huân vùng 8)	Nhà ông Lộc, vùng 8, Trung Lương 1	130	110	90	70
-		Đường ĐT 650 (nhà bà Lại vùng 8)	Nhà ông Hùng vùng 8, Trung Lương 1	130	110	90	70
-		Tiệm ông Dục	Nhà ông Cảnh, vùng 7, Thế Hiền	130	110	90	70
-		Ngã 3 Bàng Tin	Nhà họp xóm, vùng 7, Thế Hiền	130	110	90	70
-		Ngã bàn tin thôn Thế Hiền	Đập Thế Hiền	160	130	110	80
6	Khu tái định cư Giếng Dông: Các đường quy hoạch rộng 3,5m			120			
A95	XÃ SÔNG HÌNH						
1	Quốc lộ 19C						
-		Ranh giới xã Đức Bình	Ngã ba Tuy An	320	230	160	120
-		Cầu Ea Bia	Cầu Đưng Gia	600	400	280	160
-		Cầu Đưng Gia	Cầu suối Thương Hra (Buôn Thu)	240	200	160	120
-		Cầu suối Thương Hra	Cầu suối Ea Trol (Cầu Sắt)	360	240	180	120
-		Cầu suối Eatrol	Ngã 3 thôn kinh tế 2	240	180	120	80
-		Ngã 3 thôn kinh tế 2	Giáp xã EaTrol và xã Sông Hình (cũ)	140	90	80	70
-		Ranh giới xã EaTrol và xã Sông Hình (cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	80	60	60	50
2	Quốc lộ 29						
-		Cầu Sông Hình	Cầu Suối Dù	220	160	120	100
-		Cầu Suối Dù	Công chào thôn 1	560	400	280	160
3	Trần Hưng Đạo						
-		Công chào	Thôn 1 đến giáp công nhà thờ Sông Hình	680	520	360	240
-		Công nhà thờ Sông Hình	Ngã ba đi buôn 2Klốc	1.000	600	400	280
-		Ngã ba đi buôn 2Klốc	Chi nhánh điện Sông Hình	1.200	720	480	300
-		Chi nhánh điện Sông Hình	Giáp BCH phòng thủ khu vực 6	1.800	1.200	720	480
-		BCH phòng thủ khu vực 6	Ngã tư đường Hoàng Hoa Thám và đường Võ Trứ	3.400	2.040	1.360	680
-		Ngã tư đường Hoàng Hoa Thám và đường Võ Trứ	Nhà khách UBND xã	4.400	2.200	1.640	1.100
-		Nhà khách UBND xã	Đường Hồ Xuân Hương (Góp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vương) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)	4.200	2.100	1.500	900

4	Lê Lợi						
-		Ngã tư đường Trần Hưng Đạo	Giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	4.400	2.200	1.640	1.100
-		Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	3.360	1.960	1.400	840
-		Ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	Giáp Trụ sở Quản lý đường bộ	1.400	920	700	460
-		Trụ sở Quản lý đường bộ	Nhà văn hóa thôn 9	1.280	960	640	320
-		Nhà văn hóa thôn 9	Ngã ba đi Buôn Ken (Quốc lộ 29 cũ)	600	400	280	160
-		Ngã ba đi Buôn Ken	Giáp ranh giới xã Ea Bá (Quốc lộ 29 cũ)	400	280	160	100
5	Hoàng Hoa Thám						
-		Ngã tư Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1.800	1.200	600	400
-		Nguyễn Đình Chiểu	Công chào buôn Hai Riêng	1.520	1.020	560	320
-		Công chào buôn Hai Riêng	Cầu Ea Bia	800	540	360	240
6	Nguyễn Thái Học (Đường đi buôn 2Klốc, xã EaBia cũ)						
-		Ngã ba Trần Hưng Đạo	Giáp Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	600	540	400	280
-		Ranh Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Khu giãn dân Buôn 2Klốc	440	400	360	280
7	Đường từ tràn suối Bệnh viện đến Quốc lộ 19C	Trần suối Bệnh viện	Quốc lộ 19C	560	440	320	160
8	Đường từ ngã ba Buôn Dành đến ngã Ba đường Buôn Ly đi Buôn Thu	Ngã ba Buôn Dành	Ngã Ba đường Buôn Ly đi Buôn Thu	140	120	80	60
9	Bà Triệu			1.720	1.160	820	620
10	Y Nộ (buôn Thô đi Suối Máy)			760	520	340	200
11	Chu Văn An			1.080	720	480	300
12	Hai Bà Trưng						
-		Ngã ba Lê Lợi	Giáp ngã tư Lương Văn Chánh	3.080	2.040	1.360	680
-		Ngã tư Lương Văn Chánh	Giáp đường Hồ Xuân Hương	1.600	1.400	800	600
13	Hồ Xuân Hương			1.800	1.200	720	480
14	Hoàng Văn Thụ			1.720	1.160	820	620
15	Lê Hồng Phong			1.200	900	720	600
16	Lê Quý Đôn						
-		Nguyễn Đình Chiểu	Chu Văn An	920	600	420	240
-		Chu Văn An	Giáp đường Hoàng Hoa Thám	840	560	400	220
17	Lê Thành Phương			1.720	1.160	820	620
18	Lương Văn Chánh						
-		Nguyễn Công Trứ	Giáp đường Trần Hưng Đạo	4.400	2.200	1.640	1.100
-		Trần Hưng Đạo	Ngã tư đường Ngô Quyền	3.360	1.960	1.400	840
-		Ngã tư đường Ngô Quyền	Giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	2.360	1.560	1.040	520

-		Ngã tư Hai Bà Trưng	Cổng số 2	960	680	440	280
-		Cổng số 2	Giáp ngã ba đường đi buôn La Bách	600	400	280	160
19	Lý Thường Kiệt			1.520	1.020	720	540
20	Ngô Quyền			1.400	1.000	680	520
21	Nguyễn Công Trứ						
-		Nguyễn Văn Cừ	Lương Văn Chánh	2.200	1.640	1.100	800
-		Ngã ba Lương Văn Chánh	Ngã ba Nguyễn Trãi	4.400	2.200	1.640	1.100
-		Nguyễn Trãi	Giáp bốn xe	1.920	1.280	960	640
22	Nguyễn Du			1.400	900	720	600
23	Nguyễn Đình Chiểu			1.720	1.160	820	620
24	Nguyễn Huệ			1.600	1.160	800	580
25	Nguyễn Thị Minh Khai			1.200	900	720	600
26	Nguyễn Trãi						
-		Ngã tư đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Công Trứ	4.200	2.400	1.800	1.200
-		Đường Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	3.000	1.800	1.200	600
-		Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	2.120	1.500	900	600
-		Ngã ba đường Nơ Trang Long	Giáp đường Nguyễn Huệ	1.600	1.080	760	580
27	Nguyễn Văn Cừ			1.200	900	720	600
28	Nguyễn Văn Trỗi			1.920	1.280	960	640
29	Nơ Trang Long			1.600	1.160	800	580
30	Tuệ Tĩnh			1.160	920	600	400
31	Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đến giáp đường Nơ Trang Long (Khu mới quy hoạch)	Ngã ba Tuệ Tĩnh	Giáp đường Nơ Trang Long	1.000	720	600	400
32	Đường nội thị: đoạn nối liền Hoàng Văn Thụ vào quy hoạch khu dân cư phố 6			880	540	480	400
33	Trần Phú						
-		Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	3.400	2.040	1.360	680
-		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	2.240	1.600	960	640
-		Ngã ba Nguyễn Huệ	Cầu tràn suối Bệnh viện	880	680	440	280
34	Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương	Ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi	Giáp đường Hồ Xuân Hương	1.920	1.280	960	640
35	Võ Trứ			1.600	1.160	800	580
36	Khu dân cư thôn 3 mới QH						
-	Đường Cao Bá Quát			1.040	680	560	480
-	Đường Nguyễn Dũng			880	540	480	400
-	Đường Tân Đà			800	440	360	320
37	Khu dân cư thôn 7 cũ						
-	Đường Phan Bội Châu			1.080	760	520	320

-	Đường Huyện Trần Công Chúa			1.080	760	520	320
38	Đường Trần Quang Khải (Quốc lộ 19C)	Khu dân cư thôn 1	Giáp đường quốc lộ 29	560	400	280	160
39	Khu dân cư thôn 8						
-	Các đường Khu dân cư thôn 8: Đường từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường Bê Tông)			760	520	340	200
-	Đường Nguyễn Anh Hào (Các đường Khu dân cư thôn 8: Đường từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Bầu (tính hết đường Bê Tông) cũ)			840	560	400	220
40	Huỳnh Thúc Kháng			760	520	340	200
-		Ngã ba Quốc lộ 29	Đường Y Nộ	1.060	840	600	400
-		Đường Y Nộ	Giáp ranh giới xã Đức Bình	440	320	240	160
41	Đường trung tâm xã Sông Hình (cũ)						
-		Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)	Cuối trường THCS xã Sông Hình	60	50	50	40
-		Trường THCS xã Sông Hình	Hết đường bê tông	60	50	40	40
A96	XÃ ĐỨC BÌNH						
1	Quốc lộ 29						
-		Cầu Sông Nhau	Cầu Suối Biều	220	180	140	100
-		Cầu Suối Biều	Hết thôn Suối Biều	160	120	100	60
-		Thôn Suối Biều	Giáp ranh giới xã Đức Bình Đông	120	100	80	60
-		Ranh giới xã Sơn Giang	Hết nhà ông Thân	160	100	80	60
-		Nhà ông Thân	Điểm trường TH Tân Lập	200	140	110	80
-		Điểm trường TH Tân Lập	Cầu Suối Cạn	320	240	160	120
-		Cầu Suối Cạn	Cầu Sông Hình	220	160	120	90
2	Đường từ Quốc lộ 29 đến thôn Hà Giang						
-		Quốc lộ 29	Hết kênh T20	160	120	100	60
-		Kênh T20	Hết thôn Hà Giang	120	100	80	60
3	Đường 20 tháng 7						
-		Quốc lộ 29	Niệm Phật đường Sơn Giang	140	120	100	80
-		Niệm Phật đường Sơn Giang (chùa Phước Quang)	Hết thôn Hà Giang	120	100	80	60
4	Đường từ ngã tư Quốc lộ 29 đi cây xăng Bình Giang						
-		Ngã tư Quốc lộ 29	Trạm điều hành mỏ đá Hòn Gộp	200	160	120	80
-		Trạm điều hành mỏ đá Hòn Gộp	Hết cây xăng Bình Giang	160	140	100	60
5	Đường từ Ngã Tư Tân Lập đến Trường mầm non Đức Bình Đông	Ngã Tư Tân Lập	Trường mầm non Đức Bình Đông	160	120	100	80

6	Quốc lộ 19C (Đường ĐT 649 cũ)						
-		Điểm đầu cầu sông ba	Ngã ba thôn An Hòa (<i>bình bình</i>)	300	200	160	120
-		Ngã ba thôn An Hòa	Hết đất cây xăng Hataco	280	240	200	160
-		Cây xăng Hataco	Ngã ba buôn Quang dù (<i>đi thủy điện</i>)	260	220	180	140
		Ngã ba buôn Quang Dù	Hết đất nhà máy đá Granit Tú Mai	160	120	100	80
-		Nhà máy Granit Tú Mai	Giáp ranh giới thị trấn	160	120	80	60
7	Đường đi thôn Tuy Bình						
-		Quốc lộ 19C (<i>đường ĐT 649 cũ</i>)	Ngã 3 nhà ông Hồng	160	120	100	60
-		Ngã 3 nhà ông Hồng	Giáp nhà bà Bùi Thị Toàn	140	100	80	50
8	Đường chợ	Quốc lộ 19C	Giáp cây xăng Hataco	160	120	100	60
9	Đường thôn An Hòa	Ngã tư Quốc lộ 19C (<i>Đường ĐT 649 cũ</i>)	Giáp đường số 9	160	110	90	60
10	Đường đi đập chính thủy điện sông Ba Hạ						
-		Ngã ba QL19C (<i>nhà bà Huế</i>)	Giáp ngã ba đường nhựa (<i>đoạn qua nhà Văn hóa buôn Quang Dù</i>)	180	120	80	70
-		Ngã ba QL19C	Giáp cầu suối tre (<i>đoạn qua nghĩa địa buôn Quang dù</i>)	180	120	80	70
-		Cầu suối tre đi đập thủy điện	Giáp ranh giới thị trấn	140	100	80	70
11	Khu dân cư thôn An Hòa						
-		Đường liên thôn rộng 12m: Đoạn từ Quốc lộ 19C đến giáp đường D4		200			
-		Đường D4 (<i>đoạn từ giáp đường liên thôn rộng 12 m đến giáp đường Quốc lộ 19C</i>), đường N3 (<i>đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C</i>) và đường N5 (<i>đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường Quốc lộ 19C</i>) rộng 6m		160			
-		Các đường rộng 6m còn lại		120			
12	Đường số 9	Tuy Bình	Giáp Quốc lộ 19C	140	100	80	70
13	Khu dân cư thôn Bình Giang			340	300	260	220
A97	XÃ EA LY						
1	Quốc lộ 29						
-		Cầu Buôn trung	Trần Thanh niên xung phong	680	600	480	400
-		Trần Thanh niên xung phong	Ngã ba trường sơn đông (<i>thôn Tân Yên</i>)	540	440	360	280
-		Ngã ba đường Trường Sơn Đông (<i>thôn Tân Yên</i>)	Cầu EaLy	360	280	200	160
-		Cầu EaLy giáp	Cầu Erong Reng (<i>thôn Đăk Phú</i>)	220	160	120	80
-		Quốc lộ 29 (<i>cổng chào thôn Tân An</i>)	Hết nhà văn hoá khu thể thao thôn Tân An	360	280	200	160
-		NVH thôn Tân An	Hết đường trục chính thôn Tân An (<i>giáp thôn Tân Bình</i>)	140	100	80	60
-		Quốc lộ 29 (<i>nhà ông Thanh Khôi</i>)	Hết trường Tiểu học Tân Lập	480	400	320	240

-		NVH Tân lập	Hết khu dân cư thôn Tân Bình	140	100	80	60
-		Ngã ba Thôn Tân Lập	Thôn Tân Sơn dọc trục đường nhựa	140	100	80	60
-		Ngã ba trường sơn đông (thôn Tân Yên)	Nhà ông Thừa	260	200	160	120
-		Giáp Quốc lộ 29 đi Buôn Zô	Hết nhà máy đá Nhất Lam	260	200	160	120
-		Nhà máy đá Nhất Lam	Hết xóm Dao buôn Zô	180	120	80	60
-		Giáp Quốc lộ 29	Đường Suối đá thôn 2/4	180	120	80	60
2	Trường Sơn Đông						
-		Ngã ba Quốc lộ 29 (nhà ông Nguyễn Văn Ba)	Ngã ba đường Cream đi xã EaBá	520	420	320	240
-		Ngã ba đường Cream đi xã EaBá	Xã Ea Dré tỉnh Gia Lai	220	160	120	80
-		Ngã ba Quốc lộ 29	Km492 (Trường Sơn Đông)	320	240	160	100
-		Km492 (TSD)	Ranh giới cầu Erong reng (thôn đắk phú)	220	160	120	80
3	Các đường, đoạn đường còn lại trong xã						
-		Công chào Buôn Bai	Giáp ranh giới Buôn Gao	180	120	80	60
-		Ngã 3 đường Trường Sơn Đông	Ngã 4 (trạm y tế xã EaLam)	180	120	80	60
-		Ngã tư buôn Bưng A	Khu dân cư buôn Bưng B (phía đi ra bờ sông)	70	60	40	30
-		Buôn Gao	Khu dân cư buôn Học	70	60	40	30
A98	XÃ EA BÁ						
1	Quốc lộ 29						
-		Cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh	Cổng hợp Suối Phên	190	130	100	60
-		Cổng hợp Suối Phên	Ngã ba buôn Ken	190	130	100	60
-		Ngã ba đi buôn Ken	Ngã ba đi Suối buôn Chung	260	200	140	80
-		Ngã ba đi suối buôn Chung	Cầu buôn Chung	180	150	120	80
2	Khu quy hoạch mới khu dân cư Buôn Trinh						
-		Đường gom song song Quốc Lộ 29		180	120	80	60
-		Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch		150	100	70	50
3	Đường từ Quốc lộ 29 cây xăng đến ngã 3 thôn EaDin	Quốc lộ 29 cây xăng	Ngã 3 thôn EaDin	140	120	90	70
4	Đường từ ngã tư cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh đến bãi rác	Ngã tư cây xăng thôn 10 xã Sông Hinh	Bãi rác	120	90	60	40
5	Đường từ bãi rác đến ngã ba Buôn Bàu	Bãi rác	Ngã ba Buôn Bàu	100	80	60	40
6	Đường từ ngã ba Buôn Bàu đến ngã tư Buôn Ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	Bãi rác	Ngã tư Buôn Ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	100	80	60	40
7	Đường từ ngã tư Buôn ken (Nghĩa địa Buôn Ken) đến Cây Xăng (Buôn Bá)	Ngã tư Buôn ken (Nghĩa địa Buôn Ken)	Cây Xăng (Buôn Bá)	110	80	60	50
8	Đường từ Cây xăng Buôn Bá đến nhà văn hóa Buôn Chao	Cây xăng Buôn Bá	Nhà văn hóa Buôn Chao	100	80	60	40

A99	XÃ SON HÒA						
1	Quốc lộ 19C						
-		Cầu Sông Ba	Giáp ranh xã Suối Bạc cũ	320	240	160	120
-		Quốc lộ 19C đi qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Giáp ranh thị trấn Củng Sơn cũ	Quốc lộ 25 - 200 m	320	220	160	120
+		Quốc lộ 25 -200 m	Quốc lộ 25 +200 m	520	360	260	180
+		QL25 +200 m	Cầu Hiệp Lai	320	220	160	120
-		Quốc lộ 19C đi qua địa bàn xã Sơn Phước cũ					
+		Cầu Hiệp Lai	Ngã 3 đường bê tông đi Cây Đa Ma Đen	260	220	130	90
+		Giáp ngã 3 đường bê tông đi Cây Đa Ma Đen	Ranh giới xã Tây Sơn	180	150	130	90
2	Quốc lộ 25						
-		Quốc lộ 25 đoạn đi qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Trạm biến áp 35KV Tân Phú	Hết chợ Suối Bạc	1.200	840	580	400
+		Chợ Suối Bạc	Giao đường Suối Bạc 1	920	640	440	320
+		Giao đường Suối Bạc 1	Giao đường Quốc lộ 19C + 200m	720	480	380	260
+		Đường Quốc lộ 19C+200m	Giáp ranh xã Suối Trai	400	320	220	140
-		Quốc lộ 25 đoạn đi qua địa bàn xã Sơn Hà cũ					
+		Giáp ranh xã Phú Hòa I	Cột Km36	340	250	170	130
+		Cột Km36	Cầu Sông Con	420	320	230	150
+		Cầu Sông Con	Đường vào chùa Phước Điền	840	590	420	290
+		Đường vào chùa Phước Điền	Trạm biến áp 35kV Tân Phú	660	480	350	260
3	Đường ĐT 650						
-		Đường ĐT 650 đoạn qua địa bàn xã Sơn Hà cũ					
+		Từ giao QL25 +100 mét về hướng Bắc		680	480	340	240
+		Giao QL25 +100 m về hướng Bắc	Cầu Ngã 2	360	240	200	140
-		Đường ĐT 650 đoạn qua địa bàn xã Sơn Nguyên cũ					
+		Cầu Ngã 2	Nhà cơ khí Thành Đạt	480	340	240	160
+		Nhà cơ khí Thành Đạt	UBND xã Sơn Nguyên cũ+ 150 m	460	360	260	180
+		Hết UBND xã Sơn Nguyên cũ +150m	Cầu Vực Cui	240	200	160	120
+		Cầu Vực Cui	Ranh giới xã Vân Hòa	160	100	80	40
4	Đường 24 tháng 3						
-		Đường Quốc lộ 19C (ĐT 646 cũ)	Đường vào bến nước Ông Đa	520	360	260	180
-		Đường vào bến nước Ông Đa	Trụ sở UBND thị trấn cũ	720	480	320	200

-		Trụ sở UBND thị trấn cũ	Hết cầu Móng	720	520	440	400
-		Cầu Móng	QL 25 (Đoạn từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến ranh giới xã Suối Bạc cũ)	480	440	360	280
5	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	800	560	400	280
6	Hùng Vương						
-		Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	840	600	420	280
-		Trần Hưng Đạo	Giao đường Hồ Suối Bùn I	720	520	380	260
7	Lê Lợi						
-		lên Hòn Ngang	Trần Phú	800	560	400	280
-		Trần Phú	Giao đường Hùng Vương	1.200	840	580	400
-		Hùng Vương	Đường số 11	960	680	480	340
-		Đường số 11	Đường 24 tháng 3	680	480	340	240
8	Nguyễn Chí Thanh						
-		Đường lên Hòn Ngang	Trần Phú				
+		Hòn Ngang	Hai Bà Trưng	800	560	400	280
+		Hai Bà Trưng	Trần Phú	840	600	420	300
-		Trần Phú	Giao đường Hùng Vương	1.320	1.000	640	480
-		Hùng Vương	Giao đường số 11	880	640	440	320
9	Nguyễn Thị Minh Khai						
-		Chân đồi Hòn Ngang	Võ Thị Sáu	960	680	480	340
-		Võ Thị Sáu	Hết khu Thổ Đá	720	520	380	260
10	Đường số 11	Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	840	680	480	300
11	Đường Suối Bạc 4						
-		Ngã Tư công viên (đường Trần Phú)	Hồ Suối Bùn 2	2.000	1.760	960	720
-		Hồ suối Bùn 2	Ngã 4 Suối Bạc 3	1.840	1.400	800	400
-		Giáp ranh Suối Bạc 3	QL25	1.400	800	680	580
12	Trần Hưng Đạo						
-		Chân đồi Hòn Ngang	Võ Thị Sáu	960	720	480	360
-		Võ Thị Sáu	Hết khu Thổ Đá	640	500	360	260
13	Trần Phú						
-		Bờ Sông Ba	Giao đường 24 tháng 3	1.000	760	520	400
-		Ngã giao đường 24 tháng 3	Mương thùy lợi nhà ông Bình	1.200	840	580	400
-		Mương thùy lợi (nhà ông Hạnh)	Đường Trần Hưng Đạo	1.600	1.200	800	560
-		Giao đường Trần Hưng Đạo	QL 25	1.120	760	520	360
14	Võ Thị Sáu						
-		Lê Lợi	Giao đường Trần Hưng Đạo	800	560	400	280
-		Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Suối Bùn I	680	480	360	280

15	Đường ĐH 56	Suối Thá	QL 19C	180	130	100	70
16	Đường ĐH 53	Giáp ranh xã Ea Chà Rang	Đường 24/3 (thị trấn Củng Sơn cũ)	120	80	60	40
17	Đường ĐH54						
-		Đường ĐH54 đoạn qua địa bàn xã Suối Bạc cũ					
+		Ngã 3 khu giãn dân Nguyễn Xuân	ĐH 52	160	100	80	40
-		Đường ĐH 54 đoạn qua địa bàn xã Sơn nguyên cũ					
+		Ngã ba (giao đường ĐT 650) thôn Nguyễn An	Hết khu dân cư thôn Nguyễn Cam	200	140	100	80
+		Hết khu dân cư thôn Nguyễn Cam	Giáp ngã 3 khu giãn dân Nguyễn Xuân	160	100	80	40
18	Đường quy hoạch dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 2	Đường 24/3	Vào 500m	320	240	160	120
19	Đường ĐS6						
-		Đường 24 tháng 3	Vào 400m	900	600	360	240
-		Đường 24 tháng 3 vào 400 m	Giao đường Quy hoạch DS9	800	400	320	240
-		Giao đường Quy hoạch DS9	Giao đường Quy hoạch DS8	1.540	800	400	320
-		Giao đường Quy hoạch DS8	Giao đường Suối Bạc 4	1.740	1.200	480	320
20	Đường nội bộ khu Thể dục thể thao	Giao đường Võ Thị Sáu	Hùng Vương	680	480	340	240
21	Các đường còn lại Xã Suối Bạc cũ						
21.1		Đường Suối Bạc 1					
-		Giáp đường Trần Phú	Ngã 3 Suối Bạc 2	640	500	360	260
-		Ngã 3 Suối Bạc 2	QL25	520	360	260	180
21.2		Đường Suối Bạc 2		440	320	200	140
21.3		Đường Suối Bạc 3					
-		Giáp ranh đường Trần Phú	Giáp ranh Suối Bạc 4	1.000	760	520	400
-		Giáp ranh Suối Bạc 4	Giáp ranh 24/3	800	400	320	240
21.4		Đường ĐH 52 (Đường đi thôn Suối Bạc cũ)					
-		Ngã tư (giao QL25)	Hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 250m	600	400	320	220
-		Hết ranh trường Tiểu học Suối Bạc + 250m	Cầu Suối Ba Võ	360	240	200	140
-		Cầu Suối Ba Võ	Giáp ranh hồ Suối Vực	240	180	140	120
21.5		Tuyến đường Từ QL25 đi ngã 3 Sáu Kham					
-		Đoạn từ QL25+200m		240	180	140	120
-		QL25+200m	Ngã 3 Sáu Kham	200	140	100	80
22	Các đường giao thông còn lại xã Sơn Hà cũ						
22.1		Đường 24 tháng 3 (Từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25)		420	250	170	130
22.2		Đường ĐH 51					

-		Giáp Quốc lộ 25	Cầu Hai (thôn Thạnh Hội)	240	200	160	120
-		Cầu Hai (thôn Thạnh Hội)	Ngã tư thôn Thạnh Hội	200	160	120	80
-		Ngã tư thôn Thạnh Hội	Ngã ba đường vào thôn Hòa Sơn	200	160	120	80
-		Ngã ba đường vào thôn Hòa Sơn	Ngã tư nhà Ông Phụng	200	160	120	80
-		Ngã tư nhà Ông Phụng	Giáp đường 24 tháng 3	240	200	160	120
22.3		Đường Từ ngã tư Trụ sở UBND xã tới ngã ba Trăng Sim					
-		Ngã tư Trụ sở UBND xã tới cầu H		440	320	240	160
-		Cầu Hòa Sơn	Đường vào Hồ Giếng Tiên	240	200	160	120
-		Đường vào Hồ Giếng Tiên	Ngã ba Trăng Sim	200	160	120	80
22.4		Đường liên thôn Đốc Cát					
-		Quán cơm Thanh Tâm	Nhà văn hóa thôn Đốc Cát	400	320	220	140
-		Nhà văn hóa thôn Đốc Cát	Nhà ông Thái	240	200	160	120
22.5		Tuyến từ giao Quốc lộ 25 đến nhà ông Nguyễn Ngọc Dư	Nhà ông Nguyễn Ngọc Dư	420	340	250	170
22.6		Tuyến từ ngã ba sân banh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Quyên	Nhà ông Nguyễn Ngọc Quyên	360	270	210	170
23	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Nguyên cũ						
-		Giao từ ngã ba ĐT650	Khu sinh thái Hoà Nguyên	100	80	60	40
-		Ngã tư chợ Nguyên Cam	Hết Suối Mè	120	80	60	40
-		Giao từ ngã ba ĐT650 (Nhà ông Lê Thanh Hải)	Hết đường bê tông (Thôn Nguyễn Trang)	100	80	60	40
24	Đường bê tông từ nhà ông Ma Thành đến Cây Da Ma Đen xã Sơn Phước cũ	Nhà ông Ma Thành	Cây Da Ma Đen xã Sơn Phước cũ	140	100	100	70
A100	XÃ VĂN HÒA						
1	Quốc lộ 19C						
-		Giáp ranh xã Xuân Phước	Hết thôn Hòa Ngãi	110	80	60	40
-		Giáp thôn Hòa Ngãi	Hết thôn Hòa Thuận	170	130	90	70
-		Giáp thôn Hoà Thuận	Ngã tư giao với đường ĐT 643 (thôn Hoà Nghĩa) - 250m	180	130	90	70
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 643 -250m	Ngã 4 giao với đường ĐT 643	260	200	150	110
-		Ngã tư giao đường ĐT 643	Ngã 3 giao đường trục thôn Hoà Bình (ĐT 643 cũ, trạm dừng chân Tâm Thành Đạt)	1.100	880	660	570
-		Ngã 3 giao đường trục thôn Hoà Bình (ĐT 643 cũ, trạm dừng chân Tâm Thành Đạt)	Giáp ranh xã Tây Sơn	130	110	90	70
2	Đường ĐT 643 mới						
-		Ranh xã Tuy An Nam	Ngã 3 giao với đường trục thôn Văn Hoà (ĐT 643 cũ)	310	230	170	130
-		Ngã 3 giao với đường trục thôn Văn Hoà (ĐT 643 cũ)	Ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Văn Hoà) - 200m	320	260	220	200

-		Ngã 3 giao với đường trục thôn Vân Hoà (ĐT 643 cũ)	Ngã 3 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Vân Hoà) - 200m đến ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Vân Hoà)	400	320	200	120
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 650 (cây xăng Vân Hoà)	Hết Hồ Vân Hòa (vị trí ngã 3 giao với đường liên thôn số 01)	400	320	200	120
-		Hết Hồ Vân Hòa (vị trí ngã 3 giao với đường liên thôn số 01)	Hết Hồ Suối Phèn (vị trí ngã 3 giao điểm đầu của đường liên thôn số 02)	1.120	1.000	920	800
-		Hết Hồ Suối Phèn (vị trí ngã 3 giao điểm đầu của đường liên thôn số 02)	Ngã 3 giao với đường liên thôn số 2 (điểm cuối), xóm Phong Cao, thôn Phong Hậu	340	250	160	120
-		ngã 3 giao với đường liên thôn số 2 (điểm cuối), xóm Phong Cao, thôn Phong Hậu	Hết khu dân cư xóm Phong Cao	280	140	120	80
-		Hết khu dân cư xóm Phong Cao	Giao với đường vào bãi rác Sơn Long cũ	160	120	80	60
-		Giao đường vào bãi rác Sơn Long cũ	Ngã 4 giao với Quốc lộ 19C	1.000	800	600	520
3	Đường ĐT 650						
-		Ranh giới xã Sơn Hoà	Trụ sở Công an xã Vân Hoà - 150m	90	70	50	30
-		Trụ sở Công an xã Vân Hoà - 150m	Đầu Dốc Đò	180	130	90	70
-		Đầu Dốc Đò	Ngã 4 giao với đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà) - 300m	140	100	80	60
-		Ngã 4 giao với đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà) - 300m	Ngã tư giao với đường ĐT 643	400	320	200	120
-		Giao đường ĐT 643 giáp ranh giới xã Tuy					
+		Giao đường ĐT 643	Hết khu dân cư thôn Suối Phèn (Km 19+850)	280	240	200	160
+		Hết khu dân cư thôn Suối Phèn (Km 19+850)	Ngã 3 giao đường vào mỏ đá Sơn Long (Km 16+100)	180	140	80	60
+		Ngã 3 giao đường vào mỏ đá Sơn Long (Km 16+100)	Giáp xã Tuy An Tây	160	120	70	60
4	Đường liên thôn						
-		Giao ĐT 643 (hồ Vân Hoà), thôn Vân Hoà	Giao ĐT 643 (hồ Suối Phèn), thôn Suối Phèn	260	190	140	90
-		Ngã 3 giao ĐT 643 (hồ Suối Phèn), thôn Suối Phèn	Giao với đường ĐT 643 (xóm Phong Cao), thôn Phong Hậu				
+		Ngã 3 giao ĐT 643 (hồ Suối Phèn), thôn Suối Phèn	Ngã 4 giao với đường thôn (từ hết thôn Trung Trinh đến giao ĐT 643 (UBND xã Vân Hoà)) - 500m	320	230	170	120
+		Ngã 4 giao với đường thôn (từ hết thôn Trung Trinh	Giao ĐT 643 (UBND xã Vân Hoà)) - 500m đến đường ĐT 643 (xóm Phong Cao), thôn Phong Hậu	340	250	190	140
-		Hết thôn Trung Trinh	Giao ĐT 643 (thôn Phong Hậu)				
+		Hết thôn Trung Trinh	Ngã 4 giao đường liên thôn số 02 (UBND xã Vân Hoà) - 200m	140	100	80	40
+		Ngã 4 giao đường liên thôn số 02 (UBND xã Vân Hoà) - 200m	Giao ĐT 643 (thôn Phong Hậu)	170	120	80	50
5	Đường nội thôn						

5.1	Thôn Vân Hòa						
-		Ngã 3 giao ĐT 643	Hồ Vân Hòa	180	130	90	70
-		Ngã 3 giao với đường từ ngã 3 giao ĐT 643	Hồ Vân Hòa đến giao đường ĐT 643 (hồ Vân Hoà)	180	130	90	70
-		Ngã 3 giao với đường nội thôn (ngã 3 Chợ Đồn)	Giao đường ĐT 643 (cây xăng Vân Hoà)	280	180	140	90
5.2	Thôn Suối Phèn						
-		Nhà văn hóa thôn Suối Phèn	Ngã 3 giao với đường ĐT650	220	180	140	100
5.3	Thôn Hòa Bình						
-		Ngã 3 giao ĐT 643 mới	Ngã 3 giao QL 19C				
+		Giao ĐT 643 (mới)	Ngã Tư thôn Hòa Bình -100m	210	150	100	70
+		Ngã Tư thôn Hòa Bình - 100m	Ngã tư Hòa Bình +100m	230	140	90	60
+		Ngã tư Hòa Bình +100m	Giao QL 19C	190	140	90	60
-		Ngã 4 giao QL 19C	Hết khu dân cư Gò Ông Dư				
+		Ngã 4 giao QL 19C	Ngã tư Hòa Bình	240	160	120	80
+		Ngã tư Hòa Bình cũ	Hết khu dân cư Gò Ông Dư	140	100	80	40
A101	XÃ TÂY SON						
1	Quốc lộ 19C						
-		Ranh giới xã Sơn Phước	Cổng qua đường (<i>ruộng lúa nước</i>)	100	70	50	40
-		Cổng qua đường (<i>ruộng lúa nước</i>)	Ngã tư chợ Trà kê +200m	200	140	100	70
-		Ngã tư Chợ Trà Kê +200m	Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	130	90	60	50
-		Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	Ranh giới xã Sơn Định	110	80	60	40
2	Đường ĐT646						
-		Quốc lộ 19C (<i>ngã ba địa chất</i>)	Ngã tư đi thôn Tân Thuận (<i>Trường La Văn Cầu</i>)	150	110	80	60
-		Ngã tư đi thôn Tân Thuận (<i>Trường La Văn Cầu</i>)	Đường vào đập hồ Tân Lương	80	60	40	20
-		Đường vào đập hồ Tân Lương	Ngã 3 Tổng Bình	80	60	40	30
-		Ngã 3 Tổng Bình	Nhà ông Sô Minh Cảnh	90	60	40	30
-		Ranh nhà ông Sô Minh Cảnh	Hết ranh nhà ông Sô Đồng	90	60	50	30
-		Nhà ông Sô Đồng	Hết ranh xã Tây Sơn (<i>giáp xã Phú Mỹ</i>)	80	60	40	30
3	Đường ĐH55						
-		Ngã tư chợ Trà Kê	Hết ranh nhà ông Trần Quốc Mỹ	180	130	90	60
-		Nhà ông Trần Quốc Mỹ	Trạm cân bà Nguyễn Thị Hoa Hậu	90	70	50	30
-		Trạm cân bà Nguyễn Thị Hoa Hậu	Trạm cân nhà ông Nguyễn Đức Nông	110	70	60	40

-		Trạm cân nhà ông Nguyễn Đức Nông	Sông Cà Lúi	80	60	40	30
4	Đường ngã tư Trà Kê-Thôn Tân Thuận						
-		Ngã tư Chợ Trà Kê	Hết UBND xã	230	160	120	80
-		UBND xã	Giao đường ĐT 646	180	130	90	60
5	Đường từ ĐT 646 (ngã ba Suối Tre) đến ĐH 55 (nhà ông Ba Bình)	ĐT 646 (ngã ba Suối Tre)	ĐH 55 (nhà ông Ba Bình)	160	120	80	60
6	Đường từ giao đường ĐH 55						
-		Nhà rông văn hóa thôn Ma Nhe	Đất sản xuất Ông Ma Linh	60	50	40	30
-		Nhà ông Ma Thơ	Nhà ông Ma Đường thôn Ma Lãng	60	50	40	30
-		Nhà bà Đây	Nhà rông văn hóa thôn Ma Thín	60	50	40	30
-		Nhà bà Xoan	Nhà ông Ma Đó thôn Ma Lăn	60	50	40	30
-		Trường mầm non	Nhà văn hóa xã Cà Lúi	60	50	40	30
-		Nhà ông Ma Bép	Nghĩa địa thôn Ma Lưn	60	50	40	30
-		UBND xã	Nghĩa địa thôn Ma Đĩa	60	50	40	30
-		Nhà ông Ma Hương	Nghĩa địa thôn Ma Đĩa	60	50	40	30
-		Nhà ông Hưng	Nhà Ông Loan thôn Ma Thín	60	50	40	30
7	Đường Liên thôn						
-		Đường Ma Y-Suối Đá		60	50	40	30
-		Giáp ngã tư cầu Cà boong	Hết trường tiểu học - trung học cơ sở (cấp 2)	60	50	40	30
-		Trường tiểu học - trung học cơ sở (cấp 2) đi	Hết Lê Mo Thảo	60	40	30	20
-		Ngã ba (giao ĐT646)	Gia Trụ	60	50	40	30
-		Đường Ma Y	Giáp ranh với xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai	60	50	40	30
-		Giáp cầu Ca Boong	Hết nghĩa địa thôn Ma Y	70	50	40	30
-		Giáp nghĩa địa thôn Ma Y	Giáp ranh xã Đất Bằng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	70	50	40	30
-		Nhà Mí Bình	Nhà Mí Sợi, thôn Ma Y	50	40	20	20
-		Nhà Oi Hồ	Ma Tiên, thôn Ma Y	50	40	20	20
-		Giao Mí Bình - Mí Sợi	Giao Oi Hồ - Ma Tiên, thôn Ma Y	50	40	20	20
-		Giao Oi Hồ - Ma Tiên	Giao đường Mí Bình - Mí Sợi	50	40	20	20
-		Giao đường Mí Bình - Mí Sợi	Nhà ông Ma Khỏe, thôn Ma Y	50	40	20	20
-		Giao đường trục xã	Giao đường từ Ma Y - Suối Đá (14), thôn Ma Y	50	40	20	20
-		Giao đường xã	Nhà rông Ma Giấy, thôn Ma Giấy	50	40	20	20
-		Giao đường xã	Đất nông nghiệp nhà Ma Triều, thôn Ma Giấy	50	40	20	20
-		Nhà Ma Hòa - Nhà Ma ẻo, thôn		50	40	20	20

-		Nhà Ma Tiệm	Nhà Ma Xuyên, Gia Trụ	50	40	20	20
-		Ma Huyền	Sóng Cà Lúi, Gia Trụ	50	40	20	20
-		Nhà O Máy	Nhà La O Thơm, thôn Gia Trụ	50	40	20	20
-		Tuyển nhà ông Hiếu	Nhà Mố Mâm	50	40	20	20
-		Nhà Y Địa	Nhà ông Hiếu - Mố Mâm	50	40	20	20
-		Nhà Ma Khẹo	Nhà Ma Tinh	50	40	20	20
-		ĐT 646 (trạm cân)	Hết đường bê tông thôn Tổng Bình	40	30	20	20
-		QL 19C nhà ông Trần Ngọc Chánh	Giáp đường ĐH 55	60	40	30	20
-		QL 19C	Hết đường Bê tông (<i>đường đi Hồ Cây Đa</i>)	60	40	30	20
-		ĐT 646 ngã tư Trường La Văn Cầu	Hết đường bê tông thôn Tân Thuận	40	30	20	20
-		Nhà ông Lê Văn Thanh	Nhà ông Phan Tịnh	40	30	20	20
-		ĐT 646 trạm y tế Tân Lương	Hết thôn Tân Hiệp (<i>đầu dốc Lết</i>)	40	30	20	20
-		ĐH 55 thôn Tân Hợp (<i>Nhà ông Lê Văn Trung</i>)	Cổng qua ruộng lúa nước	40	30	20	20
-		QL 19C nhà ông Y Giáp	Nhà ông Lê Văn Thiểu	40	30	20	20
-		ĐH 55 thôn Tân Hội nhà ông Nguyễn Tân Hoàng	Nhà ông Nghê	60	40	30	20
A102	XÃ SUỐI TRAI						
1	Quốc lộ 25						
-		Quốc lộ 25 qua địa bàn xã Eachà Rang cũ					
+		Ranh giới xã Sơn Hòa	Cầu Suối Tre	180	90	60	50
+		Cầu Suối Tre	Cầu Eachà Rang	280	190	130	90
+		Cầu Eachà Rang	Cầu Hà Lan	160	110	80	60
-		Quốc lộ 25 qua địa bàn xã Krông Pa cũ					
+		Cầu Hà Lan	Ngã tư thôn Phú Sơn -200m (<i>Đoạn từ ranh giới xã Eachà Rang đến ngã tư -200m cũ</i>)	200	140	100	60
+		Ngã tư -200 m	Hết ranh trường Trung học cơ sở	280	200	140	100
+		Hết ranh trường Trung học cơ sở	Cầu Cà Lúi (<i>giáp ranh xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai</i>)	180	160	100	80
2	Đường ĐH 53						
-		Đường ĐH 53 qua địa bàn xã Eachà Rang cũ					

+		Đường Quốc lộ 25	Ranh giới xã Sơn Hòa (Đoạn từ đường Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Suối Trai (đường vào Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ) cũ)	120	80	60	40
+		Đường Quốc lộ 25	Đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	120	90	60	40
+		Đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	Cầu Ma Va	90	60	50	30
+		Cầu Ma Va	Ranh giới xã Suối Trai cũ	60	50	40	30
-		Đường ĐH 53 qua địa bàn xã Suối Trai cũ					
+		Ranh giới xã Ea Chà Rang cũ và Sơn Hòa	Ngã ba Hà Đò	120	80	60	40
+		Ngã ba Hà Đò	Ngã ba đi thôn Hoàn Thành	200	140	100	80
+		Ngã ba đi thôn Hoàn Thành	Ranh giới xã Ea Chà Rang cũ	120	80	60	40
3	Các đường còn lại trong xã						
-		Giao Quốc lộ 25	Điểm trường chính mầm non Ea Chà Rang (xã Ea Chà Rang cũ)	120	90	60	40
-		QL25	Hết đường bê tông buôn Khăm mới (xã Krông Pa cũ)	100	80	60	40
-		Tuyến đường từ Quốc lộ 25 (ngã tư thôn Phú Sơn) đi Buôn Học (xã Krông Pa cũ)					
+		QL25	Kênh mương	140	120	90	70
+		Kênh mương	Hết Buôn Học	100	80	60	40
-		Quốc lộ 25	Buôn Lé A (nhà H-Lem) (xã Krông Pa cũ)	140	120	90	70
-		Quốc lộ 25	Nghĩa địa thôn Phú Sơn (xã Krông Pa cũ)	140	120	90	70
-		UBND xã Suối Trai	Nhà ông Nguyễn Văn Bình (xã Suối Trai cũ)	120	100	80	60
-		Nhà ông Cao Quốc Lập	Giao đường ĐH 53 (xã Suối Trai cũ)	80	70	60	40
-		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xã Suối Trai	Nhà Ông Ma Lim (xã Suối Trai cũ)	80	70	60	40
-		Nhà ông Ma Nga	Nhà bà KPá Hờ Ân (xã Suối Trai cũ)	80	70	60	40
-		Ngã Ba Thôn Hoàn Thành (giao đường ĐH 53)	Nhà ông Ma Thoại (xã Suối Trai cũ)	80	70	60	40
-		Nhà ông Ngô Trung Điền	Nhà Ông Ksor Y Tiên (xã Suối Trai cũ)	80	70	60	40